

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP  
ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM  
2020 VÀ KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2016  
HUYỆN KHÁNH SƠN - TỈNH KHÁNH HÒA

Ngày...<sup>05</sup>...tháng...<sup>03</sup>...năm 2019

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH  
ĐCQH SỬ DỤNG ĐẤT



KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC

Mai Xuân Hưng

Ngày...<sup>23</sup>...tháng...<sup>01</sup>...năm 2019

CƠ QUAN ĐIỀU CHỈNH QUY  
HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT



CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Nhuận

NĂM 2019

## **ĐẶT VẤN ĐỀ**

Luật Đất đai năm 2013 quy định: Quản lý quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất là 1 trong 15 nội dung quản lý nhà nước về đất đai (Điều 22); việc thu hồi đất, cho thuê đất, giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất phải phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Việc Điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được thực hiện theo quy định của Luật Đất đai ban hành ngày 29 tháng 11 năm 2013 (*tại Chương IV, Điều 46*). Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai (*Chương 3, Điều 7*) và hướng dẫn tại Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế-xã hội của địa phương trên địa bàn huyện có liên quan đến sử dụng đất.

Huyện Khánh Sơn được thành lập năm 1985 sau khi tách ra từ huyện Cam Ranh (*nay là thành phố Cam Ranh*); nằm về phía Tây Nam của tỉnh Khánh Hòa, cách thành phố Cam Ranh 40km, cách thành phố Nha Trang 100km. Là huyện miền núi, địa hình hiểm trở, bị chia cắt mạnh bởi núi cao, sông suối và các hợp thủy; giao thông đi lại khó khăn; kinh tế vẫn chủ yếu dựa vào sản xuất nông nghiệp, các lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại dịch vụ còn chậm phát triển.

Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) của huyện Khánh Sơn được UBND tỉnh Khánh Hòa phê duyệt tại Quyết định số 2904/QĐ-UBND ngày 14/11/2013; hiện quy hoạch sử dụng đất của huyện đã thực hiện được 5 năm và xong kế hoạch sử dụng đất kỳ đầu (2011-2015); do đó cần tiến hành đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất kỳ đầu, nêu ra được những tồn tại hạn chế của quy hoạch được duyệt. Từ đó, đề xuất các giải pháp cho thực hiện điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020.

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Khánh Sơn giai đoạn 2015- 2020 đã được ban hành và đang được Đảng bộ và nhân dân huyện quyết tâm thực hiện. Ngoài ra Điều chỉnh quy hoạch xây dựng thị trấn Tô Hạp, huyện Khánh Sơn đã được UBND tỉnh Khánh Hòa phê duyệt tại Quyết định số 1249/QĐ-UBND ngày 18/5/2015; Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Khánh Sơn đến năm 2025 đã được UBND tỉnh Khánh Hòa phê duyệt, trong đó có nhiều công trình dự án đưa vào đầu tư xây dựng trong giai đoạn 2016 – 2020 mà quy hoạch sử dụng đất trước đây chưa đề cập.

Bên cạnh đó, Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đất đai đã phân chia chi tiết thêm nhiều loại đất mới khác với Luật Đất đai năm 2003. Vì vậy, theo quy định tại Khoản 1 Điều 51 Luật Đất đai năm 2013 thì phải rà soát, điều tra bổ sung để điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cho phù hợp với quy định của Luật Đất đai 2013 khi lập điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đến năm 2020. Hiện nay, tỉnh Khánh Hòa đang thực hiện điều chỉnh QHSD đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020), để

đảm bảo thống nhất với chỉ tiêu điều chỉnh quy hoạch, KHSD đất cấp tỉnh giao cho huyện thì việc điều chỉnh quy hoạch đất của huyện Khánh Sơn đến năm 2020 là rất cần thiết.

Thực hiện Công văn số 4378/UBND-XDND ngày 06/7/2015 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc triển khai Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 cấp huyện, Công văn số 1650/STNMT-CCQLĐĐ ngày 22/07/2015 Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Khánh Hòa về triển khai điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 cấp huyện; UBND huyện Khánh Sơn đã ban hành Quyết định số 925/QĐ-UBND ngày 07/8/2015 về việc giao Phòng Tài nguyên và Môi trường làm chủ dự án Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của huyện Khánh Sơn.

Căn cứ vào các văn bản trên Phòng Tài nguyên và Môi trường đã phối hợp với Phân viện Quy hoạch và Thiết kế Nông nghiệp miền Trung tiến hành ***Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của huyện Khánh Sơn, tỉnh Khánh Hòa*** để đảm bảo tính thống nhất về quản lý Nhà nước về đất đai trên địa bàn huyện, góp phần quan trọng trong việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ huyện nhiệm kỳ 2015 -2020.

## **I/ MỤC TIÊU ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2020**

Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của huyện Khánh Sơn nhằm đảm bảo thống nhất công tác quản lý Nhà nước về đất đai trên địa bàn huyện, đồng thời là biện pháp để thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Khánh Hòa và của huyện Khánh Sơn đến năm 2020 với các mục tiêu chính sau:

- Rà soát quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của huyện đã được duyệt để đánh giá được những kết quả đã đạt được trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất kỳ đầu (2011 – 2015), nêu ra được những tồn tại, bất hợp lý... từ đó đề xuất điều chỉnh bổ sung cho hoàn thiện; đồng thời cập nhật các công trình dự án mới phát sinh để đảm bảo phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, của huyện trong giai đoạn 2016 – 2020, đáp ứng được yêu cầu sử dụng đất hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả, bảo vệ đất, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu và đáp ứng nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, các lĩnh vực trên địa bàn huyện.

- Cụ thể hoá các chỉ tiêu điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 cấp tỉnh phân bổ cho huyện đến các đơn vị hành chính cấp xã, thị trấn.

- Làm cơ sở pháp lý để thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất và chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

- Đảm bảo quản lý và sử dụng hiệu quả diện tích đất trồng lúa nước theo Nghị định số 35/2015/NĐ-CP về Quản lý, sử dụng đất trồng lúa.

- Tạo sự phối hợp đồng bộ giữa các Sở, Ngành của tỉnh và địa phương trong quá trình quản lý, sử dụng đất; đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Coi đất đai là nguồn lực để khai thác tăng nguồn thu cho ngân sách, tạo nguồn vốn đầu tư phát triển kinh tế-xã hội cho địa phương.

- Xác định danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất; chuyển mục đích sử dụng đất; đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng đến năm 2020 phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội đến năm 2020 của huyện.

## **II/ PHƯƠNG PHÁP THỰC HIỆN**

### **2.1. Nhóm phương pháp thu thập số liệu:** gồm các phương pháp sau:

\* *Phương pháp điều tra, khảo sát thực địa:* Đây là phương pháp được dùng để điều tra, thu thập bổ sung số liệu, tài liệu, bản đồ, thông tin về điều kiện tự nhiên, kinh tế-xã hội, hiện trạng sử dụng đất năm 2015, kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất kỳ trước (2011-2015); thu thập tình hình thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất theo phương án quy hoạch đã được tỉnh phê duyệt. Khảo sát thực địa tại các xã, thị trấn để xác định khoanh vẽ lên bản đồ vị trí các công trình, dự án điều chỉnh quy mô, thay đổi vị trí và phát sinh mới trong kỳ điều chỉnh QHSD đất đến năm 2020.

\* *Phương pháp kế thừa, chọn lọc tài liệu đã có:* Trên cơ sở các tài liệu, số liệu, bản đồ đã thu thập được tiến hành phân loại, chọn lọc, kế thừa các tài liệu đã được phê duyệt và các công trình, dự án đang triển khai (chưa hoàn thành) và thực hiện tiếp cũng như các công trình, dự án mới sẽ triển khai từ năm 2016 đến năm 2020.

### **2.2. Phương pháp chọn điểm nghiên cứu:**

Chọn một số dự án lớn nằm trong phương án QH, KHSD đất đã được phê duyệt để điều tra về kết quả thực hiện nhanh hay chậm hoặc tại sao chưa được thực hiện để rút ra các nguyên nhân tồn tại và đề ra những giải pháp khắc phục.

### **2.3. Phương pháp xử lý số liệu, bản đồ:**

Các số liệu thu thập được phân tích, xử lý bằng phần mềm Excel. Các số liệu được tính toán, phân tích theo các bảng, biểu kết hợp với phần thuyết minh. Bản đồ được xây dựng bằng sử dụng phần mềm như Microstation, Mapinfor...

### **2.4. Phương pháp thống kê, so sánh và phân tích**

Trên cơ sở các số liệu, tài liệu thu thập được, tiến hành phân nhóm, thống kê diện tích các công trình, dự án đã thực hiện theo kế hoạch; chưa thực hiện, hoặc đang thực hiện dở dang; các dự án dự kiến hủy bỏ; các dự án phát sinh mới; tổng hợp, so sánh và phân tích các yếu tố tác động đến việc thực hiện phương án QH, KHSD đất. So sánh các chỉ tiêu thực hiện so với mục tiêu đề ra trong phương án QH, KHSD đất, từ đó phân tích các nguyên nhân thực hiện đạt thấp hay vượt QH, KHSD đất được duyệt.

### **2.5. Phương pháp minh họa trên bản đồ**

Đây là phương pháp đặc thù của công tác lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Các loại đất chuyển mục đích sử dụng đất trong kế hoạch 5

năm kỳ cuối (2016-2020) được thể hiện trên bản đồ Điều chỉnh QHSD đất đến năm 2020 của huyện, tỷ lệ 1/25.000 và Bản đồ Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất các xã, thị trấn tỷ lệ 1/10.000 thể hiện các yếu tố về vị trí phân bố, ranh giới sử dụng đất, hiện trạng sử dụng đất, mục đích sử dụng mới,... Phương pháp minh họa bằng bản đồ có sử dụng các phần mềm chuyên dụng làm bản đồ như Microstation, Mapinfor,...

### **III/ TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

- Chủ quản dự án: Ủy ban nhân dân huyện Khánh Sơn.
- Chủ dự án: Phòng Tài nguyên và Môi trường.
- Đơn vị tư vấn thực hiện: Phân viện Quy hoạch và Thiết kế Nông nghiệp miền Trung (*Viện quy hoạch và TK Nông nghiệp thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn*).
- Cơ quan phối hợp: các Phòng, Ban Ngành và UBND các xã, thị trấn trực thuộc huyện.
- Cơ quan thẩm định: Sở Tài nguyên và Môi trường.
- Cơ quan phê duyệt: UBND tỉnh Khánh Hòa.
- Thời gian thực hiện: năm 2015-2018.

### **IV/ SẢN PHẨM CỦA DỰ ÁN**

#### **4.1. Sản phẩm điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất**

- Báo cáo thuyết minh tổng hợp (*kèm theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân huyện về việc thông qua điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020; hệ thống bảng biểu, phụ biểu tính toán, bản đồ thu nhỏ*).
- Bản đồ Hiện trạng sử dụng đất huyện Khánh Sơn năm 2015, tỷ lệ 1/25.000.
- Bản đồ Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của huyện Sơn tỷ lệ 1/25.000.
- Bản đồ Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất các xã, thị trấn của huyện Khánh Sơn đến năm 2020, tỷ lệ 1/10.000.

#### **4.2. Nội dung chính của báo cáo gồm**

- Đặt vấn đề
- Phần I: Sự cần thiết điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất.
- Phần II: Phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất.
- Phần III: Các giải pháp thực hiện
- Kết luận và kiến nghị.

**Phần I**  
**SỰ CẦN THIẾT PHẢI ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT**  
**ĐẾN NĂM 2020 CỦA HUYỆN KHÁNH SƠN**

**I/ CĂN CỨ PHÁP LÝ ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT**

**1.1. Các căn cứ pháp lý**

- Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng;
- Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;
- Nghị quyết số 134/2016/QH13 ngày 04/04/2016 của Quốc hội về việc Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và Kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016 -2020) cấp quốc gia;
- Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 22/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai thi hành Luật Đất đai;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về Sửa đổi bổ sung một số nghị định, quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai năm 2013;
- Nghị quyết số 48/2018/NQ-CP ngày 09 tháng 05 năm 2018 của Chính phủ về Phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ cuối (2016-2020) của tỉnh Khánh Hòa;
- Nghị Quyết số 08/NQ-HĐND ngày 11/08/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc Ban hành Chương trình phát triển đô thị tỉnh Khánh Hòa đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;
- Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 09/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc thông qua Danh mục các dự án cần thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trong năm 2016 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.
- Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 09/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc thông qua Danh mục các dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng sang mục đích khác trong năm 2016 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.
- Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 13/12/2016 của HĐND tỉnh Khánh Hòa về việc thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng năm 2017 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.
- Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 13/12/2016 của HĐND tỉnh Khánh Hòa về việc thông qua danh mục các dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng sang mục đích khác trong năm 2017 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.
- Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 11/8/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa về danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội giai đoạn 2016-2020 được Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Khánh Hòa đầu tư trực tiếp, cho vay.
- Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 11/8/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh

Khánh Hòa ban hành kèm theo chương trình phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2016-2020.

- Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 11/8/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa ban hành Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2016-2020.

- Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 11/8/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa ban hành Chương trình phát triển đô thị tỉnh Khánh Hòa đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030.

- Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 12/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa về kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020.

- Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng trong năm 2018 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;

- Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc Thông qua danh mục các dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ sang mục đích khác trong năm 2018 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;

- Quyết định số 92/QĐ-UBND ngày 10/01/2014 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt Quy hoạch bảo tồn và phát triển bền vững Khu bảo tồn thiên nhiên Hòn Bà đến năm 2020.

- Quyết định số 3070/QĐ-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2009 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc Phê duyệt hệ thống cửa hàng xăng dầu tỉnh Khánh Hòa đến năm 2015 và định hướng đến 2020;

- Quyết định số 3606/QĐ-UBND ngày 30/12/2011 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển ngành nông nghiệp tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2011-2020, định hướng đến năm 2025;

- Quyết định số 2242/QĐ-UBND ngày 11/09/2012 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc Ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết 02/NQ-TW ngày 25/4/2011 của Bộ Chính trị về định hướng chiến lược và công nghiệp Khai khoáng đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 của tỉnh Khánh Hòa;

- Quyết định số 1149/QĐ-UBND ngày 10/05/2012 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt bảo vệ quy hoạch phát triển rừng giai đoạn 2011 – 2020 của tỉnh Khánh Hòa;

- Quyết định số 1190/QĐ-UBND ngày 16 tháng 05 năm 2012 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc Phê duyệt Quy hoạch phát triển nguồn nhân lực tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2011 – 2020;

- Quyết định số 2666/QĐ-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2013 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2011 – 2020, huyện Khánh Sơn, tỉnh Khánh Hòa;

- Quyết định số 2904/QĐ-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2013 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc Phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và Kế

hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011 – 2015) của huyện Khánh Sơn, tỉnh Khánh Hòa;

- Quyết định số 990/QĐ-UBND ngày 22 tháng 04 năm 2014 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt đề án Quy hoạch phát triển ngành Văn hóa tỉnh Khánh Hòa đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định 1249/QĐ-UBND ngày 18/05/2015 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Tô Hạp, huyện Khánh Sơn đến năm 2025;

- Quyết định số 3938/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2015 của UBND tỉnh Khánh Hòa v/v Phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2016 của huyện Khánh Sơn;

- Quyết định 1249/QĐ-UBND ngày 18/05/2015 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Tô Hạp, huyện Khánh Sơn đến năm 2025;

- Quyết định số 3646/QĐ-UBND ngày 15/12/2015 của UBND tỉnh Khánh Hòa về Phê duyệt quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tỉnh Khánh Hòa đến năm 2020, định hướng đến năm 2025;

- Quyết định 3989/QĐ-UBND ngày 26/12/2016 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt kết quả kiểm kê rừng tỉnh Khánh Hòa;

- Quyết định số 4013/QĐ-UBND ngày 26/12/2016 của UBND tỉnh Khánh Hòa phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030.

- **Quyết định số 3994/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của huyện Khánh Sơn đến năm 2025;**

- Quyết định số 4104/QĐ-UBND ngày 29/12/2016 của UBND tỉnh Khánh Hòa phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh Khánh Hòa đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 4169/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2017 huyện Khánh Sơn;

- Quyết định số 500/QĐ-UBND ngày 23/02/2017 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt số liệu rừng năm 2016 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;

- Quyết định số 531/QĐ-UBND ngày 27/02/2017 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc quy định cụ thể hóa Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và mức đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2017-2020.

- Quyết định số 602/QĐ-UBND ngày 07/3/2017 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt Danh mục dự án kêu gọi vốn đầu tư ngoài ngân sách trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2017-2020;

- Quyết định số 627/QĐ-UBND ngày 09/03/2017 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt dự án Điều chỉnh quy hoạch phát triển thủy lợi tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2015 – 2025, định hướng đến năm 2035;

- Quyết định số 4080/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2018 huyện Khánh Sơn;



- Quyết định số 25/QĐ-UBND ngày 04/01/2018 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2016 – 2020 và định hướng đến năm 2030;

- **Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 20/12/2018 của Hội đồng nhân dân huyện Khánh Sơn về thông qua Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Khánh Sơn, tỉnh Khánh Hòa.**

- Quyết định số 1043/QĐ-UBND ngày 13 tháng 10 năm 2015 của UBND huyện Khánh Sơn về việc Phê duyệt Đề cương dự toán Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và lập kế hoạch sử dụng đất năm 2016 huyện Khánh Sơn;

- Quyết định số 925/QĐ-UBND ngày 07/08/2015 của UBND huyện Khánh Sơn về việc giao nhiệm vụ cho Phòng Tài nguyên và Môi trường làm chủ dự án Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2016 huyện Khánh Sơn, tỉnh Khánh Hòa;

- Công văn số 4378/UBND-XDND ngày 06/7/2015 UBND tỉnh Khánh Hòa về việc triển khai điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 cấp huyện;

- Công văn số 5260/UBND-XDND ngày 19/5/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc phân bổ chỉ tiêu Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 cấp huyện.

- Công văn 1650/STNMT-CCQLĐĐ ngày 27/07/2015 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Khánh Hòa về việc triển khai điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 cấp huyện;

- Thông báo số 395/TB-STNMT ngày 14/9/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường về Kết quả thẩm định Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của kỳ điều chỉnh quy hoạch huyện Khánh Sơn, tỉnh Khánh Hòa.

- Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2016 – 2020 của huyện Khánh Sơn, tỉnh Khánh Hòa;

- Các văn bản khác có liên quan.

## **1.2. Các tài liệu chuyên môn**

- Quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH tỉnh Khánh Hòa đến năm 2020;

- Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất toàn tỉnh Khánh Hòa đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ cuối (2016 – 2020);

- Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững đến năm 2020 của tỉnh Khánh Hòa;

- Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Khánh Hòa đến năm 2020;

- Quy hoạch phát triển ngành Điện lực tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2011 – 2015 xét đến năm 2020;

- Quy hoạch bảo vệ phát triển rừng giai đoạn 2011 – 2020 của tỉnh Khánh Hòa;

- Quy hoạch phát triển ngành nông nghiệp tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2011 – 2020, định hướng đến năm 2025;

- Quy hoạch phát triển hệ thống giáo dục và đào tạo tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2011- 2020;
- Các Đề án hỗ trợ phát triển cây chôm chôm, cây bưởi da xanh; hỗ trợ khoanh nuôi phục hồi cây lồ ô; hỗ trợ trồng thử nghiệm cây măng le...
- Tài liệu khảo sát và quy hoạch vùng khai thác khoáng sản của huyện Khánh Sơn đến năm 2020;
- Quy hoạch mạng lưới giao thông toàn tỉnh Khánh Hoà đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020;
- Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2011 – 2015 và định hướng đến năm 2020;
- Quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH huyện Khánh Sơn đến năm 2025;
- Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011 – 2015) của huyện Khánh Sơn, tỉnh Khánh Hòa;
- Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Tô Hạp, huyện Khánh Sơn đến năm 2025;
- Tài liệu Quy hoạch xây dựng nông thôn mới các xã của huyện Khánh Sơn đến năm 2020;
- Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011 – 2015) của 8 xã, thị trấn huyện Khánh Sơn;
- Kế hoạch sử dụng đất năm 2016, năm 2017, năm 2018 huyện Khánh Sơn;
- Niên giám thống kê huyện Khánh Sơn qua các năm.
- Các tài liệu khác có liên quan.

## **II/ PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ BỔ SUNG ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC SỬ DỤNG ĐẤT**

### **2.1. Phân tích, đánh giá bổ sung điều kiện tự nhiên, các nguồn tài nguyên và thực trạng môi trường**

#### **2.1.1. Phân tích bổ sung điều kiện tự nhiên**

##### *a. Vị trí địa lý*

Huyện Khánh Sơn nằm ở phía Tây Nam của tỉnh Khánh Hoà; cách thành phố Cam Ranh 40 km về phía Tây và cách thành phố Nha Trang 100 km theo đường bộ; có tọa độ địa lý như sau:

Từ 108<sup>0</sup> 44' 00" đến 109<sup>0</sup> 00' 53" kinh độ Đông.

Từ 11<sup>0</sup> 54' 43" đến 12<sup>0</sup> 10' 05" vĩ độ Bắc.

Có đường ranh giới hành chính tiếp giáp như sau:

- + Phía Bắc giáp huyện Khánh Vĩnh.
- + Phía Đông giáp thành phố Cam Ranh và huyện Cam Lâm.
- + Phía Tây và Nam giáp huyện Bắc Ái, tỉnh Ninh Thuận.

Với vị trí trên, huyện Khánh Sơn nằm tương đối biệt lập và cách xa trung tâm tỉnh Khánh Hoà (*thành phố Nha Trang*); địa hình phức tạp (*đồi núi cao, hiểm trở, độ dốc lớn*). Mọi hoạt động giao lưu kinh tế, văn hoá xã hội của huyện với các huyện khác trong và ngoài tỉnh duy nhất bằng tuyến Tỉnh lộ 9; đây là một trong những khó khăn lớn trong phát triển kinh tế, văn hoá - xã hội của huyện.

#### *b. Địa hình*

Địa hình tương đối phức tạp, bị chia cắt bởi nhiều núi cao, sông suối và hợp thủy; có thể chia làm 3 dạng chính như sau:

\* *Địa hình đồi núi cao*: Diện tích 23.574,76 ha, chiếm 69,56% tổng diện tích toàn huyện; được tạo nên bởi các dãy núi macmaxit tạo thành một vòng bao quanh huyện. Độ cao phổ biến từ 1200 – 1500 m, độ dốc trên 20<sup>0</sup>, bị chia cắt mạnh. Địa hình trên không thích hợp cho sản xuất nông nghiệp, chủ yếu thích hợp cho phát triển lâm nghiệp (*khoanh nuôi bảo vệ rừng đầu nguồn*).

\* *Địa hình đồi thoải*: Diện tích có 5.078,04 ha, chiếm 15,0% diện tích tự nhiên của toàn huyện; độ cao phổ biến từ 500 – 800m so với mặt nước biển. Phân bố chủ yếu ở khu vực trung tâm huyện chạy dọc hai bên tỉnh lộ 9; địa hình có nền địa chất là đá trầm tích phân hoá thành đất đỏ vàng trên đá phiến sét (Fs), độ dốc phổ biến từ 8 – 15<sup>0</sup>; hiện trạng hầu hết đang được sử dụng vào mục đích nông nghiệp.

\* *Địa hình bằng phẳng*: Diện tích có 4.619 ha chiếm 13,64% diện tích tự nhiên; phân bố nhiều ở ven sông Tô Hạp, khu vực trung tâm (*Ba Cùm Bắc, Sơn Bình, TT Tô Hạp, Sơn Trung, Sơn Lâm*); có độ cao trung bình dưới 300m so với mặt nước biển, độ dốc phổ biến từ 0 – 8<sup>0</sup>. Hầu hết đất đai được sử dụng để bố trí dân cư, xây dựng cơ sở hạ tầng, và sản xuất nông nghiệp (*chủ yếu là cây hàng năm*).

\* *Sông suối MNCD*: Diện tích 609,07 ha, chiếm 1,80% diện tích tự nhiên.

#### *c. Khí hậu*

Khánh Sơn nằm trong vùng có khí hậu nhiệt đới gió mùa; ngoài ra do nằm ở độ cao lớn, nằm trong vùng chuyển tiếp giữa cao nguyên Lâm Đồng và Duyên hải miền Trung, thảm thực vật khá phong phú đã tạo cho khí hậu thời tiết của huyện có một số khác biệt so với các vùng phụ cận; các sự khác biệt được thể hiện ở nền nhiệt độ, lượng mưa, chế độ mưa, độ ẩm không khí, chế độ gió... Số liệu theo dõi về khí hậu thời tiết trên địa bàn huyện có một số đặc trưng cơ bản như sau:

\* *Nhiệt độ*: Nhiệt độ thường thấp hơn các huyện đồng bằng trong tỉnh từ 3 – 5<sup>0</sup>C trong cùng khoảng thời gian; nhiệt độ trung bình năm là 26<sup>0</sup>C, tháng có nhiệt độ trung bình thấp nhất là tháng 1 (21,9<sup>0</sup>C), các tháng có nhiệt độ trung bình cao từ tháng 5 đến tháng 8 (26 -28<sup>0</sup>C). Mức chênh lệch nhiệt độ giữa ngày và đêm tương đối lớn 8 – 9<sup>0</sup>C, số giờ nắng trung bình trong ngày 6-7 giờ, tổng tích ôn nhiệt 9.500<sup>0</sup>C.

\* *Lượng mưa*: Lượng mưa trung bình năm đạt 2200mm/năm, năm mưa nhiều đạt 2.500mm. Mùa mưa thường kéo dài 7 tháng (từ tháng 6 và kết thúc vào tháng 12), tháng có lượng mưa lớn thường tập trung vào tháng 10 và tháng 11;

tháng có lượng mưa thấp nhất là tháng 1 và tháng 2. Về các tháng mùa mưa, lượng mưa thường chiếm từ 85 – 90% lượng mưa của cả năm; tuy nhiên lượng mưa phân bố không đều ở các tháng trong năm, về các tháng mùa mưa.

*\* Độ ẩm không khí:*

- Độ ẩm trung bình năm là 85 – 89%;
- Độ ẩm trung bình cao nhất trên 90% tập trung vào các tháng mùa mưa;
- Độ ẩm trung bình thấp nhất 75%, tập trung vào tháng 1 và tháng 2;
- Lượng bốc hơi hàng năm đạt 1815mm, tập trung vào các tháng mùa khô.

*\* Gió – bão:* chế độ gió phân theo 2 mùa tương ứng với 2 hướng gió chính là: gió mùa Đông theo hướng Đông Bắc, gió mùa hè theo hướng Đông Nam. Bên cạnh đó còn có gió Tây – Tây Bắc và Tây – Tây Nam, các hướng gió và tốc độ gió theo các tháng như sau:

- Từ tháng 4 đến tháng 8, hướng thịnh hành là gió Đông Nam, tốc độ bình quân từ 1,8m đến 2,3 m.

- Từ tháng 9 đến tháng 12 hướng thịnh hành là gió Đông Bắc, tốc độ trung bình 3,6 đến 4,8m/s.

Tỉnh Khánh Hoà nói chung và huyện Khánh Sơn nói riêng nằm trong vùng ít chịu ảnh hưởng của các cơn bão.

*d. Hệ thống sông ngòi*

Huyện Khánh Sơn có mật độ sông suối bình quân khoảng 0,55km/km<sup>2</sup>. Các sông suối ở huyện chủ yếu bắt nguồn từ dãy núi phía Đông Bắc và Tây Nam đổ về sông Tô Hạp; hướng dòng chảy phổ biến Đông Bắc – Tây Nam. Đặc trưng chính của sông suối trên địa bàn huyện là ngắn dốc, tốc độ dòng chảy lớn về mùa lũ. Qua nghiên cứu một số tài liệu đặc điểm một số sông suối chính của huyện như sau:

Sông Tô Hạp bắt nguồn từ đỉnh cao 900m thuộc xã Ba Cùm Nam, chảy theo hướng Đông Bắc - Tây Nam theo đường vòng cung được khoảng 10km chuyển hướng Đông Tây dọc theo thị trấn Tô Hạp đến xã Thành Sơn chảy sang huyện Bắc Ái (tỉnh Ninh Thuận); đoạn qua Khánh Sơn có đặc trưng sau: diện tích lưu vực  $F_{lv} = 298 \text{ km}^2$ ; chiều dài qua huyện  $L_s = 29,7 \text{ km}$ ; lưu lượng dòng chảy  $Q_0 = 9,23 \text{ m}^3/\text{s}$ ; lưu lượng tháng kiệt nhất là  $0,94 \text{ m}^3/\text{s}$ ; Sông Tô Hạp là con sông có lưu vực nhỏ, ngắn, dốc, lòng sông cạn.

Ngoài sông Tô Hạp, trên địa bàn huyện có nhiều con suối chảy về sông Tô Hạp như suối: suối Ru Uh, suối Mả, suối Mây, suối Tà Lương, suối Chó, suối Chi Chay... chủ yếu là suối nhỏ, ngắn và dốc.

## **2.1.2. Phân tích, bổ sung các nguồn tài nguyên**

*a. Tài nguyên đất*

Căn cứ kết quả điều tra xây dựng bản đồ đất của tỉnh Khánh Hoà tỷ lệ 1/100.000 do Viện Quy hoạch & Thiết kế nông nghiệp xây dựng, kết quả điều tra chỉnh lý bản đồ đất huyện Khánh Sơn tỷ lệ 1/25.000 và bản đồ nông hoá thổ nhưỡng của các xã, thị trấn; trên địa bàn huyện có 3 nhóm đất chính với 5 đơn vị đất như sau:

a. *Nhóm đất phù sa*: Diện tích có 598,4 ha, chiếm 1,77% diện tích tự nhiên toàn huyện (trong đó đất phù sa được bồi có Pb có 301,98 ha, đất phù sa ngoài suối Py có 296,6 ha). Loại đất này phân bố chủ yếu dọc 2 bên sông Tô Hạp khu vực trung tâm huyện nên hình thành dải đất dài ven sông Tô Hạp.

Đặc trưng của đất: Đất có thành phần cơ giới từ thịt nhẹ đến thịt trung bình, tầng đất khá dày (trên 1m), đất có kết cấu toi xốp, khả năng giữ nước, giữ phân tốt. Đất có phản ứng ít chua pH<sub>kl</sub> từ 5 đến 5,5, đạm và lân tổng số trung bình đến khá, lân dễ tiêu nghèo, ka li tổng số và ka li trao đổi từ trung bình đến khá.

Nhóm đất phù sa là nhóm đất tốt, thích hợp với nhiều loại cây trồng đặc biệt là cây lương thực, cây thực phẩm, cây công nghiệp ngắn ngày.

b. *Nhóm đất đỏ vàng (F)*: Diện tích có 26.655,04 ha, chiếm 78,74% diện tích tự nhiên, gồm 2 loại đất chính là đất đỏ vàng trên macma xít (*Fa*) và đất đỏ vàng trên đá phiến sét (*Fs*).

\* *Đất đỏ vàng trên đá phiến sét (Fs)*: Diện tích có 7.239,55 ha, chiếm 21,42% diện tích tự nhiên, phân bố chủ yếu ở địa hình đồi thoải đến núi cao, địa hình bị chia cắt nhẹ bởi các hợp thủy. Loại đất này phân bố hầu hết ở các xã, thị trấn của huyện (trừ xã Ba Cùm Nam); đất có màu đỏ vàng, vàng đỏ, có nhiều đá lẫn.

\* *Đất vàng đỏ trên đá macma a xít (Fa)*: Diện tích có 19.415,49 ha, chiếm, 57,29% diện tích tự nhiên, phân bố hầu hết ở các xã trên địa bàn huyện nhưng tập trung nhiều ở các xã Thành Sơn, Sơn Lâm, Ba Cùm Nam...

\* *Khả năng sử dụng*: Nhóm đất đỏ vàng trên địa bàn huyện với đặc trưng là 2 loại đất đỏ vàng trên đá phiến sét (*Fs*) và đỏ vàng trên macmaacid (*Fa*); là những loại đất có chất lượng rất kém, nghèo dinh dưỡng lại phân bố ở địa hình cao, độ dốc lớn; khả năng cho sản xuất nông nghiệp có hạn chế. Đối với diện tích khai thác vào sản xuất nông nghiệp, trong quá trình canh tác cần tập trung vào các biện pháp cải tạo đất hợp lý như: tăng cường bón phân xanh, phân hữu cơ để nâng cao độ phì của đất, sử dụng các biện pháp canh tác trên đất dốc (tăng cường trồng các loại cây lâu năm, hạn chế trồng cây hàng năm, trồng cây theo đường đồng mức...) để hạn chế xói mòn rửa trôi đất.

c. *Đất mùn đỏ vàng trên núi (Ha)*: Diện tích có 5.991,36 ha, chiếm 17,7% diện tích tự nhiên, phân bố hầu hết ở các xã của huyện nhưng tập trung nhiều ở xã Thành Sơn, Sơn Lâm, Sơn Bình, Ba Cùm Nam. Đây là loại đất phân bố trên núi cao, độ dốc lớn, ít có tác dụng cho sản xuất nông nghiệp, phần lớn diện tích đều là rừng tự nhiên.

d. *Sông suối, mặt nước chuyên dùng*: Diện tích có 482,18 ha, chiếm 1,42% diện tích tự nhiên.

#### b. *Tài nguyên nước*

Chủ yếu là nguồn nước từ hệ thống sông Tô Hạp; sông có hướng chảy khác với các sông trong tỉnh Khánh Hoà; bắt nguồn từ đỉnh cao 900m thuộc xã Ba Cùm Nam, chảy theo hướng Đông Bắc - Tây Nam theo đường vòng cung

được khoảng 10km chuyển hướng Đông Tây dọc theo thị trấn Tô Hạp đến xã Thành Sơn chảy sang huyện Bắc Ái, tỉnh Ninh Thuận;

Trên sông Tô Hạp hiện có 01 công trình thủy lợi nhỏ (đập A Pa II xã Thành Sơn tưới cho 17,5 ha lúa) và 13 công trình cầu giao thông. Ngoài đập A Pa II, trên sông Tô Hạp có thể xây dựng được một số công trình thủy lợi để bổ sung nước cho sinh hoạt và sản xuất như: hồ Sơn Trung, hồ Tà Lương, hồ Cô Lắc, một số các đập bồi ở các nhánh suối tưới cho 1 – 2ha lúa.

Ngoài nguồn nước từ sông Tô Hạp trên địa bàn huyện có nguồn nước từ các ao, hồ nhỏ trong khu dân cư, tuy nhiên nguồn nước trên không đáng kể và không có nhiều ảnh hưởng đến sinh hoạt và sản xuất của nhân dân.

### *c. Tài nguyên rừng*

Tài nguyên rừng khá phong phú về chủng loại bao gồm có rừng lá rộng thường xanh, rừng lá kim, rừng hỗn giao tre nứa, rừng hỗn giao lá rộng – lá kim...với nhiều loại cây gỗ quý có giá trị về mặt kinh tế và bảo tồn nguồn ghen như: thông 3 lá, trắc, dổi, pomu...các loại cây dược liệu. Theo số liệu kiểm rừng năm 2016 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3989/QĐ-UBND ngày 26/12/2016, diện tích có rừng của huyện Khánh Sơn có 21.098,63 ha, chiếm 63,04% diện tích tự nhiên (diện tích có nguồn gốc trong quy hoạch 3 loại rừng có 18.466,23 ha, diện tích ngoài lâm nghiệp 2.632,4 ha); độ che phủ rừng 62,5%.

#### *a. Phân theo 3 loại rừng*

- Đất rừng phòng hộ: Diện tích có 11.863,07 ha, chiếm 55,58% diện tích đất lâm nghiệp (*rừng tự nhiên phòng hộ có 9.427,62 ha, rừng trồng phòng hộ có 1.844,47 ha, đất trồng rừng phòng hộ có 590,9 ha*);

- Đất rừng đặc dụng: Có 1.881,65 ha, chiếm 10,92% diện tích đất lâm nghiệp (*toàn bộ là diện tích đất rừng tự nhiên đặc dụng*);

- Đất rừng sản xuất: Diện tích có 7.593,89 ha, chiếm 33,5% diện tích tự nhiên, (*rừng tự nhiên sản xuất có 2.515,22 ha, rừng trồng sản xuất có 2.546,17 ha, đất trồng rừng sản xuất 2086,74 ha*).

#### *b. Phân theo trạng thái rừng:*

- Rừng tự nhiên có: 14.272,46 ha, gồm rừng gỗ lá rộng có 10.944,54 ha (rừng giàu có 937,68 ha, rừng trung bình có 2.724,65 ha, rừng nghèo có 2.684,86 ha, rừng phục hồi có 4.597,35 ha), rừng hỗn giao tre nứa có 317,99 ha, rừng tre nứa thuần loại có 2.339,0 ha, rừng lá kim 670,93 ha.

- Rừng trồng có: 2.195,65 ha (*rừng trồng có trữ lượng 831,50 ha, chưa có trữ lượng 1.364,15 ha*).

*c. Trữ lượng gỗ:* Trữ lượng gỗ tự nhiên có khoảng 1.119.154 m<sup>3</sup>, gỗ rừng trồng có 44.159m<sup>3</sup>, lồ ô, tre nứa có khoảng 8.543.360 cây.

#### *e. Tài nguyên khoáng sản, vật liệu xây dựng*

Theo tài liệu điều tra nghiên cứu và quy hoạch khoáng sản trên địa bàn Huyện có các loại khoáng sản sau:

- Đá xây dựng Granít XD: Có mỏ lớn tại xã Sơn Trung với tổng trữ lượng 8,28 triệu m<sup>3</sup>; Granit xây dựng ở huyện có thành phần khoáng vật chủ yếu là

plagioclas, felspat kali, thạch anh, ít biotit, muscovit; ngoài ra còn có hornblende, amphibol, khoáng vật quặng.

- Ryolit, andesit XD: Loại đá phun trào Ryolit, andesit XD gồm 1 mỏ lớn là andesit thị trấn Tô Hạp (*núi Đốc Gạo*) trữ lượng 126 triệu m<sup>3</sup> và các mỏ nhỏ ở xã Sơn Bình, Ba Cùm Nam.

- Cát xây dựng: Cát xây dựng tập trung trong các thành tạo trầm tích sông, suối hiện đại, chủ yếu phân bố theo hệ thống sông Tô Hạp, trữ lượng 6,1 triệu m<sup>3</sup>.

- Đất san lấp công trình: Trữ lượng có khoảng 64,2 triệu m<sup>3</sup>; hiện tại đã có 1 mỏ tại xã Sơn Trung đang khai thác.

#### *g. Tài nguyên nhân văn*

Khánh Sơn có nhiều thành phần dân tộc tụ hội về đây sinh sống, toàn huyện có 13 dân tộc anh em; chiếm đại đa số là đồng bào Raglai (chiếm 71,2%), Kinh (chiếm 27,3%); bên cạnh đó có các dân tộc thiểu số di cư từ bắc vào như Thái, Tày, Nùng, Hoa, Chăm... Do đó, văn hoá ở đây khá phong phú, đầy bản sắc dân tộc thể hiện qua bộ “Đàn đá Khánh Sơn” và “Văn hóa Công Chiêng” với những lễ hội truyền thống của người Raglai như lễ hội mừng lúa mới, lễ hội cầu mưa... bên cạnh đó còn có các lễ hội mang đậm nét văn hoá của các dân tộc khác đã tạo cho Khánh Sơn có nét văn hoá khá độc đáo.

“Lễ Bỏ mả của người Raglai huyện Khánh Sơn” đã được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xét công nhận và đưa vào danh mục Văn hóa phi vật thể cấp Quốc gia; nhiều Trường ca Raglai (Akhatduca) trên địa bàn Khánh Sơn cũng đã được sưu tầm, công bố... Vì thế, nhiều nhà dân tộc học đã xem Khánh Sơn là một cái nôi của văn hóa Bắc Raglai.

Là căn cứ địa cách mạng với các địa danh như “Thung lũng tử thần”, căn cứ địa thị trấn Tô Hạp, sân bay Tà Nỉa (xã Sơn Trung), căn cứ cách mạng Công an tỉnh... đã gắn liền với mốc lịch sử trong kháng chiến chống ngoại xâm... là địa điểm để thu hút khách du lịch.

Khánh Sơn cách thành phố Nha Trang 100 km, cách thành phố Cam Ranh 40 km (đây là 2 trung tâm phát triển du lịch của tỉnh); bên cạnh đó ¾ diện tích là rừng núi trong đó nhiều khu vực có cảnh quan đẹp có thể khai thác để phát triển du lịch như thác Tà Gụ (Sơn Hiệp), thác Hòn Quy – Cô Róa (xã Sơn Lâm), khu suối Đá (xã Ba Cùm Bắc)... là những tiềm năng và lợi thế của địa phương trong phát triển du lịch, đặc biệt du lịch sinh thái nghỉ dưỡng kết hợp với tham quan tìm hiểu văn hóa truyền thống. Từ Khánh Sơn có thể đi theo tỉnh lộ 9 sang vườn Quốc gia Phước Bình (tỉnh Ninh Thuận) ra quốc lộ 27B đi TP Đà Lạt đây là những địa danh có thể gắn kết để khai thác phát triển du lịch của huyện.

Địa hình hiểm trở, đường đi uốn lượn, quanh co, có nhiều đèo dốc; các điểm dân cư xen lẫn các vườn cây ăn trái đủ loại với nhiều loại trái cây đặc sản đã trở thành thương hiệu của Khánh Sơn như: sầu riêng, măng cụt, chôm chôm... ngoài ra còn nhiều loại nông sản khác như: mía tím, măng le... đây là những tiềm năng để phát triển du lịch, đặc biệt là các tua du lịch tham quan miệt vườn, khám phá bản sắc văn hóa truyền thống kết hợp với thưởng thức những loại trái cây, hàng hóa nông sản của địa phương.

### **2.1.3. Thực trạng môi trường**

\* *Môi trường đất*: Môi trường đất trên địa bàn huyện còn tốt, mức độ ô nhiễm do chất thải công nghiệp, sinh hoạt, hoá chất trong sản xuất nông nghiệp còn ở mức thấp. Với đặc điểm địa hình dốc, mức độ rửa trôi, xói mòn đất là khá lớn, do vậy sản xuất nông nghiệp cần thực hiện các biện pháp canh tác trên đất dốc, chuyển dần diện tích cây hàng năm sang trồng cây lâu năm để hạn chế việc xói mòn, rửa trôi gây thoái hoá đất; đẩy nhanh tiến độ trồng, khoanh nuôi tái sinh rừng trên diện tích đất chưa sử dụng để bảo vệ đất, bảo vệ môi trường, nâng độ che phủ thực vật, hạn chế xói mòn rửa trôi thoái hoá đất.

\* *Môi trường không khí, tiếng ồn*: Do mật độ dân cư thấp, cụm công nghiệp mới bắt đầu được định hình để đưa vào quy hoạch, bên cạnh đó độ che phủ thực vật lớn, khí hậu mát mẻ ôn hoà, môi trường không khí trên địa bàn khá trong sạch.

\* *Môi trường nước*: Là khu vực đầu nguồn, độ che phủ rừng lớn, mật độ dân cư thấp, các cụm điểm công nghiệp mới bắt đầu được hình thành nên nguồn nước bị ô nhiễm trong sinh hoạt và sản xuất thải trực tiếp ra môi trường là không lớn nên môi trường nước trên địa bàn huyện còn khá sạch.

## **2.2. Phân tích, đánh giá bổ sung thực trạng phát triển kinh tế-xã hội giai đoạn 2011-2015**

### **2.2.1. Thực trạng phát triển kinh tế-xã hội giai đoạn 2011-2015 và năm 2016 so với năm 2015**

Tăng trưởng giá trị sản xuất giai đoạn 2011 – 2015 bình quân đạt 8,80%/năm; trong đó nông – lâm – thủy sản tăng 8,04%/năm, công nghiệp – xây dựng tăng 9,41%/năm, thương mại dịch vụ tăng 11,11%/năm.

Tăng trưởng kinh tế năm 2016 so với năm 2015 của các ngành như sau:

- Giá trị sản xuất (GTSX) ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản năm 2016 (giá so sánh năm 2010) đạt: 147.588 triệu đồng, tăng 5,15% so với năm 2015;

- Giá trị ngành công nghiệp xây dựng (giá so sánh 2010) đạt 73.373 triệu đồng, tăng 10% so với năm 2015

- Giá trị ngành thương mại dịch vụ (giá so sánh 2010) đạt 39.391 triệu đồng, tăng 13,2% so với năm 2015

#### **\* Chuyển dịch cơ cấu kinh tế**

Cơ cấu kinh tế của của huyện (VA-giá HH) năm 2015 là nông lâm nghiệp, thương mại dịch vụ, công nghiệp – xây dựng cơ bản; trong đó, tỷ trọng ngành nông – lâm – thủy sản chiếm 61,2%, thương mại dịch vụ chiếm 19,9%, công nghiệp – xây dựng cơ bản 18,9% trong tổng giá trị tăng thêm của huyện.

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế (VA): Trong những năm qua cơ cấu kinh tế của huyện có sự chuyển dịch theo hướng tích cực, tăng dần tỷ trọng của ngành thương mại dịch vụ - công nghiệp, giảm dần tỷ trọng của ngành nông nghiệp. Tỷ trọng ngành nông – lâm – thủy sản năm 2010 chiếm 74,29%, giảm xuống còn 61,2% năm



2015 (giảm 13,01%); ngành thương mại dịch vụ từ 8,20% năm 2010 lên 19,9% năm 2015 (tăng 11,7%), cơ cấu ngành công nghiệp – xây dựng tăng từ 17,51% năm 2010 lên 18,9% năm 2015 (tăng 1,39%).

Nhìn chung chuyển dịch cơ cấu kinh tế cơ bản đáp ứng được mục tiêu giảm tỷ trọng ngành nông lâm nghiệp, tăng tỷ trọng của ngành công nghiệp, thương mại dịch vụ theo định hướng của huyện.

## **2.2.2. Phân tích thực trạng phát triển các ngành, lĩnh vực**

### **a. Khu vực kinh tế nông nghiệp**

Nông lâm thủy sản là ngành sản xuất chính giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế của huyện; tổng giá trị sản xuất (GHH) của ngành nông lâm thủy sản năm 2015 đạt 203.300 triệu đồng, tổng giá trị tăng thêm đạt 118.780 triệu đồng; tốc độ tăng GTSX của ngành giai đoạn 2011 – 2015 đạt 8,04%/năm; thực trạng phát triển như sau:

\* *Sản xuất nông nghiệp*: Ngành nông nghiệp của huyện đang phát triển theo hướng sản xuất hàng hoá trên cơ sở phát huy thế mạnh về điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên và những lợi thế so sánh của huyện đối với một số loại cây trồng, vật nuôi mũi nhọn có giá trị kinh tế cao như: cà phê, mía tím, chuối... và gần đây là một số loại cây ăn quả như: sầu riêng, măng cụt, chôm chôm, quýt, mít nghệ... Việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi và triển khai mạnh các chương trình dự án như: chương trình phát triển cây lúa nước, chương trình cải tạo vườn tạp, phát triển vườn nhà, vườn đồi, vườn rừng. Các loại cây trồng vật nuôi chủ lực phát triển ổn định, bên cạnh đó việc đẩy mạnh áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất đã cải thiện đáng kể đời sống nhân dân, góp phần thay đổi bộ mặt nông thôn miền núi. Các loại cây trồng chính gồm: cây lương thực (*lúa, bắp*), cây thực phẩm (rau đậu, mía...) cây công nghiệp lâu năm (*cà phê, tiêu, điều*), cây ăn quả (*sầu riêng, dứa, chuối và một số loại cây ăn quả khác*).

- Cây lương thực: Tổng diện tích gieo trồng năm 2015 đạt 1.872 ha, sản lượng đạt 6.125 tấn; trong đó diện tích lúa gieo trồng năm 2015 ở mức 495 ha, năng suất trung bình 32,2 tạ/ha, sản lượng đạt 1.582 tấn; ngô gieo trồng năm 2015 có 1.377 ha, sản lượng đạt 4.543 tấn.

- Cây thực phẩm: Diện tích không đáng kể, năm 2015 có 60 ha (chủ yếu là rau phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt hàng ngày của địa phương);

- Cây sắn: Diện tích năm 2015 có 528 ha, sản lượng đạt 6.310 tấn;

- Cây công nghiệp ngắn ngày: Chủ yếu là mía, diện tích năm 2015 có 354 ha, sản lượng đạt 17.700 tấn.

- Cây công nghiệp lâu năm gồm cà phê, tiêu; trong đó cà phê có 550 ha, sản lượng đạt 1.018 tấn, cây tiêu có 50 ha, sản lượng đạt 55 tấn;

- Cây ăn quả: Diện tích 1.180 ha, sản lượng đạt 6.947 tấn, cây ăn quả chủ yếu là sầu riêng, chuối, chôm chôm, măng cụt và các loại cây ăn quả khác.

\* *Chăn nuôi*: Ngành chăn nuôi của huyện đã có bước phát triển khá, tạo ra việc làm, tăng thu nhập cho nhiều hộ dân. Tuy nhiên, chăn nuôi vẫn chủ yếu phát triển tự phát và theo quy mô hộ gia đình là chính nên hiệu quả kinh tế chưa tương

xúng với tiềm năng và lợi thế. Bên cạnh đó, việc quản lý, phòng ngừa dịch bệnh và bảo vệ ô nhiễm môi trường gặp rất nhiều khó khăn (*do phát triển chăn nuôi phân tán*). Những năm gần đây đã có nhiều chương trình hỗ trợ phát triển ngành chăn nuôi của huyện (*hỗ trợ con giống, hỗ trợ kỹ thuật, bao tiêu sản phẩm...*) nên số lượng và chất lượng đàn gia súc gia cầm của huyện đã được tăng lên đáng kể; năm 2015 đàn trâu của huyện có 235 con, sản lượng đạt 5,64 tấn, đàn bò có 5.400 con, sản lượng đạt 116,6 tấn, đàn heo có 36.000 con, sản lượng đạt 261 tấn, đàn gia cầm có 36.000 con, sản lượng đạt 41,04 tấn.

Huyện có nhiều lợi thế về phát triển chăn nuôi gia súc gia cầm, đặc biệt là chăn nuôi dưới tán rừng; tuy vậy, bình quân gia súc gia cầm/ hộ gia đình còn rất khiêm tốn (*một hộ gia đình có 0,9 con trâu bò, 0,75 con heo, 5 con gia cầm các loại*). Trong những năm tới, cần có chủ trương, chính sách hỗ trợ hơn nữa để nhân dân đầu tư phát triển chăn nuôi..

\* *Lâm nghiệp*: Tổng giá trị sản xuất ngành lâm nghiệp năm 2015 đạt 21.774 triệu đồng (GHH), chiếm 10,7% giá trị sản xuất ngành nông - lâm - nghiệp, trong đó trồng chăm sóc rừng đạt 5.557 triệu đồng, khai thác gỗ và lâm sản đạt 16.111 triệu đồng, sản phẩm khác từ rừng 106 triệu đồng.

Theo số liệu thống kê đất năm 2015 diện tích đất lâm nghiệp của huyện có 21.338,61 ha, chiếm 63,04% diện tích tự nhiên của toàn huyện; trong đó rừng phòng hộ có 11.863,07 ha, rừng đặc dụng có 1.181,65 ha, rừng sản xuất có 7.593,89 ha.

\* *Thủy sản*: Ngành thủy sản của huyện chiếm tỷ lệ nhỏ trong cơ cấu ngành nông lâm thủy sản; năm 2015 giá trị sản xuất của ngành thủy sản đạt 1.287 triệu đồng. Nuôi trồng thủy sản chủ yếu là nuôi ở các ao nhỏ trong khu dân cư; tổng diện tích nuôi trồng thủy sản năm 2015 có 16,51 ha. Tiềm năng phát triển ngành nuôi trồng thủy sản của huyện là không lớn (*do không có khả năng mở rộng diện tích nuôi trồng*)...

#### *b. Khu vực kinh tế công nghiệp (công nghiệp-xây dựng)*

Ngành công nghiệp – TTCN của Khánh Sơn có quy mô khá nhỏ so với thực trạng phát triển chung của toàn tỉnh Khánh Hoà. Tuy nhiên, nếu xét trong nội bộ huyện thì ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp cũng đã góp phần không nhỏ vào nguồn thu nhập của địa phương. Năm 2015 giá trị sản xuất ngành CN-TTCN đạt 48.852 triệu đồng, chiếm 14,28% giá trị sản xuất toàn huyện; toàn huyện có 412 lao động trong lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.

Lĩnh vực công nghiệp – TTCN của huyện chủ yếu là công nghiệp khai thác đá, chế biến nông lâm sản, sản xuất và phân phối điện nước.

Theo số liệu thống kê năm 2015 toàn huyện có 102 cơ sở sản xuất công nghiệp, trong đó nhà nước có 1 cơ sở, tư nhân có 2 cơ sở, cá thể có 99 cơ sở.

Ngành công nghiệp – TTCN của huyện những năm qua có những chuyển biến tích cực tập trung vào các ngành có lợi thế như: khai thác đá, chế biến thực phẩm, sản xuất giường tủ, bàn ghế... đã đóng góp không nhỏ vào việc tạo công ăn việc làm, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống của nhân dân.

### *c. Khu vực kinh tế dịch vụ*

Năm 2015 giá trị sản xuất ngành thương mại dịch vụ (GHH) đạt 53.764 triệu đồng, chiếm 15,72% tổng giá trị sản xuất.

Thương mại - dịch vụ của Huyện phát triển còn chậm do sức mua của người dân chưa cao; bên cạnh đó địa hình hiểm trở, nằm xa quốc lộ 1 A, giao thông đi lại gặp rất nhiều khó khăn (*việc giao lưu kinh tế, vận chuyển hàng hoá của với bên ngoài chỉ có thể đi qua con đường duy nhất tỉnh lộ 9*). Huyện có 04 chợ, nhưng chỉ có 3 chợ hoạt động có hiệu quả: chợ Tô Hạp, chợ Sơn Lâm và chợ Sơn Bình (*chợ Sơn Hiệp hầu như không có hoạt động trao đổi hàng hoá*). Chợ Tô Hạp có diện tích 3.390 m<sup>2</sup> xây dựng, có gần 70 hộ kinh doanh tại đây, chủ yếu là kinh doanh các mặt hàng thiết yếu: bánh, rau hoa quả, thịt cá, hàng khô, tạp hoá... một vài hộ kinh doanh quần áo, mỹ phẩm. Chợ Sơn Lâm diện tích xây dựng 244,8 m<sup>2</sup>, có hơn 40 hộ kinh doanh mua bán chủ yếu là các mặt hàng thiết yếu: rau quả, thịt cá, hàng khô, tạp hoá,... các xã còn lại chỉ có cửa hàng, quầy hàng, điểm kinh doanh và cửa hàng kinh doanh thương mại

### **2.2.3. Dân số, lao động, việc làm và thu nhập**

Năm 2015 dân số của huyện có 23.680 người; trong đó thành thị có 4.594 người, nông thôn có 19.086 người, nam có 11.892 người, nữ có 11.788 người, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 1,23%.

Từ năm 2011 – 2015 tỷ lệ tăng dân số tự nhiên của huyện giảm 0,27% (*từ 1,50% năm 2006 xuống 1,23% năm 2015, bình quân giảm 0,03%/năm*).

Dân cư phân bố không đều, chủ yếu dọc tuyến Tỉnh lộ 9 chạy qua địa bàn huyện để hình thành các khu dân cư tương đối tập trung như: Thị trấn Tô Hạp, Ba Cùm Bắc, Sơn Bình, Sơn Lâm...ngoài ra có một số hộ dân sống theo các tuyến đường liên xã như: Ba Cùm Bắc – Ba Cùm Nam, đường liên xã Sơn Trung – Sơn Hiệp – Sơn Bình, đường đi Thác Tà Gụ, đường cầu Gỗ Sơn Bình...Mật độ phân bố dân số phân bố không đều, thị trấn Tô Hạp có mật độ dân số đông nhất (269 người/km<sup>2</sup>), tiếp đến là Ba Cùm Bắc (118 người/km<sup>2</sup>), xã Ba Cùm Nam có mật độ dân số thấp nhất (30 người/km<sup>2</sup>).

Năm 2015 số người trong độ tuổi lao động của huyện có 13.308 người (*chiếm 56,0% tổng dân số*). Lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế có 12.110 người; trong đó lao động trong lĩnh vực nông nghiệp có 9.377 người (*chiếm 77,4%*), lao động phi nông nghiệp có 2.734 người, chiếm 22,6% tổng số lao động có việc làm.

Số người trong độ tuổi lao động chiếm tỷ lệ cao (56,0%) đây là nguồn lực rất quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Tuy nhiên, tỷ trọng lao động thuộc lĩnh vực nông nghiệp chiếm tỷ lệ cao (77,4%), lao động làm việc trong lĩnh vực phi nông nghiệp thấp (2.734 người, *chiếm 22,6% tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế*) đây là một khó khăn rất lớn trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế của huyện theo hướng công nghiệp, thương mại dịch vụ.

Tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề năm 2015 ở mức 24,0%.

Năm 2015 bình quân giá trị sản xuất/người (GHH) đạt 14,4 triệu đồng, bình quân thu nhập (VA) đạt 8,2 triệu đồng/người.

- Về tình trạng nghèo: Theo tiêu chuẩn nghèo đơn chiều giai đoạn 2011-2015, tính đến ngày 31/12/2015 toàn huyện còn 928 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 14,97% trên tổng số hộ của huyện. Trong giai đoạn 2011 – 2015 huyện Khánh Sơn giảm được 1.189 hộ nghèo, tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 40,2% đầu năm 2011 xuống còn 14,97% cuối năm 2015, bình quân giảm gần 5%/năm.

Tuy nhiên, theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều giai đoạn 2016 – 2020, đầu năm 2016 huyện Khánh Sơn có 3.550 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 57,27% tổng số hộ; toàn huyện có đến 6 xã có tỷ lệ hộ nghèo trên 50% gồm: Thành Sơn (84,22%), Ba Cùm Nam (72,4%), Sơn Hiệp (65%), Sơn Bình (61,9%), Ba Cùm Bắc (55,46%), thị trấn Tô Hạp (50,82%), Sơn Lâm (50,69%). Như vậy, giai đoạn 2016 – 2020 huyện Khánh Sơn là huyện nghèo trọng điểm của tỉnh với tỷ lệ xã nghèo trọng điểm lên đến 75% số xã thị trấn (06/08 xã thị trấn).

## **2.2.4. Thực trạng phát triển đô thị và các khu dân cư nông thôn**

### **a. Thực trạng phát triển các khu đô thị**

Thị trấn Tô Hạp hiện là trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế, văn hoá của huyện Khánh Sơn, nằm khu vực trung tâm huyện (*chủ yếu dọc theo tỉnh lộ 9*); với diện tích tự nhiên là 1677,46 ha, dân số năm 2015 có 4.594 nhân khẩu. Được đầu tư xây dựng, nâng cấp từ khi thành lập huyện; đến nay cơ sở hạ tầng của thị trấn tương đối hoàn thiện, cơ bản đáp ứng được nhu cầu của nhân dân.

Theo quy hoạch mạng lưới đô thị của tỉnh Khánh Hoà, thị trấn Tô Hạp được quy hoạch đạt tiêu chuẩn độ thị loại IV vào năm 2020, sau năm 2020 tiếp tục đầu tư nâng cấp để nâng cao chất lượng của đô thị loại IV.

Định hướng phát triển: Theo Nghị quyết số 02/NQ-HDND ngày 01/03/2013 của Hội Đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc điều chỉnh mở rộng địa giới hành chính thị trấn Tô Hạp, huyện Khánh Sơn; theo nghị quyết trên thị trấn Tô Hạp sẽ mở rộng diện tích tự nhiên trên cơ sở sát nhập một phần diện tích tự nhiên (48,035 ha) của thôn Tà Nia xã Sơn Trung và sát nhập toàn bộ diện tích tự nhiên (754,235 ha) của thôn A Thi xã Ba Cùm Bắc để mở rộng thị trấn Tô Hạp.

Sau khi tiến hành điều chỉnh địa giới hành chính, thị trấn Tô Hạp có 2.479,73 ha diện tích tự nhiên (*tăng 802,27ha*).

### **b. Khu dân cư nông thôn**

Tổng diện tích đất khu dân cư nông thôn năm 2015 có 1.625,95 ha, chiếm 4,80% diện tích tự nhiên (*trong đó đất ở nông thôn có 125,22 ha*). Các khu dân cư chủ yếu phân bố dọc theo các trục giao thông chính; đa số các công trình phục vụ cho đời sống, kinh tế, chính trị của các xã chủ yếu nằm trong khu dân cư nông thôn.

Cơ sở hạ tầng thiết yếu trong các khu dân cư nông thôn tuy đã được quan tâm đầu tư nhưng vẫn còn tương đối lạc hậu (*do lượng kinh phí đầu tư còn chiếm tỷ lệ nhỏ so với nhu cầu đầu tư*); về đặc điểm phân bố đa số các khu dân cư phân bố tương đối hợp lý (*thuận lợi trong sinh hoạt và sản xuất*); bên cạnh đó vẫn có một số điểm dân cư cần chỉnh trang sắp xếp lại, một số điểm phải di dời một số

hộ do nằm trong phạm vi giải toả khi xây dựng các công trình công cộng (kè sông Tô Hạp, nhà văn hoá thiếu nhi, khu tiểu thủ công nghiệp Sơn Bình...).

### **2.2.5. Thực trạng phát triển cơ sở hạ tầng**

Thống kê năm 2015 tổng diện tích đất giao thông có 174,96 ha, chiếm 0,52% diện tích tự nhiên của huyện, bao gồm:

#### **\* Đường giao thông:**

- Đường tỉnh lộ: Tỉnh lộ 9 (đường tỉnh ĐT.656) là tuyến giao thông huyết mạch nối huyện với các huyện khác trong và ngoài Tỉnh; mọi hoạt động giao lưu văn hoá kinh tế, trao đổi hàng hóa với bên ngoài đều thông qua tuyến đường này. Đường tỉnh lộ 9 có điểm đầu kết nối với Quốc lộ 1, thành phố Cam Ranh, đi qua huyện Khánh Sơn và có điểm cuối kết nối vào đường tỉnh ĐT.707, thuộc địa phận huyện Bắc Ái, tỉnh Ninh Thuận; đây là tuyến đường chạy trên địa hình đồi núi, qua nhiều đèo dốc khúc khử, ảnh hưởng rất lớn đến tốc độ và an toàn của xe chạy. Quy mô đường Tỉnh lộ 9 theo từng đoạn qua địa phận huyện Khánh Sơn như sau:

+ Đoạn từ Km28+000 đến Km 36+686 là đường cấp IV miền núi, mặt đường rộng 5,5 m, nền đường rộng 8,0 m.

+ Đoạn từ Km 36+686 đến Km 38+000 là đường cấp II đồng bằng và đồi, mặt đường rộng 12m, nền đường rộng 24m;

+ Đoạn từ Km 38+000 đến Km 38+206 là đường cấp III miền núi, mặt đường 6,5m, nền đường rộng 10,0 m;

+ Các đoạn còn lại từ Km 38+206 đến Km 56+284 là đường cấp IV, cấp V miền núi, mặt đường rộng 3,5 -6,5m, nền đường rộng 6,5 – 7m.

- Đường nội thị: Toàn huyện hiện có 21 tuyến đường nội thị với chiều dài 24,56km, trong đó nhựa, bê tông xi măng có 21,28 km (*chiếm 86,6%*), đất có 3,28km (*chiếm 23,4%*). Trong những năm qua các tuyến đường nội thị được quan tâm đầu tư nên đã đảm bảo được nhu cầu đi lại của nhân dân; hiện nay còn 6 tuyến đường nội thị là đường đất với tổng chiều dài 5,9km (*trong đó đường Đinh Tiên Hoàng, đường Hai Bà Trưng cần được ưu tiên đầu tư*).

- Đường huyện: Tổng số có 10 tuyến với tổng chiều dài 25,4 km, trong đó nhựa có 19,41 km (*chiếm 76,43%*), bê tông xi măng có 2 km (*chiếm 7,8%*), đất có 4km (*chiếm 15,7%*). Các tuyến đường huyện được đầu tư khá lâu, thêm vào đó địa hình hiểm trở và thường xuyên bị hư hỏng bởi các trận mưa và xói lở nên các tuyến đường huyện đã xuống cấp; trong những năm tới cần đầu tư kinh phí để nâng cấp tuyến đường đồng thời cần cấm móc lộ giới tất cả các tuyến.

- Đường xã: Tổng chiều dài 75,0 km, trong đó nhựa có 6,26 km (*chiếm 8,43%*), bê tông xi măng có 40,84 km (*chiếm 54,45%*), đường đất có 27,9 km (*chiếm 37,2%*).

- Đường thôn: Tổng chiều dài 51,5km, trong đó nhựa, bê tông xi măng có 34,19km (*chiếm 66,4%*), đường đất có 17,3km (*chiếm 33,6%*).

- Đường sản xuất: Tổng chiều dài 38,24km, trong đó nhựa, bê tông xi măng có 0,8km (*chiếm 2,0%*), đường đất có 37,5 km (*chiếm 80%*).

\* *Bến xe*: Bến xe thị trấn Tô Hạp là bến xe chính để vận chuyển hành khách và hàng hoá nông sản với địa phương bên ngoài. Hiện bến xe nằm giáp chợ Tô Hạp có diện tích nhỏ 2560m<sup>2</sup> (*vị trí không đáp ứng được yêu cầu phát triển trong tương lai*); để đáp ứng nhu cầu vận chuyển hành khách và hàng hoá nông sản cần quy hoạch một bến xe mới (*bố trí giáp Tỉnh lộ 9 đối diện Lâm trường huyện Khánh Sơn*); ngoài ra có bến xe kết hợp với chợ Sơn Lâm, diện tích 2000m<sup>2</sup>.

### *b. Thủy lợi*

Tổng diện tích đất thủy lợi của huyện theo thống kê năm 2015 có 23,06 ha, chiếm 0,07% diện tích tự nhiên, xã có diện tích đất thủy lợi nhiều nhất xã Sơn Bình (12,43 ha), xã có diện tích đất thủy lợi thấp xã Sơn Lâm (0,48 ha) bao gồm:

\* *Công trình phục vụ tưới tiêu*: Toàn huyện hiện có 30 công trình thủy lợi nhỏ (*chủ yếu là các đập dâng*), công suất thiết kế tưới cho khoảng 350 ha; tưới thực tế được 182 ha (*bằng 52% công suất thiết kế*), trong đó tưới cho lúa 134 ha, màu và cây công nghiệp 48 ha. Với các công trình thủy lợi hiện có thì huyện Khánh Sơn mới đáp ứng được 8% diện tích cây hàng năm; nếu tính diện tích đất sản xuất nông nghiệp thì mới đáp ứng nhu cầu nước tưới khoảng 4% diện tích. Diện tích còn lại chủ yếu sử dụng nguồn nước trời hoặc người dân bơm tưới từ các sông, suối.

Các công trình thủy lợi chủ yếu là đập dâng nhỏ trên các suối, bên cạnh đó diện tích đất sản xuất nông nghiệp manh mún và có độ dốc lớn không thuận tiện cho việc tưới tiêu nên diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới từ các công trình thủy lợi chiếm tỷ lệ thấp.

Điều chỉnh quy hoạch thủy lợi của tỉnh Khánh Hoà, đến năm 2020, huyện sẽ nâng cấp các công trình thủy lợi hiện có và đầu tư xây dựng mới một số công trình như: hồ Sơn Trung, hồ Cô Roá (Sơn Lâm), hồ Sơn Bình, hồ Ba Cùm Bắc, Đập dâng suối Côi (Sơn Lâm), đập dâng Ka Tơ (xã Ba Cùm Nam)....

Nhìn chung, hệ thống thủy lợi, kênh mương nội đồng thiếu sự đầu tư đồng bộ, nguồn nước tưới tiêu cho nông nghiệp chủ yếu nhờ vào nguồn nước tự nhiên, việc khai thác tận dụng nguồn nước tự nhiên để phục vụ sản xuất nông nghiệp của huyện còn nhiều hạn chế.

### \* *Cấp nước sinh hoạt*

Toàn huyện có 11 công trình cấp nước tập trung (*toàn bộ là công trình cấp nước tự chảy*) phân bố trên địa bàn 8 xã thị trấn (*thị trấn Tô Hạp, xã Thành Sơn có 2 công trình, xã Sơn Bình có 3 công trình*), tổng công suất 3.800m<sup>3</sup>/ngày đêm, cung cấp cho trên 18.000 dân, do được đầu tư từ khá lâu nên một số công trình cấp nước sinh hoạt đã xuống cấp, trong những năm tới cần đầu tư kinh phí để nâng cấp.

### *c. Năng lượng*

Hệ thống điện lưới quốc gia được kéo về huyện Khánh Sơn từ năm 1995; mạng cấp điện từ trạm 110KVA Cam Ranh qua đường dây 35KV về trạm biến áp 35KV/22KV tại xã Sơn Trung để cấp điện trên địa bàn huyện. Trong những năm

qua, chương trình phủ điện nông thôn được triển khai đúng tiến độ, hầu hết địa bàn huyện được phủ lưới điện quốc gia, tỷ lệ hộ dùng điện năm 2015 đạt 98%.

Đất sử dụng cho công trình năng lượng năm 2015 có 0,50 ha, sử dụng xây dựng các trạm biến áp 110KV tại xã Sơn Trung.

#### *d. Bưu chính, viễn thông*

\* *Về quỹ đất:* Quỹ đất xây dựng các công trình bưu chính viễn thông của huyện năm 2015 là 0,75 ha, trong đó có 1 bưu điện huyện, 1 trạm viễn thông và 7 bưu điện văn hoá xã. Nhìn chung, quỹ đất của ngành bưu chính viễn thông đã cơ bản đáp ứng đủ nhu cầu xây dựng các công trình phục vụ thông tin liên lạc, trong những năm tới cần điều chỉnh lại vị trí một số điểm bưu điện văn hoá xã cho phù hợp với thực tế.

Như vậy, về quỹ đất xây dựng hệ thống bưu chính viễn thông đã cơ bản đạt chuẩn theo tiêu chí Nông thôn mới.

#### *\* Về hạ tầng kỹ thuật:*

Huyện đã có hệ thống cấp điện thoại đến tất cả các xã và thị trấn và hệ thống thu phát sóng di động, sóng điện thoại di động đã phủ kín trên địa bàn đảm bảo thông tin liên lạc được thông suốt.

Hệ thống thu phát sóng truyền hình: Huyện có đài thu và phát sóng truyền hình của trung ương và của tỉnh; ở các xã xa trung tâm đều có trạm tiếp sóng. Hiện nay tất cả các địa bàn dân cư đều có sóng phát thanh, truyền hình tạo điều kiện thuận lợi trong công tác tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách pháp Luật của Nhà nước và nhu cầu giải trí của nhân dân.

#### *e. Văn hoá thông tin, phát thanh truyền hình*

- *Về hoạt động văn hóa:* Các hoạt động văn hoá ngày càng phong phú và đa dạng như: tổ chức hội thi, hội diễn, hoạt động thông tin lưu động và văn nghệ quần chúng. Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá cơ sở ngày càng hiệu quả. Phong trào thể dục – thể thao được duy trì và có nhiều tiến bộ, tổ chức nhiều hoạt động vui chơi giải trí nhất là các dịp lễ tết. Ngoài ra, ngành văn hoá – thông tin huyện đẩy mạnh công tác tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị của địa phương; kết hợp tuyên truyền hỗ trợ các chương trình khác như: y tế, dân số, môi trường...

- Phong trào xây dựng đời sống văn hoá được nâng lên về chất lượng lẫn số lượng, các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thông tin, thể dục - thể thao, thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở... đều thực hiện tốt, qua đó góp phần làm hạn chế các tệ nạn xã hội ở khu vực nông thôn – đô thị. Năm 2015 toàn huyện có 4120/5.841 hộ gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hóa (đạt 70,5%); có 22/31 thôn, tổ dân phố được công nhận danh hiệu văn hóa đạt 71%; có 59/69 cơ quan, đơn vị đạt danh hiệu văn hóa (đạt 85,5%).

- Hoạt động TDTT được tổ chức thi đấu thường xuyên vào các ngày lễ truyền thống, đã thu hút đông đảo đối tượng tham gia, điển hình là các môn bóng đá, bóng chuyền, võ thuật... không khí thể thao, rèn luyện sức khoẻ, tham gia thi đấu của mọi người dân càng ngày càng cao, 100% các trường học dạy tốt môn thể dục thể thao

nội khoá; huyện hiện có 11 câu lạc bộ thể dục thể thao, số người tham gia tập luyện TDTT thường xuyên đạt 20,7%.

Về quỹ đất cơ sở văn hóa: Thống kê năm 2015 huyện chưa có quỹ đất cơ sở văn hóa; tuy nhiên thực tế huyện đã có trung tâm văn hóa thể thao của huyện tại thị trấn Tô Hạp nhưng sử dụng cho nhiều mục đích nên đã thống kê vào quỹ đất khác; trong những năm tới cần bố trí quỹ đất cơ sở văn hóa để đáp ứng nhu cầu.

#### *g. Y tế*

\* *Cơ sở ngành y tế của huyện gồm:* Bệnh viện đa khoa đạt tiêu chuẩn loại III tại xã Sơn Trung, diện tích 9851m<sup>2</sup> có 70 giường bệnh; 1 phòng khám đa khoa khu vực tại xã Sơn Lâm, diện tích 3034m<sup>2</sup> đang được nâng cấp quy mô 10 giường bệnh; 8/8 xã thị trấn đều có trạm y tế xã đạt chuẩn.

Nhìn chung, các cơ sở y tế của huyện đã được đầu tư khá khang trang, trang thiết bị cơ bản đáp ứng được nhu cầu khám chữa bệnh và chăm sóc sức khoẻ cho nhân dân.

Tổng diện tích đất cơ sở y tế năm 2015 có 2,41 ha, bình quân diện tích đất có 1,02 m<sup>2</sup>/người, cơ bản đáp ứng được yêu cầu theo quy định (0,54-0,65 m<sup>2</sup>/người).

#### *h. Cơ sở giáo dục - đào tạo*

- Giáo dục mầm non: Tổng số có 9 trường Mầm non (*các xã thị trấn đều có trường mầm non, trong đó có 4 trường đạt chuẩn về cơ sở vật chất*), có 61 phòng với 71 lớp học; số học sinh có 1.927 cháu mẫu giáo (*chiếm 8,7% dân số*); giáo viên mầm non có 145 người; tổng quỹ đất cho cấp mầm non có 18.755m<sup>2</sup>.

Mạng lưới trường mầm non trên địa bàn phù hợp với điều kiện đi lại của các cháu, hầu hết các xã, thị trấn, đều có từ 1 đến 2 trường mầm non hoặc mẫu giáo. Tỷ lệ huy động cháu đi nhà trẻ 13,3%; học sinh mẫu giáo là 76,3%, so với cùng kỳ năm trước tăng 124 cháu; riêng mẫu giáo 5 tuổi huy động được 563/589 cháu chiếm 95,6%, so với cùng kỳ năm trước tăng 72 cháu.

- Giáo dục Tiểu học: Hiện có 07 trường do Phòng giáo dục huyện quản lý, chưa có trường đạt chuẩn về cơ sở vật chất (*ngoài ra còn 01 trường tiểu học kết hợp với trung học cơ sở*) với 142 phòng học và 138 lớp, số cán bộ giáo viên tiểu học có 195 người, tổng số học sinh tiểu học có 2.695 học sinh, chiếm 12,1% tổng dân số.

- Giáo dục phổ thông:

+ Trung học cơ sở: Có 06 trường gồm Trung học cơ sở Ba Cùm Bắc, Trung học cơ sở Sơn Lâm, Trung học cơ sở Sơn Bình, Trung học cơ sở Thành Sơn, Trung học cơ sở TT Tô Hạp và Trung học cơ sở Ba Cùm Nam; tổng số có 42 phòng học/34 lớp học; tổng số học sinh có 1078 em (*chiếm 4,8% tổng dân số*), giáo viên 49 người.

+ Trung học phổ thông: Huyện có trường Phổ thông Trung học cơ sở tại thị trấn Tô Hạp; có 22 phòng học với 15 lớp học, tổng số giáo viên có 41 người với 472 học sinh, tổng diện tích đất có 10.484m<sup>2</sup>.

- Giáo dục dân tộc: Huyện đã xây dựng mới trường Dân tộc nội trú trong khu Trung tâm bảo trợ xã hội của huyện tại xã Ba Cùm Bắc (*đưa vào sử dụng*



năm 2014), địa điểm mới có cơ sở vật chất khang trang đáp ứng nhu cầu học tập của con em đồng bào dân tộc trong huyện; cơ sở cũ (*đường Lê Duẩn*) chuyển cho trường Trung học cơ sở thị trấn Tô Hạp quản lý sử dụng.

Diện tích đất cơ sở giáo dục-đào tạo toàn huyện hiện nay đang sử dụng 21,83 ha, diện tích bình quân 9,22m<sup>2</sup>/người dân. So với định mức sử dụng đất cơ sở giáo dục - đào tạo do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành tại Văn bản số 5763/BTNMT-ĐKTKĐĐ ngày 25/12/2006 (bình quân 4,54-6,09 m<sup>2</sup>/người dân) diện tích trên đạt yêu cầu. Tuy nhiên, xét cho từng trường cụ thể thì một số trường vẫn cần mở rộng diện tích để đạt chuẩn (Tiểu học Tô Hạp, Tiểu học Ba Cùm Nam, mầm non Vành Khuyên...); ngoài ra cần bố trí quỹ đất xây dựng mới trường cấp 2+3 xã Sơn Lâm.

#### *i. Cơ sở thể dục, thể thao*

Các hoạt động Thể dục - Thể thao ngày càng phát triển theo hướng xã hội hoá. Các xã đều có diện tích sân bóng và khu vực sinh hoạt thể thao nhưng cơ sở còn thô sơ, sân vận động trung tâm xuống cấp.

Tổng diện tích đất cơ sở thể dục thể thao huyện có 3,55 ha, chiếm 0,01% diện tích tự nhiên; bình quân có 1,5 m<sup>2</sup>/người dân. Quỹ đất thể thao của huyện chưa đáp ứng đủ nhu cầu, hiện nay các xã Sơn Hiệp, Sơn Trung, Thành Sơn chưa có sân thể thao của xã, nhiều thôn vẫn chưa có sân thể thao thôn phục vụ nhu cầu tập luyện và thi đấu thể thao của các thôn.

#### *k. Chợ*

Khánh Sơn có 04 chợ phục vụ cho nhu cầu trao đổi hàng hóa nông sản cho nhân dân gồm: chợ Tô Hạp, chợ Sơn Lâm, Chợ Sơn Bình và chợ Sơn Hiệp với tổng diện tích 1,15 ha.

Trên địa bàn huyện có 4 chợ nhưng có 3 chợ hoạt động hiệu quả (*chợ Tô Hạp, Sơn Lâm, Sơn Bình*). Để đảm bảo đạt tiêu chí Nông thôn mới, đồng thời đảm bảo nhu cầu trao đổi hàng hóa của nhân dân trong những năm tới cần đầu tư nâng cấp 3 chợ hiện có (chợ Tô Hạp, Sơn Lâm, Sơn Bình), xây dựng mới chợ Sơn Hiệp (*quy hoạch vị trí mới*), chợ Sơn Trung, chợ Ba Cùm Bắc, chợ Ba Cùm Nam và chợ Thành Sơn; đến năm 2020 tất cả các xã trên địa bàn huyện đều có chợ.

### **2.2.6. An ninh, quốc phòng**

Công tác Quốc phòng - an ninh thường xuyên nhận được sự quan tâm chỉ đạo kịp thời, sâu sát của cấp uỷ và chính quyền địa phương. Huy động được lực lượng của cộng đồng xã hội, các đoàn thể và nhân dân tham gia bảo vệ tổ quốc. Ngăn chặn có hiệu quả hoạt động của các thế lực thù địch, các hoạt động truyền đạo trái phép, giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo quốc phòng - an ninh trên địa bàn vững chắc.

Công tác giáo dục và bồi dưỡng kiến thức quốc phòng cho đội ngũ cán bộ chủ chốt từ huyện đến xã được đẩy mạnh; phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc ngày càng mở rộng và dần đi vào chiều sâu, ý thức cảnh giác cách mạng của cán bộ và nhân dân được nâng lên. Công tác đấu tranh chống âm mưu “Diễn

biên hoà bình” của các thế lực thù địch được quan tâm thường xuyên chỉ đạo. An ninh chính trị được giữ vững, công tác đấu tranh chống tội phạm và các tai nạn, tệ nạn xã hội được tăng cường. Lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên được kiện toàn. Tuyển quân hàng năm đều đạt chỉ tiêu.

### **2.3. Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu tác động đến việc sử dụng đất**

Trong những năm qua ảnh hưởng của biến đổi khí hậu (BĐKH) đã gây ảnh hưởng rất lớn đến đời sống và sản xuất của nhân dân. Khí hậu trái đất nóng lên đã làm cho thời tiết, khí hậu không còn diễn biến theo quy luật có thể dự báo trước mà luôn diễn ra bất thường không thể lường trước được các hiện tượng khí hậu cực đoan như: bão, áp thấp nhiệt đới, mưa lớn gây lũ lụt, nắng nóng gây hạn hán, rét đậm, nước biển dâng cao dần lên.

Việt Nam là 1 trong 5 nước trên thế giới bị ảnh hưởng nặng nề nhất về biến đổi khí hậu (cùng với *Pakistan, Ấn Độ, Ôt-xtrây-li-a, Hà Lan*) biến đổi khí hậu làm trái đất nóng lên làm tăng cường độ xuất hiện các cơn bão nhiệt đới; gây lụt lội, nước biển dâng cao làm ngập đất canh tác, khu dân cư vùng ven biển; gây nhiễm mặn do nước biển xâm lấn,...

Đối với Khánh Sơn không chịu ảnh hưởng bởi mực nước biển dâng, nước biển xâm lấn và nhiễm mặn; tuy nhiên sự gia tăng về tần suất xuất hiện những biểu hiện thời tiết cực đoan như: bão, áp thấp nhiệt đới, mưa lớn gây lũ lụt, nắng nóng, hạn hán kéo dài... sẽ ảnh hưởng nhiều đến sinh hoạt và sản xuất của người dân trong huyện:

- Nắng nóng, nắng hạn kéo dài sẽ không đủ nước tưới cho sản xuất nông nghiệp; đối với Khánh Sơn các công trình thủy lợi mới đảm bảo tưới cho khoảng 8% diện tích cây hàng năm và 4% đối với diện tích sản xuất nông nghiệp, phần diện tích còn lại chủ yếu được bơm tưới từ sông suối và nguồn nước trời; khi hiện tượng hạn hán kéo dài sẽ ảnh hưởng rất lớn đến sản xuất nông nghiệp của địa phương; thực tế 3 đến 4 năm trở lại đây hiện tượng này đã xuất hiện thường xuyên hơn.

- Thời gian mưa và lượng mưa phân bố không đều, chủ yếu tập trung vào mùa mưa; vào mùa mưa thường xuất hiện nhiều trận mưa lớn với cường độ cao gây ngập lụt, xói mòn rửa trôi đất, phá hủy công trình xây dựng... Khánh Sơn có địa hình dốc (địa hình dốc từ 15<sup>0</sup> trở lên) chiếm 69,56% diện tích tự nhiên nên ảnh hưởng về hiện tượng trên càng lớn và mức độ thiệt hại càng cao; khi xuất hiện những trận mưa lớn, cường độ cao nước trên đầu nguồn đổ về thường gây sạt lở các khu vực ven sông Tô Hạp và các suối lớn, gây ngập lụt khu vực có địa hình thấp (khu vực sản xuất và bố trí dân cư), gây xói mòn rửa trôi đất canh tác, ngập úng gây chia cắt giao thông, phá hoại mùa màng, công trình xây dựng...

Ngoài ra các hiện tượng thời tiết cực đoan khác xuất hiện (bão, gió, sương muối...) đều có ảnh hưởng tiêu cực đến đời sống và sản xuất của người dân trên địa bàn huyện. Do vậy, ngoài phát triển kinh tế - xã hội vấn đề bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu là một trong những vấn đề cấp thiết được đặt ra đối với Khánh Sơn trong giai đoạn 2016 – 2025 và những năm tiếp theo.

### **III/ PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ BỔ SUNG TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN THỜI ĐIỂM ĐIỀU CHỈNH**

#### **3.1. Phân tích, đánh giá bổ sung tình hình thực hiện một số nội dung quản lý Nhà nước về đất đai**

##### ***3.1.1. Tổ chức triển khai thực hiện các văn bản pháp luật đất đai***

Nhằm đảm bảo thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến quản lý đất đai, UBND huyện đã chỉ đạo UBND các xã, thị trấn tổ chức thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm về quản lý đất đai như: Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ hàng năm của ngành tài nguyên và môi trường, kế hoạch cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, các văn bản chỉ đạo trong công tác lập, công bố, quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; lập kế hoạch sử dụng đất năm 2015, năm 2016, năm 2017; đăng ký danh mục các dự án phải thu hồi đất năm 2015, năm 2016, năm 2017 trình Hội đồng nhân dân tỉnh; kế hoạch chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ của ngành tài nguyên và môi trường từ năm 2011 đến năm 2015 và các năm 2016, 2017; kế hoạch cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, kế hoạch triển khai, tập huấn Luật đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành luật, kế hoạch kiểm tra công tác quản lý Nhà nước về đất đai tại UBND các xã, thị trấn. các văn bản chỉ đạo cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thống kê, kiểm kê đất đai... tham gia góp ý xây dựng các văn bản quy phạm do UBND tỉnh ban hành như: quy định hạn mức đất ở trên địa bàn tỉnh, diện tích tối thiểu được tách thửa, giá đất, quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất, chỉ thị tăng cường cấp Giấy chứng nhận của UBND tỉnh, chỉ đạo rà soát các thủ tục hành chính về đất đai.

##### ***3.1.2. Xác định địa giới hành chính, lập và quản lý hồ sơ địa giới hành chính, lập bản đồ hành chính***

Khánh Sơn là huyện miền núi được tách ra từ huyện Cam Ranh (nay là thành phố Cam Ranh) theo Quyết định số 189/HĐBT ngày 27 tháng 06 năm 1985 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay là Thủ tướng Chính phủ); toàn huyện có 8 đơn vị hành chính bao gồm 7 xã và 1 thị trấn (thị trấn Tô Hạp).

Địa giới các xã, thị trấn được thực hiện theo Chỉ thị 364/CT-TTg; việc quản lý theo địa giới hành chính các xã, thị trấn trong thời gian qua khá ổn định, không có tình trạng tranh chấp đất đai liên quan đến ranh giới hành chính giữa các xã, thị trấn với nhau.

Đối với việc điều chỉnh để mở rộng địa giới hành chính thị trấn Tô Hạp, Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã ra Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 01/03/2013 về việc điều chỉnh mở rộng địa giới hành chính thị trấn Tô Hạp, huyện Khánh Sơn. Hiện các cơ quan chức năng đang hoàn chỉnh hồ sơ trình Chính phủ ra Nghị quyết.

Việc quản lý, lưu trữ hồ sơ – bản đồ ĐGHC đúng quy định, được bảo quản, bảo đảm an toàn, không bị sửa đổi các nội dung trong hồ sơ. Khi có sự thay đổi được tiến hành theo đúng quy định.

### **3.1.3. Khảo sát, đo đạc bản đồ địa chính, bản đồ hiện trạng sử dụng đất và bản đồ quy hoạch sử dụng đất; điều tra đánh giá tài nguyên đất.**

#### **a. Khảo sát, đo đạc lập bản đồ địa chính**

Toàn huyện đã đo đạc, lập Bản đồ địa chính khép kín toàn bộ diện tích của huyện. Trong đó: dự án đo đạc đất nông nghiệp và đất ở đô thị được thực hiện đo từ năm 2005 và hoàn thành năm 2007, diện tích đo là: 469,24 ha; Dự án đo đạc đất lâm nghiệp tỷ lệ 1/10.000 được thực hiện đo từ năm 2007 và hoàn thành năm 2009, diện tích đo là 29.714,34 ha/8 xã, thị trấn; Dự án hoàn thiện và hiện đại hệ thống quản lý đất đai Việt Nam (VLAP) được thực hiện từ tháng 4/2011 và hoàn thành trong tháng 12/2013, diện tích đo 3.669,17 ha /7 xã.

Với 3 bộ hồ sơ địa chính này, huyện Khánh Sơn đã được lập hồ sơ địa chính theo hệ tọa độ VN 2000 cho toàn bộ diện tích tự nhiên của huyện.

Việc đo đạc xong bản đồ địa chính đã tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý nhà nước về đất đai, góp phần sử dụng tiết kiệm và hiệu quả quỹ đất. Tuy nhiên, do một số hạn chế của các bản đồ đã có (*một số bản đồ lâm nghiệp có sai lệch khá lớn*) cũng gây nhiều khó khăn trong công tác quản lý đất đai trên địa bàn huyện.

#### **b. Bản đồ hiện trạng sử dụng đất**

Kết quả kiểm kê đất đai năm 2014, huyện Khánh Sơn đã xây dựng được bản đồ Hiện trạng sử dụng đất năm 2014 của huyện với tỷ lệ 1/25.000, ở 08 xã, thị trấn đã xây dựng bản đồ Hiện trạng sử dụng đất năm 2014 với tỷ lệ 1/10.000.

Đối với bản đồ hiện trạng cấp xã được thu thập các loại bản đồ địa chính, bản trích lục, bản đồ giải thửa, bản đồ hiện trạng sử dụng đất và chuyển về hệ tọa độ VN2000 theo bản đồ nền; kiểm tra bổ sung, so sánh các tài liệu hiện có với các nội dung yếu tố hiện trạng sử dụng đất, điều tra, đối soát, chỉnh lý các yếu tố về địa giới hành chính, chỉnh lý địa giới hành chính theo hiện trạng ngoài thực địa.

Đối với bản đồ hiện trạng sử dụng đất của huyện được biên tập và tổng hợp từ bản đồ hiện trạng cấp xã bằng công nghệ số, trên cơ sở tổng quát hóa các nội dung về hiện trạng sử dụng đất từ bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã để chuyển lên bản đồ hiện trạng sử dụng đất của huyện. Do vậy, chất lượng bản đồ hiện trạng sử dụng đất của huyện cơ bản đảm bảo kỹ thuật và độ chính xác.

Việc xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã và cấp huyện theo đúng quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường đã góp phần tăng cường công tác quản lý và sử dụng hiệu quả quỹ đất của địa phương.

#### **c. Bản đồ quy hoạch sử dụng đất**

Thực hiện Luật đất đai năm 2003, huyện Khánh Sơn lập Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ đầu (2011 – 2015) được UBND tỉnh Khánh Hòa phê duyệt tại quyết định số 2904/QĐ-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2013; cùng với quy hoạch sử dụng đất cấp huyện có 8/8 xã, thị trấn

lập quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ đầu (2011 – 2015) được phê duyệt (UBND tỉnh Khánh Hòa phê duyệt Quy hoạch của thị trấn Tô Hạp, UBND huyện Khánh Sơn phê duyệt quy hoạch của 7 xã còn lại).

Trong quá trình thực hiện quy hoạch sử dụng đất của huyện đến năm 2020 được UBND tỉnh phê duyệt có nhiều hạng mục công trình dự án không còn phù hợp, ngoài ra phát sinh nhiều hạng mục công trình dự án có nhu cầu sử dụng đất nhưng không có trong quy hoạch sử dụng đất. Do vậy, thực hiện Luật đất đai 2013 huyện Khánh Sơn tiến hành Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất của huyện đến năm 2020, trong lần điều chỉnh này cấp xã không lập bản đồ Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất mà được tích hợp với bản đồ cấp huyện.

#### *d. Điều tra, đánh giá thích nghi đất đai, phân hạng đất nông nghiệp*

Đối với công tác xây dựng bản đồ đất và phân hạng đất nông nghiệp: UBND huyện đã Phân viện Quy hoạch và TKNN Miền Trung đã tiến hành xây dựng bản đồ nông hoá thổ nhưỡng, bản đồ phân hạng đất đối với toàn bộ diện tích đất sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện. Việc xây dựng xong các loại bản đồ trên đã tạo điều kiện thuận lợi trong việc bố trí cây trồng, xác định được chế độ bón phân và đánh giá phân hạng đất sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên, do bản đồ xây dựng từ khá lâu (trước năm 2000) dẫn đến độ chính xác của bản đồ không cao; hơn nữa trong thực tế sử dụng đất nhiều khu vực chất lượng đất đã thay đổi rất nhiều so với thời gian xây dựng tài liệu nên cần được điều tra đánh giá lại.

#### **3.1.4. Quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất**

- Sau khi quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và KHSD đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) của huyện và các xã; UBND huyện đã tổ chức công bố công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân biết và thực hiện.

- Phòng Tài nguyên và Môi trường đã hướng dẫn UBND các xã, thị trấn; các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân biết về quy trình đăng ký nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất hàng năm theo quy định của Luật Đất đai năm 2013.

- Việc quản lý, sử dụng đất trên địa bàn huyện sau khi QH, KHSD đất được phê duyệt đến nay thực hiện tương đối tốt; không có trường hợp sử dụng đất sai quy hoạch đáng kể nào xảy ra.

#### **3.1.5. Quản lý việc giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất**

Quản lý việc giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất được triển khai đúng theo quy định của Luật Đất đai 2003 và sau là Luật Đất đai 2013 và các văn bản hướng dẫn dưới luật.

- Công tác giao đất: Năm 2014, Phòng Tài nguyên và Môi trường đã tham mưu cho UBND huyện thực hiện việc giao đất cho 116 hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, cận nghèo thiếu đất sản xuất với tổng diện tích giao 145,9 ha, (giao cho 49 hộ nghèo, diện tích 56,9 ha; 67 hộ cận nghèo, diện tích 89,0 ha). Năm 2015

Phòng Tài nguyên và Môi trường tham mưu cho UBND huyện thực hiện việc giao đất và cấp giấy CNQSDĐ cho 50 hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo thiếu đất sản xuất với diện tích 50,99 ha từ quỹ đất bóc tách của Ban quản lý rừng phòng hộ Khánh Sơn.

- Công tác thu hồi đất: Trong 5 năm (2011 – 2015), Phòng Tài nguyên và Môi trường đã tham mưu cho UBND huyện ban hành các quyết định thu hồi đất để xây dựng các công trình như:

+ Năm 2013: Tham mưu thu hồi 6,5 ha đất nông nghiệp để xây dựng đường Dốc Gạo, đường tỉnh lộ 9, bờ kè sông Tô Hạp, đập và kênh mương Đầu Bò (xã Ba Cùm Nam), đường Ngô Quyền, đường vào khu sản xuất Chi Chay.

+ Năm 2014: Tham mưu UBND huyện các văn bản thu hồi đất của Vườn ươm và Trạm y tế xã Sơn Bình giao lại cho xã Sơn Bình quản lý; thu hồi đất rừng đặc dụng của Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Khánh Sơn để giao lại cho Ban quản lý khu bảo tồn thiên nhiên Hòn Bà quản lý, tổng diện tích thu hồi 1896.74 ha, tại xã Sơn Bình, Sơn Hiệp và Sơn Trung; tham mưu cho UBND huyện ban hành thông báo thu hồi đất các công trình: đường Dốc Gạo - thị trấn Tô Hạp, nâng cấp mở rộng Trường Tiểu học & Trường Mầm non thôn Dốc Trầu xã Ba Cùm Bắc, nâng cấp đường Hai Bà Trưng - thị trấn Tô Hạp, đường vào khu sản xuất thôn Liên Bình.

+ Năm 2015: Tham mưu cho UBND huyện thu hồi 4,74 ha đất để thực hiện các công trình dự án: nâng cấp mở rộng đường Hai Bà Trưng (thị trấn Tô Hạp), đường vào khu sản xuất Suối Lớn (xã Ba Cùm Nam), đường Tà Giang II đi khu sản xuất, nối tiếp đường bê tông A Pa I.

+ Năm 2016 cấp GCNQSD đất cho 17 thửa đất với diện tích 21,5 ha cho 12 hộ đồng bào nghèo thiếu đất sản xuất tại xã Ba Cùm Nam, tiếp nhận và giải quyết 12/12 trường hợp xin chuyển mục đích sử dụng đất

Nhìn chung công tác thu hồi đất được thực hiện đúng theo Luật đất đai và đảm bảo thời gian giao mặt bằng để thực hiện các công trình dự án đúng tiến độ đề ra và được người dân đồng tình chấp thuận.

### ***3.1.6. Quản lý việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất***

Công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi thu hồi đất được tỉnh và huyện rất chú trọng, việc hỗ trợ bồi thường, tái định cư để thực hiện các công trình dự án như: mở rộng đường tỉnh lộ 9, đường vào khu sản xuất Suối Lớn, kè sông Tô Hạp, đập và kênh mương Đầu Bò, đường khu sản xuất Tà Giang II, đường Hai Bà Trưng, đường Ngô Quyền, đường thôn Dốc Gạo...đều đảm bảo được quyền lợi của người bị thu hồi đất và được người dân đồng thuận.

### ***3.1.7. Đăng ký đất đai, lập và quản lý hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.***

Tính đến nay, toàn huyện đã kê khai đăng ký cho các hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất được 20482 thửa đất/diện tích 9812.67 ha; đã xét duyệt được 19510

thửa/ 20482 thửa đã kê khai; đã lập hồ sơ địa chính cho 20482 thửa và hoàn thiện hồ sơ cho các thửa đất đó.

Theo kết quả tổng hợp của phòng Tài nguyên và Môi trường, kết quả cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của huyện như sau:

+ Năm 2013: Đã cấp được 879 giấy CNQSDĐ lâm nghiệp với diện tích 1.122,3 ha; cấp hồ sơ tồn đọng của chương trình Vlap được 957 giấy CNQSDĐ với diện tích 226,30 ha; cấp 110 giấy CNQSDĐ ở tại thị trấn Tô Hạp với diện tích 1,83 ha.

+ Năm 2014: Tổng diện tích được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 1433.19 ha, (trong đó đất ở đô thị 0, 79 ha, đất sản xuất nông nghiệp 393.3 ha, đất lâm nghiệp 1.039,1 ha)

+ Năm 2015: tiến hành Kê khai đăng ký 960 hồ sơ với diện tích 829,1 ha, xét cấp giấy chứng nhận lần đầu cho 649 giấy với 501,3 ha.

### ***3.1.8. Thống kê, kiểm kê đất đai***

Được sự chỉ đạo, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Khánh Hòa công tác thống kê, kiểm kê đất đai trên địa bàn huyện được triển khai tốt và đồng bộ. Chất lượng của công tác thống kê, kiểm kê đất đai đã từng bước được nâng cao, đất đai của huyện đã được thống kê hàng năm theo quy định của ngành; công tác thống kê đất đai được thực hiện hàng năm, công tác kiểm kê đất đai được tiến hành 5 năm một lần.

Thực hiện Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 01 tháng 8 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2014; Thông tư số 28/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất huyện Khánh Sơn đã hoàn thành công tác kiểm kê đất đai xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2014, sản phẩm đã được bàn giao và đưa vào sử dụng ở cấp xã và cấp huyện.

- Công tác thống kê đất đai và xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất và phân tích biến động đất đai giữa năm trước và năm thống kê được huyện thực hiện hàng năm ở 02 cấp. Năm 2015 huyện đã hoàn thành công tác thống kê đất đai cấp huyện và cấp xã.

### ***3.1.9. Xây dựng hệ thống thông tin đất đai, cơ sở dữ liệu đất đai***

Việc xây dựng hệ thống thông tin đất đai được Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất của tỉnh thực hiện.

Hiện nay 8/8 xã, thị trấn trên địa bàn huyện đã triển khai thực hiện xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và đang từng bước hoàn thành việc xây dựng cơ sở dữ liệu không gian địa chính.

### ***3.1.10. Quản lý tài chính về đất đai***

Căn cứ Luật Đất đai, Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai, Nghị định 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014

của Chính phủ quy định về giá đất và khung giá các loại đất 5 năm (2015-2019) tại Quyết định số 30/2014/QĐ-UBND ngày 21/12/2014 của UBND tỉnh Khánh Hoà về việc ban hành giá các loại đất năm 2015 và ổn định giá 5 năm 2015 - 2019 trên địa bàn tỉnh Khánh Hoà để làm căn cứ tính thuế sử dụng đất, thuế chuyển quyền sử dụng đất, thuế trước bạ, tính tiền sử dụng đất và tiền thuê đất khi giao đất, giá trị bồi thường đất khi Nhà nước thu hồi đất.

Thực hiện chỉ đạo của Sở Tài nguyên & Môi trường về việc điều tra thông tin chuyên nhượng QHSD đất làm cơ sở để điều chỉnh bảng giá các loại đất xây dựng ổn định 5 năm, UBND huyện đã ban hành Công văn số 238/UBND ngày 16/3/2016 về việc triển khai điều tra thông tin chuyên nhượng Quyền sử dụng đất năm 2016 trên địa bàn huyện Khánh Sơn, chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường theo dõi, đôn đốc, chỉ đạo cấp xã và phối hợp với các cấp, các ngành có liên quan tổ chức điều tra và lập báo cáo tình hình chuyên nhượng quyền sử dụng đất trong năm.

Thông qua quá trình điều tra, xét thấy giá đất chuyên nhượng ngoài thị trường không chênh lệch so với bảng giá đất UBND tỉnh đã ban hành, UBND huyện đã báo cáo đề xuất giữ nguyên bảng giá đất ổn định 5 năm UBND tỉnh đã ban hành tại Quyết định số 30/QĐ-UBND ngày 21/12/2014.

Từ ngày 1/7/2014 đến 30/10/2016, tổng thu ngân sách của huyện liên quan đến đất đai là 2,53 tỷ đồng trong đó tiền sử dụng đất 1,6 tỷ đồng, thuế thu nhập cá nhân 0,75 tỷ đồng, phí và lệ phí trước bạ 0,18 tỷ đồng.

### ***3.1.11. Quản lý, giám sát việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất.***

Trước khi Luật đất đai 2013 có hiệu lực quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất được thực hiện theo Luật Đất đai năm 2003; sau khi Luật Đất đai 2013 có hiệu lực quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất được thực hiện theo Luật Đất đai 2013. Theo Luật đất đai năm 2013 người sử dụng đất có 7 quyền chung được quy định tại Điều 166 gồm: (1) Được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; (2) Hưởng thành quả lao động, kết quả đầu tư trên đất; (3) Hưởng các lợi ích do công trình của Nhà nước phục vụ việc bảo vệ, cải tạo đất nông nghiệp; (4) Được Nhà nước hướng dẫn và giúp đỡ trong việc cải tạo, bồi bổ đất nông nghiệp; (5) Được Nhà nước bảo hộ khi người khác xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp về đất đai của mình; (6) Được bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định của Luật này; (7) Khiếu nại, tố cáo, khởi kiện về những hành vi vi phạm quyền sử dụng đất hợp pháp của mình và những hành vi khác vi phạm pháp luật về đất đai và Quyền chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, thế chấp, góp vốn quyền sử dụng đất được quy định cụ thể tại Điều 167 của Luật này. Nhìn chung, các quyền trên được Phòng Tài nguyên và Môi trường tham mưu cho Ủy ban nhân dân huyện thực hiện đúng theo quy định của Luật đất đai.

- Đối với nghĩa vụ của người sử dụng đất được người dân trong huyện cơ bản thực hiện đúng theo quy định của Luật đất đai. Tuy nhiên, vẫn còn một số hộ gia đình cá nhân chưa thực hiện đúng nghĩa vụ của người sử dụng đất như: xây



dựng nhà vi phạm hành lang an toàn giao thông, xây dựng nhà không phép, chuyển đổi, chuyển nhượng đất đai mà không làm thủ tục hành chính, sử dụng đất chưa đúng mục đích được giao...

### ***3.1.12. Thanh tra, kiểm tra, giám sát, theo dõi, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật về đất đai và xử lý vi phạm pháp luật về đất đai.***

Công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về đất đai được Sở và phòng Tài nguyên và Môi trường huyện tiến hành thường xuyên để đưa công tác quản lý, sử dụng đất ở địa phương đúng mục đích và có hiệu quả; trong quá trình thanh tra phát hiện một số trường hợp như: lấn chiếm hành lang an toàn giao thông làm nhà ở, tự ý chuyển mục đích sử dụng đất trái pháp luật, xây dựng trái phép công trình trên đất nông nghiệp, khai thác khoáng sản (cát trên sông Tô Hạp) trái phép... các trường hợp trên đều được Phòng Tài nguyên và Môi trường tham mưu cho UBND huyện xử phạt hành chính và buộc tháo dỡ các công trình xây dựng trái phép.

Nguyên nhân xảy ra các trường hợp trên là do công tác tuyên truyền, phổ biến Luật Đất đai và các văn bản thi hành Luật Đất đai tuy đã được triển khai rộng khắp nhưng mức độ người dân nắm bắt được các văn bản trên chưa cao, một bộ phận người dân cố tình vi phạm, do đời sống gặp nhiều khó khăn.

### ***3.1.13. Phổ biến, giáo dục pháp luật về đất đai.***

Thông qua các đợt tập huấn văn bản mới, các buổi họp khu dân cư, tổ dân phố để phổ biến pháp luật đất đai.

### ***3.1.14. Giải quyết tranh chấp về đất đai; giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quản lý và sử dụng đất đai.***

Giải quyết tranh chấp, khiếu nại, khiếu tố về đất đai là vấn đề nổi cộm nhất, chiếm tỷ lệ cao nhất trong các nội dung khiếu nại, khiếu tố cần giải quyết trên địa bàn huyện; UBND huyện chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Tòa án và các ngành chức năng giải quyết nhiều đơn thư khiếu nại, tố cáo, tranh chấp về đất đai:

+ Năm 2013 tiếp nhận 4 đơn thư khiếu nại về đất đai, đã giải quyết 2 đơn khiếu nại thuộc thẩm quyền, 2 đơn khiếu nại vượt thẩm quyền đã chuyển lên cơ quan cấp trên giải quyết.

+ Năm 2015 đã tiếp nhận và giải quyết 3 đơn của công dân (có 2 đơn tranh chấp đất đai, 1 đơn khiếu nại và kiến nghị)

Việc giải quyết kịp thời những tranh chấp, đơn thư khiếu nại, tố cáo, tình trạng khiếu kiện kéo dài được giảm cơ bản, các vụ đều được giải quyết đảm bảo công bằng, đúng với quy định của pháp luật, được nhân dân đồng tình ủng hộ.

### ***3.1.15. Quản lý các hoạt động dịch vụ công về đất đai***

Huyện đã có chi nhánh văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất của tỉnh nên các hoạt động dịch vụ công về đất đai được thực hiện khá đầy đủ và thuận tiện.

## **3.2. Phân tích, đánh giá hiện trạng và biến động sử dụng đất**

### **3.2.1. Phân tích hiện trạng sử dụng đất**

#### **3.2.1.1. Hiện trạng sử dụng đất năm 2015** (chi tiết xem biểu 01/CH).

##### *a. Hiện trạng sử dụng đất chia theo đối tượng sử dụng và quản lý*

###### *\* Chia theo đối tượng sử dụng*

Tổng diện tích các loại đất do các đối tượng sử dụng 27.833,72 ha, chiếm 82,21% tổng DTTN toàn huyện; gồm đất nông nghiệp 25.340,88 ha, đất phi nông nghiệp 902,66 ha. Trong đó:

- Hộ gia đình, cá nhân trong nước sử dụng: 10.115,26 ha, chiếm 35,34% diện tích đã giao sử dụng, gồm: đất nông nghiệp 9.971,24 ha, đất phi nông nghiệp 144,02 ha (đất ở 143,06 ha, đất xây dựng trụ sở khác 0,46 ha).

- Các tổ chức trong nước sử dụng 17.714,46 ha, chiếm 63,64% diện tích được giao sử dụng; trong đó:

+ Các tổ chức kinh tế sử dụng 1,25 ha (toàn bộ đất phi nông nghiệp).

+ Các cơ quan, đơn vị của nhà nước sử dụng 726,57 ha (toàn bộ đất phi nông nghiệp).

+ Tổ chức sự nghiệp công lập sử dụng 16.986,64 ha (đất nông nghiệp 15.369,64 ha, đất phi nông nghiệp 26,83 ha).

- Cộng đồng dân cư và cơ sở tôn giáo: sử dụng 3,99 ha, chiếm 0,01% diện tích đã giao sử dụng.

###### *\* Chia theo đối tượng quản lý*

Diện tích đất do các đối tượng quản lý 6.019,03 ha, chiếm 17,78% tổng DTTN toàn huyện; bao gồm: đất nông nghiệp 613,41 ha, đất phi nông nghiệp 685,25 ha, đất chưa sử dụng 4.702,37 ha; trong đó:

- UBND cấp xã quản lý: 5.778,33 ha, chiếm 96,0% tổng diện tích theo đối tượng quản lý, bao gồm đất nông nghiệp 613,41 ha (chủ yếu đất lâm nghiệp), đất phi nông nghiệp 444,55 ha (trong đó đất công cộng 173,91 ha), đất chưa sử dụng 4.720,37 ha.

- Cộng đồng dân cư và tổ chức khác quản lý 240,7 ha, chiếm 3,99% tổng diện tích giao quản lý (đất công cộng 28,98 ha, đất sông suối 211,72 ha).

##### *b. Hiện trạng sử dụng đất chia theo mục đích sử dụng*

Tổng diện tích tự nhiên của huyện có 33.852,76 ha, chiếm 6,6% diện tích tự nhiên toàn tỉnh (có diện tích rộng đứng thứ 6/9 huyện thị, thành phố thuộc tỉnh), trong đó:

*\* Đất nông nghiệp: 25.954,26 ha, chiếm 76,67% tổng DTTN, trong đó:*

- Đất trồng lúa: 175,33 ha, chiếm 0,52% diện tích tự nhiên; diện tích đất trồng lúa phân bố nhiều nhất ở xã Ba Cạm Bắc (53,05 ha), xã Sơn Trung (32,09 ha), xã Sơn Bình (27,32 ha), xã Sơn Lâm có diện tích lúa thấp nhất (6,11 ha).

+ Đất chuyên trồng lúa nước: 171,94 ha, chiếm 0,51% diện tích tự nhiên, chủ yếu phân bố tại xã Ba Cùm Bắc, Sơn Trung, Sơn Bình, Sơn Hiệp.

- Đất trồng cây hàng năm khác: 1.310,73 ha, chiếm 3,87% tổng diện tích tự nhiên. Đất trồng cây hàng năm phân bố ở hầu hết các xã, thị trấn trên địa bàn huyện, nhưng tập trung nhiều xã Sơn Bình (321,51ha), xã Ba Cùm Bắc (199,49 ha), xã Thành Sơn (168,15 ha), xã Sơn Lâm có diện tích đất trồng cây thấp nhất (95,83 ha). Diện tích đất trồng cây hàng năm khác được người dân sử dụng để trồng rau, bắp, đậu, trồng cỏ...

- Đất trồng cây lâu năm: 3.113,12 ha, chiếm 9,20% diện tích tự nhiên; đất trồng cây lâu năm phân bố nhiều ở xã Ba Cùm Bắc (1.199,51 ha).

- Đất rừng phòng hộ: 11.863,07 ha, chiếm 35,04% diện tích tự nhiên; đất rừng phòng hộ phân bố ở các xã: Thành Sơn (3.013,44 ha), xã Ba Cùm Nam (2.809,34 ha), xã Sơn Bình (2.208,58 ha)...thị trấn Tô Hạp có diện tích đất rừng phòng hộ thấp nhất 29,05 ha.

- Đất rừng đặc dụng: 1.881,65 ha, chiếm 5,56% diện tích tự nhiên, đất rừng đặc dụng phân bố ở 3 xã Sơn Trung, Sơn Hiệp, Sơn Bình.

- Đất rừng sản xuất: 7.593,89 ha, chiếm 22,43% diện tích tự nhiên; đất rừng sản xuất phân bố ở tất cả các xã, nhưng tập trung nhiều ở xã Sơn Hiệp (1.257,23 ha), xã Sơn Bình (1.175,82 ha), xã Sơn Lâm (999,65 ha).

- Đất nuôi trồng thủy sản: 16,51 ha, chiếm 0,05% diện tích tự nhiên; chủ yếu là các ao hồ nhỏ trong khu dân cư phân bố ở tất cả các xã, thị trấn.

#### \* Đất phi nông nghiệp

Tổng diện tích năm 2015 có 1.587,92 ha, chiếm 4,69% tổng diện tích tự nhiên; trong đó:

- Đất quốc phòng: 689,12 ha, chiếm 2,04% tổng diện tích tự nhiên; phân bố tại thị trấn Tô Hạp 1,38 ha (Ban Chỉ huy quân sự huyện Khánh Sơn), xã Sơn Trung 687,23 ha, xã Sơn Lâm 0,51 ha.

- Đất an ninh: 0,72 ha, diện tích của Công an huyện Khánh Sơn (TT Tô Hạp) và Trạm dừng chân tổ công tác công an huyện tại xã Sơn Lâm.

- Đất thương mại, dịch vụ: 0,25 ha, diện tích của các cây xăng và cửa hàng thương mại dịch vụ tại thị trấn Tô Hạp, xã Ba Cùm Nam, xã Sơn Lâm, xã Thành Sơn.

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: diện tích 0,46 ha, phân bố tại TT Tô Hạp (0,28 ha), xã Ba Cùm Bắc (0,18 ha).

- Đất phát triển hạ tầng: 230,26 ha, chiếm 0,68% diện tích tự nhiên của toàn huyện. Đất phát triển hạ tầng phân bố ở tất cả các xã; trong đó: đất giao thông có 174,96 ha, đất thủy lợi có 23,06 ha, đất công trình năng lượng 0,50 ha, đất bưu chính viễn thông 0,75 ha, đất cơ sở văn hóa 1,85 ha, đất cơ sở y tế 7,66 ha, đất cơ sở y tế 2,41 ha, đất cơ sở giáo dục đào tạo 21,83 ha, đất cơ sở thể dục thể thao 3,55 ha, đất dịch vụ xã hội 2,04 ha, đất chợ 1,15ha.

- Đất danh lam thắng cảnh: diện tích 4,80 ha, chiếm 0,01% diện tích tự nhiên, diện tích của Danh lam thắng cảnh thác Tà Gụ tại xã Sơn Hiệp;

- Đất bãi thải, xử lý chất thải: 3,27 ha, chiếm 0,01% diện tích tự nhiên, diện

tích của các bãi xử lý rác thải tại các xã: Ba Cùm Bắc, Sơn Trung, Sơn Hiệp, Sơn Bình, Sơn Lâm.

- Đất ở tại nông thôn: 127,57 ha, chiếm 0,38% diện tích tự nhiên (bình quân có 53,54m<sup>2</sup>/người); đất ở nông thôn phân bố tại các xã: Ba Cùm Bắc (25,51ha), Ba Cùm Nam (14,39 ha), Sơn Trung (25,66 ha), Sơn Hiệp (17,32 ha), Sơn Bình (16,71 ha), Sơn Lâm (11,69 ha), Thành Sơn 16,29 ha.

- Đất ở tại đô thị: 15,99 ha, chiếm 0,05% tổng diện tích tự nhiên; diện tích đất ở tại thị trấn Tô Hạp (bình quân có 34,81m<sup>2</sup>/người).

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: 10,14 ha, chiếm 0,03% tổng diện tích tự nhiên toàn huyện; đất xây dựng trụ sở cơ quan phân bố ở tất cả các xã, thị trấn; cơ bản đã đáp ứng đủ nhu cầu.

- Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp: 0,26 ha, phân bố ở thị trấn Tô Hạp (diện tích của công ty Công trình môi trường đô thị).

- Đất cơ sở tôn giáo: 3,99 ha, chiếm 0,01% diện tích tự nhiên, diện tích của chùa Khánh Sơn tại thị trấn Tô Hạp.

- Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa: 14,32 ha, chiếm 0,04% tổng diện tích tự nhiên toàn huyện; đất nghĩa địa phân bố ở thị trấn Tô Hạp (0,91 ha), xã Ba Cùm Bắc 0,79 ha, xã Ba Cùm Nam 4,89 ha, xã Sơn Trung 1,05 ha, xã Sơn Hiệp 3,47 ha, xã Sơn Bình 1,84 ha, xã Sơn Lâm 1,19 ha, xã Thành Sơn 0,18 ha. Hiện nay, các xã Thành Sơn, Ba Cùm Bắc vẫn còn thiếu đất nghĩa địa, trong điều chỉnh quy hoạch cần bố trí mở rộng thêm.

- Đất sinh hoạt cộng đồng: 4,52 ha, chiếm 0,01% tổng diện tích tự nhiên; phân bố ở tất cả các xã, thị trấn; chủ yếu là diện tích đất xây dựng khu sinh hoạt văn hóa (nhà SHCD) của các thôn, tổ dân phố.

- Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: 481,62 ha, chiếm 1,42% tổng DTTN.

- Đất có mặt nước chuyên dùng: 0,56 ha.

*\* Đất chưa sử dụng*

Diện tích đất chưa sử dụng của huyện còn lại 6,310,55 ha, chiếm 18,64% diện tích tự nhiên; trong đó đất bằng chưa sử dụng có 87,83 ha, đất đồi chưa sử dụng có 6.222,72 ha.

*\* Đất đô thị:* diện tích 1.667,46 ha, chiếm 4,96% diện tích tự nhiên (toàn bộ diện tích của thị trấn Tô Hạp).

*Bảng 01: Hiện trạng sử dụng đất năm 2015 của huyện Khánh Sơn*

	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích tự nhiên (ha)	Tỷ lệ (%)
	<b>Tổng diện tích tự nhiên (1+2+3)</b>		<b>33.852,76</b>	<b>100,00</b>
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>25.954,29</b>	<b>76,67</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUA	175,33	0,52
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>171,94</i>	<i>0,51</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	1.310,73	3,87
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	3.113,12	9,20
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	11.863,07	35,04

	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích tự nhiên (ha)	Tỷ lệ (%)
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	1.881,65	5,56
1.5	Đất rừng sản xuất	RSX	7.593,89	22,43
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	16,51	0,05
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>1.587,92</b>	<b>4,69</b>
2.1	Đất quốc phòng	CQP	689,12	2,04
2.2	Đất an ninh	CAN	0,78	0,00
2.3	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	0,25	0,00
2.4	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	0,46	0,00
2.5	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	230,26	0,68
-	Đất giao thông	DGT	174,96	0,52
-	Đất thủy lợi	DTL	23,06	0,07
-	Đất công trình năng lượng	DNL	0,50	0,00
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	0,75	0,00
-	Đất cơ sở y tế	DYT	2,41	0,01
-	Đất cơ sở giáo dục đào tạo	DGD	21,83	0,06
-	Đất cơ sở thể dục thể thao	DTT	3,55	0,01
-	Đất cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	2,04	0,01
-	Đất chợ	DCH	1,15	0,00
2.6	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	4,80	0,01
2.7	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	3,27	0,01
2.8	Đất ở tại nông thôn	ONT	127,57	0,38
2.9	Đất ở tại đô thị	ODT	15,99	0,05
2.10	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	10,14	0,03
2.11	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,26	0,00
2.12	Đất cơ sở tôn giáo	TON	3,99	0,01
2.14	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ	NTD	14,32	0,04
2.15	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	4,52	0,01
2.16	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	481,62	1,42
2.17	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	0,56	0,00
<b>3</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>	<b>CSD</b>	<b>6.310,55</b>	<b>18,64</b>
3.1	Đất băng chưa sử dụng	BCS	87,83	0,26
3.2	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS	6.222,72	18,38
4	<b>Đất đô thị*</b>	<b>KDT</b>	<b>1.677,46</b>	<b>4,96</b>

(Ghi chú: \* không tính vào diện tích tự nhiên)

### 3.2.2. Phân tích, đánh giá biến động các loại đất từ 2011- 2015

#### a. Biến động các loại đất 2011 – 2015

Tổng diện tích tự nhiên của huyện năm 2015 có 33.852,76 ha, tăng 50,74 ha so với năm 2010; diện tích tự nhiên tăng do cập nhật tổng diện tích tự nhiên theo kết quả kiểm kê đất đai năm 2014. Các loại đất có biến động như sau:

\* *Đất nông nghiệp*: Diện tích đất nông nghiệp năm 2015 có 25.954,29 ha, tăng 1.796,05 ha; tăng do khai thác đất chưa sử để trồng cây lâu năm và trồng, khoanh nuôi tái sinh rừng... Các loại đất nông nghiệp biến động như sau:

- Đất trồng lúa: giảm 36,64 ha so với năm 2010; đất trồng lúa giảm do chuyển sang đất trồng cây hàng năm (chủ yếu trồng mía tím), một số diện tích chuyển sang mở rộng đường giao thông, mở rộng đất ở.

- Diện tích đất trồng cây hàng năm khác: giảm 781,34 ha; trong đó:

+ Diện tích thực giảm trong 5 năm (2011 -2015) là 808,88 ha; giảm do chuyển sang các mục đích: đất trồng lúa 12,65 ha, đất trồng cây lâu năm 22,60 ha, đất rừng sản xuất 60,19 ha, đất nuôi trồng thủy sản 0,40 ha, đất ở nông thôn 0,15 ha, đất trụ sở 0,05 ha, đất quốc phòng 184,0 ha, đất phát triển hạ tầng 10,19 ha, giảm khác 518,65 ha (theo kết quả kiểm kê 2014).

+ Diện tích từ các mục đích khác chuyển sang đất trồng cây hàng năm khác giai đoạn (2011-2015): 27,02 ha, chuyển từ các mục đích: đất trồng lúa 10,55 ha, đất rừng sản xuất 12,43 ha.

- Đất trồng cây lâu năm: tăng 731,17 ha so với năm 2010; trong đó

+ Diện tích thực tăng: 834,97 ha, tăng từ các mục đích: đất trồng cây hàng năm 22,60 ha, đất rừng sản xuất 110,35 ha, đất chưa sử dụng 302,54 ha, tăng khác 399,48 ha (tăng do cập nhật kết quả kiểm kê 2014).

+ Diện tích thực giảm: 103,82 ha, giảm do chuyển sang sử dụng các mục đích: đất rừng sản xuất 13,08 ha, đất ở nông thôn 1,35 ha, đất ở đô thị 0,05 ha, đất phát triển hạ tầng 0,43 ha, giảm khác 88,91 ha (cập nhật kết quả kiểm kê đất đai năm 2014).

- Đất rừng phòng hộ: tăng 1.266,74 ha so với năm 2010, trong đó:

+ Diện tích thực tăng: 1.347,17 ha, toàn bộ là tăng khác (do cập nhật diện tích đất rừng phòng hộ theo kết quả kiểm kê đất đai năm 2014).

+ Diện tích giảm trong 5 năm (2011-2015): 80,42 ha, giảm do chuyển sang sử dụng các mục đích: đất quốc phòng 79,80 ha, đất phát triển hạ tầng 0,62 ha.

- Đất rừng đặc dụng: tăng 548,90 ha so với năm 2010, trong đó:

+ Diện tích thực tăng: 996,87 ha, tăng do cập nhật diện tích đất rừng đặc dụng của khu bảo tồn thiên nhiên Hòn Bà (phần diện tích thuộc các xã Sơn Trung, Sơn Hiệp, Sơn Bình) theo quy hoạch phát triển lâm nghiệp của tỉnh đến năm 2020; diện tích đất rừng đặc dụng tăng từ các mục đích: đất rừng sản xuất 80,0 ha, đất đồi núi chưa sử dụng 469,0 ha, tăng khác 447,87 ha (cập nhật theo kết quả kiểm kê đất đai năm 2014).

+ Diện tích giảm trong 5 năm (2011- 2015): 447,98 ha, giảm do chuyển sang sử dụng mục đích đất rừng sản xuất 447,98 ha (cập nhật diện tích đất rừng đặc dụng theo quy hoạch phát triển lâm nghiệp toàn tỉnh).

- Đất rừng sản xuất: tăng 71,72 ha so với năm 2010, trong đó:

+ Diện tích thực tăng: 709,94 ha, tăng từ các mục đích: đất trồng cây hàng năm 60,19 ha, đất trồng cây lâu năm 13,08 ha, đất rừng đặc dụng 447,97 ha, đất chưa sử dụng 269,70 ha.

+ Diện tích giảm trong 5 năm (2011-2015): 719,23 ha, giảm do chuyển sang các mục đích: đất trồng cây hàng năm khác 12,43 ha, đất trồng cây lâu năm 110,35 ha, đất rừng đặc dụng 80,0 ha, đất quốc phòng 423,20 ha, đất phát triển hạ tầng 1,51 ha, đất nghĩa địa 1,94 ha, giảm khác 89,80 ha (cập nhật kết quả kiểm kê

2014).

- Đất nuôi trồng thủy sản: tăng 0,28 ha so với năm 2015, trong đó:

+ Diện tích thực tăng: 1,89 ha, tăng từ các mục đích: đất trồng cây hàng năm 0,40 ha, đất sông suối 0,33 ha, tăng khác 1,16 ha.

+ Diện tích giảm trong 5 năm (2011 – 2015): 1,63 ha, giảm do chuyển sang các mục đích: đất trồng lúa 0,90 ha, giảm khác 0,73 ha.

*Nhận xét:* Trong 5 năm (2011 – 2015) diện tích đất nông nghiệp của huyện có biến động khá lớn; tổng diện tích đất nông nghiệp chuyển sang sử dụng mục đích phi nông nghiệp 703,29 ha (chủ yếu chuyển sang sử dụng mục đích quốc phòng 687,0 ha xây dựng khu phòng thủ quốc phòng tại xã Sơn Trung; chuyển sang bố trí dân cư, xây dựng cơ sở hạ tầng phát triển kinh tế - xã hội không đáng kể 16,29 ha); ngoài ra diện tích còn biến động khá lớn do thay đổi tiêu chí thống kê và phương pháp thống kê để xác định cụ thể từng loại đất theo kết quả kiểm kê năm 2014.

*\* Biến động đất phi nông nghiệp*

Tổng diện tích đất phi nông nghiệp năm 2015 có 1.587,92 ha, tăng 655,46 ha so với năm 2010; trong đó:

- Đất quốc phòng: tăng 687,21 ha so với năm 2010, tăng từ các mục đích: đất trồng cây hàng năm khác 184,0 ha, đất rừng sản xuất 423,20 ha, đất rừng phòng hộ 79,80 ha (do xây dựng khu phòng thủ quốc phòng tại xã Sơn Trung).

- Đất an ninh: tăng 0,06 ha so với năm 2010, tăng do xây dựng trạm dừng chân tổ công tác công an huyện Khánh Sơn tại xã Sơn Lâm.

- Đất thương mại dịch vụ: năm 2015 có 0,25 ha, ổn định so với năm 2010 (đất thương mại dịch vụ là chỉ tiêu mới theo Thông tư số 29/2014/BTNMT, năm 2010 đất thương mại dịch vụ được thống kê trong đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp). Trong 05 năm qua một số hạng mục công trình sử dụng cho mục đích thương mại dịch vụ được xây dựng như: cửa hàng xăng dầu Sơn Lâm, cửa hàng xăng dầu Ba Cùm Bắc.

- Đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp: giảm 2,08 ha so với năm 2010, giảm do thay đổi tiêu chí thống kê trong kỳ kiểm kê đất đai năm 2014.

- Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản: 10,0 ha so với năm 2010, giảm do chuyển diện tích của khu khai thác đá tại xã Sơn Trung (2010 TK vào đất khoáng sản) chuyển sang đất trồng cây hàng năm khác.

- Đất phát triển hạ tầng: tăng 66,02 ha so với năm 2010; trong đó:

+ Đất giao thông: tăng 49,95 ha so với năm 2010; đất giao thông tăng do giai đoạn 2011 – 2015 đã triển khai nâng cấp mở rộng các tuyến đường: đường tỉnh lộ 9, đường thôn Dốc Gạo, đường Hai Bà Trung, đường đi khu sản xuất Suối Lớn, đường Tà Giang II đi khu sản xuất...

+ Đất thủy lợi: tăng 13,62 ha so với năm 2010; tăng do trong giai đoạn 2011 – 2015 thực hiện xây dựng các công trình đập Ru Uh, suối Mây xã Ba Cùm Bắc, kênh mương đập dâng A Pa I xã Thành Sơn...

+ Đất công trình năng lượng: tăng 0,16 ha so với năm 2010, tăng do kiểm

kê xác định lại diện tích của trạm biến áp 110KV tại xã Sơn Trung.

+ Đất buru chính viễn thông: tăng 0,14 ha so với năm 2010, tăng do cập nhật theo kết quả kiểm kê đất đai năm 2014.

+ Đất cơ sở y tế: giảm 0,90 ha so với năm 2010; giảm do chuyển sang đất

+ Đất cơ sở giáo dục-đào tạo: tăng 1,31 ha so với năm 2010; tăng do xây dựng và mở rộng các trường Trung học cơ sở Thành Sơn, mở rộng mầm non Vành Khuyên, mở rộng Tiểu học Ba Cùm Bắc...

+ Đất cơ sở thể dục thể thao: tăng 0,15 ha (mở rộng sân thể thao Ba Cùm Nam).

+ Đất dịch vụ xã hội: tăng 1,77 ha so với năm 2010, tăng do xây dựng mới Trung tâm bảo trợ xã hội tại xã Ba Cùm Bắc.

+ Đất chợ: giảm 0,19 ha so với năm 2010, giảm do xác định cụ thể lại diện tích của các chợ trên địa bàn huyện theo kết quả kiểm kê đất đai năm 2014.

- Đất danh lam thắng cảnh: giảm 0,02 ha so với năm 2010, giảm do xác định lại diện tích đất khu danh lam thắng cảnh thác Tà Gụ tại xã Sơn Hiệp theo kết quả kiểm kê đất đai năm 2014.

- Đất bãi thải xử lý rác thải: tăng 2,57 ha so với năm 2010, tăng do xây dựng các bãi tập kết xử lý rác thải tại xã Ba Cùm Bắc, Sơn Lâm, Sơn Bình, Sơn Hiệp.

- Đất ở nông thôn: tăng 22,48 ha so với năm 2010; tăng do mở rộng đất ở nông thôn tại các xã và cập nhật diện tích đất ở nông thôn theo kết quả kiểm kê đất đai năm 2014.

- Đất ở tại đô thị: tăng 0,35 ha, tăng do chuyển đất nông nghiệp sang đất ở đô thị tại thị trấn Tô Hạp.

- Đất trụ sở cơ quan: tăng 1,18 ha so với năm 2010, tăng do cập nhật diện tích đất trụ sở theo kết quả kiểm kê đất đai năm 2014.

- Đất trụ sở của tổ chức sự nghiệp: ổn định so với năm 2010.

- Đất cơ sở tôn giáo: tăng 3,99 ha so với năm 2020, tăng do xây dựng chùa Long Sơn tại thị trấn Tô Hạp, diện tích 3,99 ha.

- Đất nghĩa trang nghĩa địa: tăng 9,22 ha so với năm 2020, tăng do mở mới và mở rộng đất nghĩa địa tại các xã: Ba Cùm Bắc, Ba Cùm Nam, Sơn Lâm, Sơn Bình, Sơn Hiệp.

- Đất sinh hoạt cộng đồng: tăng 1,36 ha so với năm 2010, tăng do xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng của tổ dân phố Hạp Cường, nhà văn hóa thôn Cô Lắc, khu văn hóa xã Sơn Lâm, nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Hòn Gầm.

- Đất sông suối: giảm 127,45 ha so với năm 2010, giảm do cập nhật diện tích đất sông suối theo kết quả kiểm kê đất đai năm 2014.

- Đất mặt nước chuyên dùng: tăng 0,56 ha so với năm 2010, tăng do cập nhật diện tích theo kết quả kiểm kê đất đai 2014.

\* *Đất chưa sử dụng*: Diện tích đất chưa sử dụng giảm 2.400,77 ha so với năm 2010, giảm do khai thác đất chưa sử dụng chuyển sang sử dụng mục đích nông nghiệp và phi nông nghiệp.



Bảng 02: Biến động đất đai giai đoạn 2011 – 2015 của huyện Khánh Sơn

	Chỉ tiêu sử dụng đất		Diện tích năm 2010	Diện tích 2015	Tăng (+); giảm (-)
	<b>Tổng diện tích tự nhiên (1+2+3)</b>		<b>33.802,02</b>	<b>33.852,76</b>	<b>50,74</b>
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>24.158,24</b>	<b>25.954,29</b>	<b>1.796,05</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUA	211,97	175,33	-36,64
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>189,47</i>	<i>171,94</i>	<i>-17,53</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	2.092,60	1.310,73	-781,88
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	2.381,95	3.113,12	731,17
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	10.596,33	11.863,07	1.266,74
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	1.332,75	1.881,65	548,90
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	7.522,17	7.593,89	71,72
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	16,23	16,51	0,28
1.8	Đất nông nghiệp khác	NKH	4,24	-	-4,24
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>932,46</b>	<b>1.587,92</b>	<b>655,46</b>
2.1	Đất quốc phòng	CQP	1,91	689,12	687,21
2.2	Đất an ninh	CAN	0,72	0,78	0,06
2.3	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	0,25	0,25	0,00
2.4	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	2,54	0,46	-2,08
2.5	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	10,00	-	-10,00
2.6	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	164,24	230,26	66,02
-	<i>Đất giao thông</i>	<i>DGT</i>	<i>125,01</i>	<i>174,96</i>	<i>49,95</i>
-	<i>Đất thủy lợi</i>	<i>DTL</i>	<i>9,44</i>	<i>23,06</i>	<i>13,62</i>
-	<i>Đất công trình năng lượng</i>	<i>DNL</i>	<i>0,34</i>	<i>0,50</i>	<i>0,16</i>
-	<i>Đất công trình bưu chính, viễn thông</i>	<i>DBV</i>	<i>0,61</i>	<i>0,75</i>	<i>0,14</i>
-	<i>Đất cơ sở y tế</i>	<i>DYT</i>	<i>3,31</i>	<i>2,41</i>	<i>-0,90</i>
-	<i>Đất cơ sở giáo dục đào tạo</i>	<i>DGD</i>	<i>20,52</i>	<i>21,83</i>	<i>1,31</i>
-	<i>Đất cơ sở thể dục thể thao</i>	<i>DTT</i>	<i>3,40</i>	<i>3,55</i>	<i>0,15</i>
-	<i>Đất cơ sở dịch vụ xã hội</i>	<i>DXH</i>	<i>0,27</i>	<i>2,04</i>	<i>1,77</i>
-	<i>Đất chợ</i>	<i>DCH</i>	<i>1,34</i>	<i>1,15</i>	<i>-0,19</i>
2.7	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	4,82	4,80	-0,02
2.8	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	0,70	3,27	2,57
2.9	Đất ở tại nông thôn	ONT	105,09	127,57	22,48
2.10	Đất ở tại đô thị	ODT	15,64	15,99	0,35
2.11	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	8,96	10,14	1,18
2.12	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,26	0,26	-
2.13	Đất cơ sở tôn giáo	TON	-	3,99	3,99
2.14	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	5,10	14,32	9,22
2.15	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	3,16	4,52	1,36
2.16	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	609,07	481,62	-127,45
2.17	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	-	0,56	0,56
<b>3</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>	<b>CSD</b>	<b>8.711,32</b>	<b>6.310,55</b>	<b>-2.400,77</b>
3.1	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	7,85	87,83	79,98
3.2	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS	8.703,47	6.222,72	-2.480,75
<b>4</b>	<b>Đất đô thị*</b>	<b>KDT</b>	<b>1.625,17</b>	<b>1.677,46</b>	<b>52,29</b>

(Nguồn: Thống kê đất đai năm 2010 và 2015 huyện Khánh Sơn)

*b. Xu thế biến động các loại đất*

- Đất nông nghiệp: trong 5 năm qua, đất nông nghiệp tăng 1796,05 ha; tăng chủ yếu do khai thác đất chưa sử dụng sang trồng cây lâu năm, trồng khoanh nuôi tái sinh rừng sản xuất; trong 5 năm tới xu thế đất nông nghiệp sẽ tăng không đáng kể, do quỹ đất chưa sử dụng có khả năng khai thác sử dụng mục đích nông lâm nghiệp

nghiệp còn lại không nhiều, trong khi đó có nhiều công trình dự án khi triển khai thực hiện trong giai đoạn 2016 – 2020 sẽ lấy từ đất quỹ đất nông nghiệp.

- Đất phi nông nghiệp: 5 năm qua (2011 -2015), đất phi nông nghiệp có xu thế tăng lên, bình quân tăng 131 ha/năm; trong đó tăng chủ yếu là đất quốc phòng, đất ở nông thôn, đất nghĩa trang nghĩa địa, diện tích đất phát triển hạ tầng có tăng nhưng không lớn. Trong giai đoạn 2016 – 2020 dự báo đất phi nông nghiệp của huyện sẽ tiếp tục tăng, đặc biệt là quỹ đất xây dựng cơ sở hạ tầng (do mở rộng đường giao thông, xây dựng các hồ thủy lợi hồ Sơn Trung, hồ Sơn Lâm, hồ Tà Lương; xây dựng khu liên hợp thể thao tại thị trấn, xây dựng cụm công nghiệp Sơn Bình...).

- Đất chưa sử dụng: quỹ đất chưa sử dụng đang được khai thác sử dụng mục đích nông nghiệp và lâm nghiệp; trong những năm tới quỹ đất chưa sử dụng sẽ tiếp tục được khai thác đưa vào sử dụng mục đích lâm nghiệp (khoanh nuôi tái sinh rừng).

#### **IV/ PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT**

##### **4.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất**

##### ***4.1.1. Đánh giá kết quả thực hiện các công trình dự án và kết quả thực hiện chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 đã thực hiện đến năm 2015***

Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ đầu (2011 – 2015) của huyện Khánh Sơn được UBND tỉnh Khánh Hòa phê duyệt tại quyết định số 2904/QĐ-UBND ngày 14/11/2013. Sau 5 năm thực hiện (đến hết năm 2015) kết quả đạt được như sau:

Tổng diện tích tự nhiên: Quy hoạch sử dụng đất được duyệt, tổng diện tích tự nhiên đến năm 2020 có 33.802,02 ha; kết quả thực hiện đến năm 2015 có 33.852,76 ha (tăng 50,74 ha), tích tăng do cập nhật diện tích tự nhiên theo kết quả kiểm kê đất đai năm 2014.

- Nhóm đất nông nghiệp: Kết quả thực hiện đến năm 2015 có 25.954,29 ha, đạt 88,51% (thấp hơn chỉ tiêu được duyệt 3.370,81 ha). Nhóm đất nông nghiệp có 7 chỉ tiêu chính trong đó:

+ Chỉ tiêu thực hiện đạt từ 100% trở lên: có 3/7 chỉ tiêu, đạt 42,9%, gồm: đất trồng lúa (đạt 101,93%), đất rừng phòng hộ (đạt 100,06%), đất nuôi trồng thủy sản (đạt 116,69%);

+ Chỉ tiêu thực hiện từ 70% - 99,9%: có 3/7 chỉ tiêu, đạt 42,9%, gồm: đất trồng cây lâu năm (đạt 97,71%), đất rừng sản xuất (đạt 77,04%), đất nông nghiệp còn lại (đạt 81,44%);

+ Chỉ tiêu thực hiện từ 50% - 69,9%: có 1/7 chỉ tiêu đạt 14,3% (đất rừng đặc dụng thực hiện đạt 69,85%).

- Nhóm đất phi nông nghiệp: Thực hiện đến năm 2015 có 1.587,92 ha, đạt 70,84% (thấp hơn chỉ tiêu được duyệt 653,51 ha); nhóm đất phi nông nghiệp có 15 chỉ tiêu chính, trong đó:

+ Chỉ tiêu thực hiện đạt từ 100% trở lên: có 1/15 chỉ tiêu, đạt 6,67% (đất cơ sở tôn giáo thực hiện đạt 159,6%).

+ Chỉ tiêu thực hiện đạt từ 70-99,9%: có 5/15 chỉ tiêu, đạt 33,3% gồm: đất quốc phòng (đạt 98,74%), đất danh lam thắng cảnh (đạt 93,57%), đất xây dựng trụ sở cơ quan-công trình sự nghiệp (đạt 88,36%), đất nghĩa trang nghĩa địa (đạt 85,39%), đất phi nông nghiệp còn lại (đạt 74,43%).

+ Chỉ tiêu thực hiện từ 50% đến dưới 70%: có 1/15 chỉ tiêu, đạt 6,67% (đất phát triển hạ tầng thực hiện đạt 53,13%).

+ Chỉ tiêu thực hiện đạt từ 10%-49,9%: có 3/15 chỉ tiêu, đạt 20,0%, gồm: đất an ninh thực hiện đạt 15,6%, đất bãi thải xử lý chất thải thực hiện đạt 22,88%, đất ở tại đô thị thực hiện đạt 45,61%.

+ Chỉ tiêu thực hiện đạt dưới 10%: có 5/15 chỉ tiêu, đạt 33,3%, gồm: đất thương mại dịch vụ-cơ sở sản xuất kinh doanh (đạt 3,26%), đất mặt nước chuyên dùng (đạt 2,67%). Chỉ tiêu đất vật liệu xây dựng, đất cụm công nghiệp, đất khai thác khoáng sản chưa triển khai thực hiện.

- Đất chưa sử dụng: Đến năm 2015 đất chưa sử dụng còn lại 6.310,56 ha (thấp hơn chỉ tiêu được duyệt 4.075,07 ha), đạt 35,42%.

- Đất đô thị: Đến hết năm 2015 đất đô thị có 1.677,46 ha (cao hơn chỉ tiêu được duyệt 52,29 ha), đạt 103,22%.

- Đất khu bảo tồn thiên nhiên: Năm 2015 đất khu bảo tồn thiên nhiên có 1.881,65 ha, đạt 69,85% (thấp hơn chỉ tiêu quy hoạch được duyệt 812,09 ha).

- Đất khu dân cư nông thôn: Đến hết năm 2015 đất khu dân cư nông thôn có 1.625,95 ha, đạt 54,95% (thấp hơn chỉ tiêu được duyệt 1.332,87 ha).

**Bảng 03 : Kết quả thực hiện chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất đến 2020, thực hiện cuối năm 2015 của huyện Khánh Sơn**

STT	Chỉ tiêu	Chỉ tiêu QH đến năm 2020 UBND tỉnh phê duyệt tại QĐ 2904/QĐ-UBND (ha)	Kết quả thực hiện đến 2015		
			Diện tích (ha)	Tăng (+); giảm (-)	Tỷ lệ thực hiện (%)
	<b>TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN</b>	<b>33.802,02</b>	<b>33.852,76</b>	<b>50,74</b>	<b>100,15</b>
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>29.325,10</b>	<b>25.954,29</b>	<b>-3.370,81</b>	<b>88,51</b>
1.1	Đất trồng lúa	172,01	175,33	3,32	101,93
	<i>Trong đó: đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>161,28</i>	<i>171,94</i>	<i>10,66</i>	<i>106,61</i>
1.2	Đất trồng cây lâu năm	3.186,23	3.113,12	-73,12	97,71
1.3	Đất rừng phòng hộ	11.792,38	11.863,07	70,69	100,60
1.4	Đất rừng đặc dụng	2.693,74	1.881,65	-812,09	69,85
1.5	Đất rừng sản xuất	9.857,14	7.593,89	-2.263,25	77,04
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	14,15	16,51	2,36	116,69
1.7	Đất nông nghiệp khác còn lại	1.609,45	1.310,73	-298,72	81,44
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>2.241,43</b>	<b>1.587,92</b>	<b>-653,51</b>	<b>70,84</b>
2.1	Đất quốc phòng	697,91	689,12	-8,79	98,74
2.2	Đất an ninh	5,00	0,78	-4,22	15,60
2.3	Đất cụm công nghiệp	35,00	0,00	-35,00	-
2.4	Đất thương mại, dịch vụ+cơ sở sản xuất KD phi nông nghiệp	21,87	0,71	-21,16	3,26

STT	Chỉ tiêu	Chỉ tiêu QH đến năm	Kết quả thực hiện đến 2015		
			Diện tích	Tăng (+);	Tỷ lệ thực
2.5	Đất cho hoạt động khoáng sản	106,00	0,00	-106,00	-
2.6	Đất phát triển hạ tầng	433,38	230,26	-203,12	53,13
-	<i>Trong đó:</i>				
-	<i>Đất cơ sở văn hóa+đất khu vui chơi giải trí + đất sinh hoạt cộng đồng</i>	52,06	4,52	-47,54	8,68
-	<i>Đất cơ sở y tế</i>	5,15	2,41	-2,74	46,80
-	<i>Đất cơ sở giáo dục - đào tạo</i>	29,75	21,83	-7,92	73,39
-	<i>Đất cơ sở thể dục - thể thao</i>	13,78	3,55	-10,23	25,78
2.7	Đất danh lam thắng cảnh	5,13	4,80	-0,33	93,57
2.8	Đất bãi thải, xử lý chất thải	14,29	3,27	-11,02	22,88
2.9	Đất ở tại đô thị	35,06	15,99	-19,07	45,61
2.10	Đất xây dựng trụ sở cơ quan+ công trình sự nghiệp	11,77	10,40	-1,37	88,36
2.11	Đất cơ sở tôn giáo	2,50	3,99	1,49	159,60
2.12	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	16,77	14,32	-2,45	85,39
2.13	Đất mặt nước chuyên dùng	21,00	0,56	-20,44	2,67
2.14	Đất sản xuất VLXD, làm đồ gốm	19,00	0,00	-19,00	-
2.15	Đất phi nông nghiệp khác còn lại	819,25	609,75	-209,50	74,43
<b>3</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>	<b>2.235,49</b>	<b>6.310,56</b>	<b>4.075,07</b>	<b>35,42</b>
<b>4</b>	<b>Đất đô thị*</b>	<b>1.625,17</b>	<b>1.677,46</b>	<b>52,29</b>	<b>103,22</b>
<b>5</b>	<b>Đất khu bảo tồn thiên nhiên *</b>	<b>2.693,74</b>	<b>1.881,65</b>	<b>-812,09</b>	<b>69,85</b>
<b>6</b>	<b>Đất khu du lịch</b>	<b>277,12</b>		<b>-277,12</b>	<b>-</b>
<b>7</b>	<b>Đất khu dân cư nông thôn *</b>	<b>2.958,82</b>	<b>1.625,95</b>	<b>-1.332,87</b>	<b>54,95</b>
	<i>Trong đó: đất ở nông thôn</i>	205,78	127,57	-78,21	61,99

(Nguồn: Quyết định số 2904/QĐ-UBND ngày 14/11/2013 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

#### 4.1.2. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch kỳ đầu (2011 – 2015)

##### a. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất kỳ đầu.

- Đất nông nghiệp: Kết quả thực hiện đến năm 2015 có 25.954,29 ha, đạt 96,63% so với kế hoạch duyệt (thấp hơn 905,24 ha); trong đó:

+ Đất trồng lúa: thực hiện đến năm 2015 có 175,33 ha, đạt tỷ lệ 94,28% (thấp hơn 10,63 ha). Nguyên nhân do chưa triển khai xây dựng hồ Sơn Trung nên chưa mở rộng diện tích đất trồng lúa theo kế hoạch.

+ Đất trồng cây lâu năm: thực hiện đến năm 2015 có 3.113,12 ha, đạt tỷ lệ 116,98 % (vượt 1.046,99 ha); vượt do các hộ gia đình ở các xã Ba Cụm Bắc, TT Tô Hạp, xã Thành Sơn... trồng chuối trên diện tích đất đồi chưa sử dụng có độ dốc trên 25<sup>0</sup>; ngoài ra một số hộ ở xã Sơn Hiệp, Ba Cụm Nam, Sơn Lâm, Sơn Bình... đã chuyển diện tích cây hàng năm sang trồng cây lâu năm vượt chỉ tiêu của kế hoạch sử dụng đất được duyệt.

+ Đất rừng phòng hộ: thực hiện đến năm 2015 có 11.863,07 ha, đạt tỷ lệ 107,14 % (vượt 790,18 ha); vượt do cập nhật diện tích rừng phòng hộ theo kết quả kiểm kê rừng và thay đổi tiêu chí quy hoạch 3 loại rừng.

+ Đất rừng đặc dụng: thực hiện đến năm 2015 có 1.881,65 ha, đạt 79,87% (thấp hơn 474,23 ha); thấp hơn do thay đổi diện tích rừng đặc dụng theo kết quả kiểm kê rừng.

+ Đất rừng sản xuất: thực hiện đến năm 2015 có 7.593,89 ha, đạt tỷ lệ 88,34% (thấp hơn 1.002,09 ha); thấp hơn do chưa triển khai công tác trồng,

khoanh nuôi tái sinh rừng sản xuất trên đất chưa sử dụng theo kế hoạch đề ra.

+ Đất nuôi trồng thủy sản: thực hiện đến năm 2015 có 16,51 ha, đạt tỷ lệ 113,01% (vượt 1,9 ha); vượt do chưa mở rộng đất ở nông thôn, ở đô thị từ đất nuôi trồng thủy sản.

+ Đất nông nghiệp còn lại: thực hiện đến năm 2015 có 1.310,3 ha, đạt 66,44% (thấp hơn chỉ tiêu được duyệt 661,54 ha).

- Đất phi nông nghiệp: Kết quả thực hiện đến năm 2015 có 1.588,69 ha, đạt tỷ lệ 82,74% (thấp hơn chỉ tiêu được duyệt 331,42 ha), trong đó:

+ Đất quốc phòng: thực hiện đến năm 2015 có 689,12 ha, đạt tỷ lệ 98,74 % (thấp hơn chỉ tiêu được duyệt 8,79 ha); thấp hơn do thực hiện mở rộng trụ sở của huyện đội Khánh Sơn.

+ Đất an ninh: thực hiện đến năm 2015 có 1,55 ha, đạt tỷ lệ 59,62% (thấp hơn chỉ tiêu được duyệt 1,05 ha). Đã thực hiện hạng mục mở rộng trụ sở công an huyện; chưa thực hiện xây dựng trụ sở của đội cảnh sát phòng cháy chữa cháy.

+ Đất cụm công nghiệp: chưa triển khai thực hiện (đạt 0%); nguyên nhân chưa triển khai xây dựng cụm công nghiệp Sơn Bình.

+ Đất thương mại dịch vụ- cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: thực hiện đến năm 2015 có 0,71 ha, đạt tỷ lệ 5,98% (thấp hơn 11,22 ha); thấp hơn do chưa triển khai thực hiện hạ tầng khu du lịch thác Tà Gụ tại xã Sơn Hiệp.

+ Đất khai thác khoáng sản: chưa triển khai thực hiện (đạt 0%); nguyên nhân chưa triển khai dự án khai thác đá xây dựng tại thị trấn Tô Hạp và xã Ba Cùm Bắc.

+ Đất phát triển hạ tầng: thực hiện đến năm 2015 có 230,26 ha, đạt 72,63% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt (thấp hơn 86,78 ha); thấp hơn do chưa triển khai xây dựng hồ Sơn Trung, hồ Tà Lương, mở rộng tiểu học Tô Hạp, mở rộng tiểu học Ba Cùm Nam, xây dựng trường cấp II+III Ba Cùm Nam, trường xây dựng trường Mầm non Phong Lan, xây dựng trường trung học cơ sở Sơn Hiệp, xây dựng chợ Thành Sơn, chợ Sơn Hiệp, chợ Ba Cùm Nam, mở rộng đường Ba Cùm Bắc – Ba Cùm Nam, đường Sơn Trung – Sơn Bình...xây dựng mới đường Đinh Tiên Hoàng, đường Nguyễn Du...

+ Đất di tích danh thắng: thực hiện đến năm 2015 có 4,80 ha, đạt 93,57% (thấp hơn 0,33 ha); nguyên nhân chưa thực hiện xây dựng khu căn cứ cách mạng tại thị trấn Tô Hạp, xây dựng khu di tích khảo cổ đàn đá Khánh Sơn (thôn Tà Lương).

+ Đất bãi thải, xử lý chất thải: thực hiện đến năm 2015 có 3,27 ha, đạt 26,22% (thấp hơn 9,20 ha); nguyên nhân chưa xây dựng bãi thải tập kết xử lý rác thải của huyện tại xã Sơn Trung, bãi rác xã Ba Cùm Nam, bãi rác xã Thành Sơn.

+ Đất ở đô thị: thực hiện đến năm 2015 có 15,99 ha, đạt 78,08% (thấp hơn chỉ tiêu được duyệt 4,49 ha); thấp hơn do chưa mở rộng diện tích đất ở tại thị trấn Tô Hạp theo kế hoạch được duyệt.

+ Đất xây dựng trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp: thực hiện đến năm 2015 có 10,40 ha, đạt 103,69%. Diện tích đạt chủ yếu do xác định lại diện tích đất trụ sở cơ quan theo kết quả kiểm kê đất đai 2014, trên thực tế trong kỳ đã đưa

hạng mục xây dựng trụ sở xã Thành Sơn và mở rộng trụ sở UB xã Ba Cùm Bắc nhưng vẫn chưa triển khai thực hiện.

+ Đất cơ sở tôn giáo: thực hiện đến năm 2015 có 3,99 ha, vượt 2,49 ha; vượt do do kế hoạch được duyệt bố trí xây dựng cơ sở tôn giáo tại thị trấn Tô Hạp với diện tích 1,50 ha, thực tế triển khai xây dựng chùa Long Sơn đã thay đổi thiết kế, mở rộng lên 3,99 ha.

+ Đất nghĩa trang, nghĩa địa: thực hiện đến năm 2015 có 14,32 ha (vượt 5,52 ha); vượt do bố trí quỹ đất nghĩa địa tại xã Sơn Lâm, Sơn Hiệp, Ba Cùm Nam lớn hơn so với diện tích kế hoạch được duyệt.

+ Đất vật liệu xây dựng: chưa thực hiện (đạt 0%); chưa triển khai thực hiện đất san lấp công trình tại xã Sơn Trung.

+ Đất phi nông nghiệp còn lại: thực hiện đến năm 2015 có 609,75 ha, đạt 78,91% (thấp hơn chỉ tiêu được duyệt 162,97 ha).

- Đất chưa sử dụng: Kế hoạch được duyệt, đến năm 2015 đất chưa sử dụng còn lại 5.023,15 ha, kết quả thực hiện đến năm 2015 còn 6.301,56 ha (nhiều hơn 1.287,81 ha); nguyên nhân do chưa khai thác đất chưa sử dụng vào sử dụng mục đích đất nông nghiệp và phi nông nghiệp theo kế hoạch được duyệt.

- Đất đô thị: Kế hoạch được duyệt, đến năm 2015 có 1265,17 ha, thực hiện đến năm 2015 có 1677,46 ha (vượt 412,29 ha) vượt do cập nhật diện tích tự nhiên của thị trấn Tô Hạp theo kết quả kiểm kê đất đai năm 2014.

- Đất khu bảo tồn thiên nhiên: Kế hoạch được duyệt, đến năm 2015 có 2.355,88 ha; kết quả thực hiện đến năm 2015 có 1.881,65 ha (thấp hơn 474,43 ha) thấp hơn do cập nhật diện tích đất rừng đặc dụng tại 3 xã Sơn Trung, Sơn Hiệp, Sơn Bình theo kết quả thông kê đất đai năm 2015.

- Đất khu dân cư nông thôn: Kế hoạch được duyệt, đến năm 2015 có 2.888,36 ha; thực hiện đến năm 2015 có 1.625,95 ha (thấp hơn 1.262,91 ha) thấp hơn do khoan định lại diện tích khu dân cư nông thôn theo kết quả kiểm kê đất đai năm 2014.

**Bảng 04:** Đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011 – 2015) của huyện Khánh Sơn, tỉnh Khánh Hòa

STT	Chỉ tiêu	Mã	Chỉ tiêu kế hoạch đến năm 2015 được UBND tỉnh phê duyệt (ha)	Kết quả thực hiện 2015		
				Diện tích (ha)	Tăng (+); giảm (-)	Tỷ lệ thực hiện (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (5) - (4)	(7) = 5/4 * 100
	<b>TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN</b>		<b>33.802,02</b>	<b>33.852,76</b>	<b>50,74</b>	<b>100,15</b>
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>26.858,76</b>	<b>25.954,29</b>	<b>-905,24</b>	<b>96,63</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUA	185,96	175,33	-10,63	94,28
1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	2.661,17	3.113,12	1.046,99	116,98
1.3	Đất rừng phòng hộ	RPH	11.072,89	11.863,07	263,74	107,14
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD	2.355,88	1.881,65	474,23	79,87
1.5	Đất rừng sản xuất	RSX	8.595,98	7.593,89	1.002,09	88,34
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	14,61	16,51	1,90	113,01
1.7	Đất nông nghiệp khác còn lại		1.972,27	1.310,30	-661,54	66,44
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>1.920,11</b>	<b>1.588,69</b>	<b>-331,42</b>	<b>82,74</b>

STT	Chỉ tiêu	Mã	Chỉ tiêu kế hoạch đến	Kết quả thực hiện 2015		
				Diện tích	Tăng	Tỷ lệ thực
2.1	Đất quốc phòng	CQP	697,91	689,12	-8,79	98,74
2.2	Đất an ninh	CAN	2,60	0,78	-1,05	30,00
2.3	Đất cụm công nghiệp	SKN	20,00		-20,00	-
2.4	Đất thương mại, dịch vụ+cơ sở sản xuất KD phi nông nghiệp	TMD	11,93	0,71	-11,22	5,98
2.5	Đất cho hoạt động khoáng sản	SKS	26,00		-26,00	-
2.6	Đất phát triển hạ tầng	DHT	317,04	230,26	-86,78	72,63
-	<i>Trong đó:</i>					
-	<i>Đất cơ sở văn hóa+đất khu vui chơi giải trí + đất sinh hoạt cộng đồng</i>	<i>DVH</i>	<i>10,37</i>	<i>5,52</i>	<i>-0,79</i>	<i>53,23</i>
-	<i>Đất cơ sở thể dục - thể thao</i>	<i>DTT</i>	<i>10,53</i>	<i>3,55</i>	<i>-6,98</i>	<i>33,74</i>
2.7	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	5,13	4,80	-0,33	93,57
2.8	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	12,47	3,27	-9,20	26,22
2.9	Đất ở tại đô thị	ODT	20,48	15,99	-4,49	78,08
2.10	Đất xây dựng trụ sở cơ quan+công trình sự nghiệp	TSC	10,03	10,40	0,11	103,69
2.11	Đất cơ sở tôn giáo	TON	1,50	3,99	2,49	266,00
2.12	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	8,80	14,32	5,52	162,73
2.13	Đất sản xuất VLXD, làm đồ gốm	SKX	15,00		-15,00	-
2.14	Đất phi nông nghiệp khác còn lại		772,72	609,75	-162,97	78,91
<b>3</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>	<b>CSD</b>	<b>5.023,15</b>	<b>6.310,56</b>	<b>1.287,41</b>	<b>125,63</b>
<b>4</b>	<b>Đất đô thị*</b>	<b>KDT</b>	<b>1.265,17</b>	<b>1.677,46</b>	<b>412,29</b>	<b>132,59</b>
<b>5</b>	<b>Đất khu bảo tồn thiên nhiên *</b>		<b>2.355,88</b>	<b>1.881,65</b>	<b>-474,23</b>	<b>79,87</b>
<b>7</b>	<b>Đất khu dân cư nông thôn *</b>		<b>2.888,36</b>	<b>1.625,95</b>	<b>-1.262,41</b>	<b>56,29</b>

(Nguồn: - Quyết định số 2904/QĐ-UBND ngày 14/11/2013 của UBND tỉnh Khánh Hòa.  
- Thông kê đất đai năm 2015 huyện Khánh Sơn

*b. Kết quả thực hiện kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015)*

- Chuyển mục đích đất nông nghiệp sang sử dụng mục đích phi nông nghiệp: Kế hoạch được duyệt, đất nông nghiệp chuyển sang sử dụng mục đích phi nông nghiệp là 921,07 ha, thực hiện đến hết năm 2015 thực hiện được 703,97 ha, đạt 76,43% so với kế hoạch được duyệt (thấp hơn 217,10 ha), trong đó:

+ Đất trồng lúa chuyển sang sử dụng mục đích phi nông nghiệp: Kế hoạch được duyệt 9,01 ha, thực hiện được 0,68 ha, đạt tỷ lệ 7,55% (thấp hơn 8,33 ha); nguyên nhân do chưa thực hiện các hạng mục công trình có nhu cầu sử dụng đất trồng lúa: mở rộng đất ở nông thôn tại các xã, mở rộng đất ở tại thị trấn Tô Hạp, kè sông Tô Hạp, một số tuyến giao thông nông thôn...

+ Đất trồng cây lâu năm chuyển sang phi nông nghiệp: Kế hoạch được duyệt 139,88 ha; thực hiện được 1,83 ha, đạt 1,31% (thấp hơn 138,05 ha); nguyên nhân thực hiện các công trình dự án có nhu cầu sử dụng đất trồng cây lâu năm như: mở rộng đất ở tại các xã và thị trấn, xây dựng trụ sở xã Thành Sơn, cụm công nghiệp Sơn Bình, hạ tầng khu thương mại dịch vụ thác Tà Gụ, mở rộng mở mới đường giao thông tại thị trấn Tô Hạp và các xã, xây dựng hồ Tà Lương, hồ Sơn Trung, xây dựng nhà máy thủy điện Cô Róa xã Sơn Lâm (hủy dự án), khu liên hợp thể thao huyện.

+ Đất rừng sản xuất chuyển sang đất phi nông nghiệp: Kế hoạch được duyệt chuyển 494,23 ha; kết quả thực hiện được 426,64 ha, đạt 86,33% (thấp hơn 67,58 ha

so với kế hoạch đề ra); thấp hơn do chưa triển khai thực hiện các công trình có nhu cầu sử dụng đất rừng sản xuất như: khu khai thác đá (tại thị trấn Tô Hạp, xã Ba Cùm Bắc), đất san lập công trình tại xã Sơn Trung, mở rộng các tuyến đường giao thông (đường Sơn Trung – Sơn Bình, đường Ba Cùm Bắc – Ba Cùm Nam, đường đi khu sản xuất suối Lớn xã Ba Cùm Nam...), xây dựng hồ Sơn Trung, bãi xử lý rác thải của huyện, bãi rác Thành Sơn, Ba Cùm Nam...

+ Đất nuôi trồng thủy sản chuyển sang phi nông nghiệp: Kế hoạch được duyệt chuyển 0,90 ha; kết quả chưa thực hiện (đạt 0%); nguyên nhân chưa chuyển nuôi trồng thủy sản sang đất ở tại thị trấn Tô Hạp, tại các xã...

- Chuyển đổi nội bộ trong đất nông nghiệp: Kế hoạch được duyệt chuyển đổi 406,91 ha, kết quả thực hiện được 321,02 ha, đạt 78,89% (thấp hơn 85,89 ha), trong đó:

+ Đất trồng lúa chuyển sang nuôi trồng thủy sản: Kế hoạch chuyển 0,33 ha, kết quả chưa thực hiện (đạt 0%).

+ Đất trồng cây hàng năm khác: thực hiện được 0,40 ha (chuyển đất trồng cây hàng năm sang nuôi trồng thủy sản tại xã Sơn Lâm).

+ Đất rừng sản xuất chuyển sang nông nghiệp không phải là rừng: Kế hoạch được duyệt chuyển đổi 406,58 ha; kết quả đã chuyển 122,78 ha, đạt 30,2% (thấp hơn 283,8 ha); nguyên nhân do chưa triển khai thực hiện việc chuyển đổi rừng sản xuất nằm trong khu vực bóc tách đất lâm nghiệp ở các xã sang trồng cây lâu năm và chuyển đổi một số diện tích đất trồng keo có địa hình bằng ở các xã Ba Cùm Nam, Ba Cùm Bắc, Sơn Hiệp sang trồng cây lâu năm theo kế hoạch đã đề ra.

**Bảng 05: Kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất của kế hoạch sử dụng đất kỳ đầu (2011-2015) của huyện Khánh Sơn**

TT	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích CMD từ 2011 - 2015 được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện đến 31/12/2015		
				Kết quả đến 31/12/2015	Tăng (+); giảm (-)	Tỷ lệ thực hiện (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)=(5)/(4)*100
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp</b>	NNP/PNN	<b>921,07</b>	<b>703,97</b>	<b>-217,10</b>	<b>76,43</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	9,01	0,68	-8,33	7,55
1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	139,88	1,83	-138,05	1,31
1.3	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN	115,16	80,42	-34,74	69,83
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN	0,24	-	-0,24	-
1.5	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	494,23	426,65	-67,58	86,33
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	0,90	-	-0,90	-
<b>2</b>	<b>Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp</b>					
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	LUA/NTS	0,33	-	-0,33	-
2.2	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	HNK/NTS		0,40	0,40	-



2.3	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RSX/NKR <sup>(a)</sup>	406,58	122,78	-283,80	30,20
-----	--	------------------------	--------	--------	---------	-------

(Nguồn: - Quyết định số 2904/QĐ-UBND ngày 14/11/2013 của UBND tỉnh Khánh Hòa.  
- Thống kê đất đai năm 2015 huyện Khánh Sơn).

*c. Đánh giá kết quả thực hiện đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng 5 năm kỳ đầu (2011-2015)*

Kế hoạch sử dụng đất được duyệt khai thác 3.688,17 ha đất chưa sử dụng chuyển sang sử dụng mục đích nông nghiệp và phi nông nghiệp; kết quả đã khai thác được 1.051,95 ha, đạt 28,52% (thấp hơn 2.636,22 ha), trong đó:

- Khai thác sử dụng mục đích đất nông nghiệp: kết quả thực hiện được 1045,28 ha, đạt 28,99% (thấp hơn kế hoạch đề ra 2.560,56 ha).

+ Khai thác sử dụng mục đích đất trồng lúa: Kế hoạch khai thác 2,33 ha đất chưa sử dụng sang trồng lúa; kết quả thực hiện 0 ha (nguyên nhân chưa triển khai xây dựng hồ Sơn Trung nên chưa mở rộng được diện tích đất trồng lúa theo kế hoạch đã đề ra).

+ Khai thác sử dụng mục đích đất trồng cây lâu năm: Kế hoạch được duyệt khai thác 39,12 ha đất chưa sử dụng để sử dụng trồng cây lâu năm; kết quả thực hiện được 302,54 ha, thực hiện vượt 293,42 ha; nguyên nhân vượt là ngoài diện tích khai thác theo kế hoạch được duyệt, thì một số hộ dân ở các xã Thành Sơn, Ba Cùm Bắc, TT Tô Hạp, Sơn Hiệp... đã thực hiện trồng cây lâu năm (chủ yếu trồng chuối trên đất chưa sử dụng).

+ Khai thác sử dụng mục đích đất rừng phòng hộ: Kế hoạch được duyệt khoanh nuôi tái sinh và trồng rừng phòng hộ trên đất chưa sử dụng với diện tích 1.226,13 ha; kết quả chưa triển khai trồng và khoanh nuôi theo kế hoạch được duyệt.

+ Khai thác sử dụng mục đích đất rừng đặc dụng: Kế hoạch được duyệt khai thác 68,82 ha đất chưa sử dụng chuyển sang rừng đặc dụng; kết quả thực hiện 469,0 ha (vượt 400,18 ha); nguyên nhân chủ yếu do thay đổi tiêu chí thống kê theo kết quả kiểm kê đất đai 2014.

+ Khai thác sử dụng mục đích đất rừng sản xuất: Kế hoạch được duyệt khai thác 2.212,44 ha đất chưa sử dụng để sử dụng cho mục đích rừng sản xuất, kết quả thực hiện đã khai thác 269,7 ha, đạt 12,19% (thấp hơn 1.942,74 ha); nguyên nhân chưa triển khai trồng khoanh nuôi rừng sản xuất trên đất chưa sử dụng theo kế hoạch đề ra.

- Khai thác sử dụng mục đích phi nông nghiệp: Kế hoạch được duyệt sẽ khai thác 82,33 ha đất chưa sử dụng để sử dụng mục đích đất phi nông nghiệp; kết quả thực hiện được 6,67 ha, đạt 8,1% (thấp hơn 75,66 ha), trong đó:

+ Sử dụng mục đích đất phát triển hạ tầng: thực hiện được 0,68 ha, đạt 2,33%; đạt thấp do chưa triển khai các dự án có sử dụng đất chưa sử dụng như: mở mới đường Đinh Tiên Hoàng, mở rộng tỉnh lộ 9, đường Ba Cùm Bắc – Ba Cùm Nam, đường Sơn Bình đi cầu Gỗ, xây dựng hồ Tà Lương, hồ Sơn Trung, nhà máy thủy điện Cô Róa...

+ Khai thác sử dụng mục đích đất ở nông thôn, đất vật liệu xây dựng, đất mặt nước chuyên dùng chưa thực hiện.

**Bảng 06:** Đánh giá kết quả khai thác đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng cho các mục đích giai đoạn 2011 – 2015 của huyện Khánh Sơn

ST T	Mục đích sử dụng	Mã	Đất CSD đưa vào sử dụng theo Kế hoạch được duyet (ha)	Kết quả thực hiện		
				Diện tích thực hiện (ha)	Tăng (+); giảm (-) (ha)	Tỷ lệ thực hiện (%)
	<b>Tổng cộng</b>		<b>3.688,17</b>	<b>1.051,95</b>	<b>-2.636,22</b>	<b>28,52</b>
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>3.605,84</b>	<b>1.045,28</b>	<b>-2.560,56</b>	<b>28,99</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUA	2,33	-	-2,33	-
1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	9,12	302,54	293,42	3.317,32
1.3	Đất rừng phòng hộ	RPH	1.226,13	-	-1.226,13	-
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD	68,82	469,00	400,18	681,49
1.5	Đất rừng sản xuất	RSX	2.212,44	269,70	-1.942,74	12,19
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>82,33</b>	<b>6,67</b>	<b>-75,66</b>	<b>8,10</b>
2.1	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	29,23	0,68	-28,55	2,33
2.2	Đất ở tại nông thôn	ONT	0,38	-	-0,38	-
2.3	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	0,54	5,31	4,77	983,33
2.4	Đất sản xuất VLXD, làm đô gồm	SKX	3,50	-	-3,50	-
2.5	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	2,10	-	-2,10	-

(Nguồn: - Quyết định số 2904/QĐ-UBND ngày 14/11/2013 của UBND tỉnh Khánh Hòa.  
- Thống kê đất đai năm 2015 huyện Khánh Sơn)

#### **4.2.3. Kết quả thực hiện chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, thực hiện đến năm 2017**

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 thực hiện đến năm 2017 huyện Khánh Sơn như sau:

- Đất nông nghiệp: Thực hiện được 25.334,15ha/29.325,10 ha, đạt 86,39%; nhóm đất nông nghiệp có 7 chỉ tiêu chính, trong đó:

+ Chỉ tiêu thực hiện đạt từ 100% trở lên có 3 chỉ tiêu, chiếm 42,86%, gồm: đất trồng lúa (101,83%), đất rừng phòng hộ (100,6%), đất nuôi trồng thủy sản (116,54%).

+ Chỉ tiêu thực hiện đạt từ 70-99% có 2 chỉ tiêu, chiếm 28,57%, gồm: đất trồng cây lâu năm (97,57%), đất rừng sản xuất (76,98%).

+ Chỉ tiêu thực hiện đạt 50 - 69% có 1 chỉ tiêu, chiếm 14,29% (đất rừng đặc dụng 69,85%).

+ Chỉ tiêu thực hiện đạt dưới 50% có 1 chỉ tiêu, chiếm 14,29% (đất nông nghiệp khác còn lại).

- Đất phi nông nghiệp: Thực hiện được 1.601,13 ha/2241,43ha, đạt 71,43%; nhóm đất phi nông nghiệp có 15 chỉ tiêu chính, trong đó:

+ Chỉ tiêu thực hiện đạt từ 100% trở lên có 1 chỉ tiêu chiếm 6,67% (đất cơ sở tôn giáo thực hiện đạt 178,4%).

+ Chỉ tiêu thực hiện đạt từ 70-99% có 5 chỉ tiêu, chiếm 33,33%, gồm: đất quốc phòng (98,74%), đất danh lam thắng cảnh (93,57%), đất trụ sở cơ quan công trình sự nghiệp (89,21%), đất nghĩa trang nghĩa địa (85,33%).

+ Chỉ tiêu thực hiện đạt 20 - 50% có 2 chỉ tiêu, chiếm 13,33% , gồm: đất bãi thải xử lý chất thải (22,88%), đất ở tại đô thị (45,66%).

+ Chỉ tiêu thực hiện dưới 10%: có 4 chỉ tiêu, chiếm 26,67%, gồm: đất an ninh (15,6%), đất thương mại dịch vụ (5,12%), đất phát triển hạ tầng (12,62%), đất mặt nước chuyên dùng (2,67%).

+ Chỉ tiêu chưa thực hiện: 3 chỉ tiêu, chiếm 20%, gồm: đất cụm công nghiệp, đất hoạt động khoáng sản, đất vật liệu xây dựng.

- Đất chưa sử dụng: đến năm 2017 còn 1.590,18 ha, thấp hơn chỉ tiêu được duyệt 645,31 ha (đạt 71,13%).

- Đất đô thị: thực hiện đến năm 2017 có 1.625,27 ha, đạt 100%.

*(Chi tiết xem biểu 02a CH)*

## **4.2. Đánh giá những mặt được, những tồn tại và nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước**

### **4.2.1. Những mặt đạt được**

- Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất đến năm 2015 đạt khá cao (đất nông nghiệp đạt 96,63%, đất phi nông nghiệp đạt 82,74%). Kết quả thực hiện các chỉ tiêu đạt cao đã tạo tiền đề cho việc thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu sử dụng đất của kỳ quy hoạch đến năm 2020. Trong đó:

+ Đối với đất nông nghiệp: Tiềm năng đất dành cho sản xuất nông nghiệp được khai thác gần hết trong 5 năm kỳ đầu (trồng lúa, cây hàng năm, cây lâu năm). Đất nông nghiệp được sử dụng khá triệt để, hợp lý và hiệu quả (trồng chuối, chôm chôm, sầu riêng)... Việc đầu tư nâng cấp các công trình cơ sở hạ tầng: thủy lợi, đường giao thông, cung cấp điện... đã tạo điều kiện cho các ngành, nhân dân khai thác tốt hơn tiềm năng đất đai vào phát triển nông nghiệp.

+ Đối với đất phi nông nghiệp: Việc bố trí quỹ đất đáp ứng nhu cầu xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển công nghiệp, dịch vụ du lịch, chỉnh trang và xây dựng mới các khu dân cư đô thị, nông thôn. Đất phi nông nghiệp được sử dụng đúng yêu cầu, mục đích sử dụng, quản lý chặt chẽ việc chuyển đất sản xuất nông nghiệp sang các mục đích phi nông nghiệp, nhất là việc sử dụng đất chuyên trồng lúa nước từ khi có chủ trương tăng cường, quản lý sử dụng đất lúa, hạn chế sử dụng đất chuyên trồng lúa nước vào các mục đích phi nông nghiệp. Nguồn thu từ đất đai đã góp phần thực hiện đầu tư được nhiều khu dân cư, xây dựng hạ tầng đô thị và nông thôn.

- Trong 5 năm qua trên địa bàn huyện đã thực hiện nhiều công trình, dự án để khai thác tiềm năng đất đai vào sản xuất kinh doanh; phát triển du lịch, dịch vụ; mở rộng đất ở cho nhân dân và phát triển thị trường bất động sản...

- Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng 5 năm qua đã góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo của địa phương (theo báo cáo tỷ lệ hộ nghèo giai đoạn 2011- 2015 giảm từ 40,2% đầu năm 2011 xuống còn 14,97% cuối năm

2015, bình quân mỗi năm giảm 5%).

Bên cạnh những kết quả đạt được, nhiều chỉ tiêu sử dụng đất vẫn đạt kết quả thấp hoặc chưa triển khai thực hiện; nguyên nhân chính chủ yếu là thiếu nguồn vốn đầu tư cho phát triển, trong khi đó tích lũy kinh tế để tái đầu tư còn ở mức độ nhỏ, chưa đáp ứng nhu cầu, mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội của huyện đã đề ra. Vì vậy, việc khai thác tiềm năng đất đai cho các ngành, lĩnh vực còn hạn chế; diện tích đất chuyển mục đích sử dụng từ đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp chưa nhiều do nhiều công trình, dự án lớn chưa có vốn thực hiện.

#### ***4.2.2. Những tồn tại và nguyên nhân***

- Do thời gian thực hiện kế hoạch sử dụng đất kỳ đầu ít (có hơn 02 năm: tháng 10/2013 -> tháng 12/2015) nên đã ảnh hưởng đến việc thực hiện KHSD đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015).

- Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp mới đạt 76,43% là do tình hình kinh tế thế giới, khu vực và trong nước gặp nhiều khó khăn, nên thiếu vốn đầu tư để khai thác tiềm năng đất đai vào phát triển kinh tế-xã hội. Một số công trình lớn cấp quốc gia, cấp tỉnh chưa thực hiện trên địa bàn huyện như: xây dựng cụm công nghiệp Sơn Bình, hồ Sơn Trung, hồ Tà Lương, khu liên Hợp thể thao, các tuyến đường theo quy hoạch xây dựng thị trấn Tô Hạp...nên chưa tạo ra sự đột phá cho phát triển các ngành, lĩnh vực khác của huyện.

- Các ngành thường đưa ra nhu cầu sử dụng đất khá lớn cho kỳ quy hoạch nhằm đón đầu các dự án nhưng lại không xác định được nguồn vốn đầu tư nên tính khả thi chưa cao.

- Do đặc thù là huyện miền núi, kinh tế kém phát triển, giao thông đi lại gặp rất nhiều khó khăn nên việc thu hút đầu tư từ các doanh nghiệp là rất hạn chế.

#### ***4.2.3. Bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất sử dụng đất kỳ tới***

- Hạn chế cho thực hiện các công trình, dự án phát sinh ngoài quy hoạch, KHSD đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt do yêu cầu của nhà đầu tư.

- Cần phải thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thi công các công trình, dự án để chủ đầu tư thực hiện đúng theo QH, KHSD đất được duyệt.

- Tiếp tục thực hiện cải cách thủ tục hành chính, đặc biệt trong lĩnh vực đất đai để tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư và nhân dân khai thác tiềm năng đất đai, CMD sử dụng đất thuận lợi hơn nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

- Các cấp, các ngành cần huy động mọi nguồn lực, vốn đầu tư để thực hiện các công trình, dự án đã đăng ký nhu cầu sử dụng đất trong kỳ quy hoạch, KHSD đất để đạt được mục tiêu phát triển của từng ngành, lĩnh vực đề ra; góp phần thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội trong giai đoạn 2016 -2020.

## Phần II

# PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2020 HUYỆN KHÁNH SON, TỈNH KHÁNH HÒA

## I/ ĐIỀU CHỈNH ĐỊNH HƯỚNG SỬ DỤNG ĐẤT

### 1.1. Khát quát phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Khánh Sơn nhiệm kỳ 2015-2020 xác định: Phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc, gắn kết chặt chẽ giữa nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh với xây dựng Đảng và hệ thống chính trị. Huy động tối đa mọi nguồn lực, tranh thủ sự quan tâm hỗ trợ của cấp trên để đầu tư, khai thác có hiệu quả tiềm năng lợi thế của huyện, đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế. Tập trung giải quyết các vấn đề bức xúc của xã hội, nâng cao dân trí, chất lượng nguồn nhân lực, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân. Bảo đảm quốc phòng - an ninh, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội. Xây dựng Đảng bộ và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện.

### 1.2. Quan điểm sử dụng đất

**1.2.1. Khai thác triệt để và sử dụng tiết kiệm quỹ đất đai:** Khai thác tối đa diện tích đất chưa sử dụng có khả năng sử dụng để vào mục đích sản xuất nông nghiệp và phi nông nghiệp.

Thường xuyên rà soát lại và kiểm tra tình hình sử dụng đất của các tổ chức, cá nhân để phát hiện kịp thời và xử lý các trường hợp sử dụng đất không đúng mục đích, lãng phí quỹ đất. Quản lý và sử dụng đất phải theo quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất được duyệt.

**1.2.2. Đảm bảo đáp ứng đầy đủ diện tích đất sử dụng cho mục đích xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, phát triển khu dân cư với mức sống có chất lượng cao, kết hợp phát triển kinh tế-xã hội gắn với quốc phòng, an ninh trên cơ sở chuyển đổi mục đích và điều chỉnh những bất hợp lý trong sử dụng đất.**

- Trên cơ sở dự báo phát triển các ngành kinh tế - xã hội, tính toán nhu cầu sử dụng đất và bố trí đủ quỹ đất phục vụ mục đích xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, phát triển khu dân cư với mức sống có chất lượng cao, kết hợp phát triển kinh tế - xã hội gắn với quốc phòng, an ninh một cách đầy đủ, hợp lý và có hiệu quả cao.

- Chuyển đổi mục đích sử dụng đất và điều chỉnh những bất hợp lý trong sử dụng đất đai: Cần xác định rõ mục đích sử dụng đất sau chuyển đổi để từ đó đưa ra các phân tích, đánh giá hiệu quả về các mặt kinh tế, xã hội và môi trường trước và sau khi chuyển đổi mục đích sử dụng. Nguyên tắc chuyển đổi là mục đích sử dụng đất mới phải có hiệu quả cao hơn mục đích sử dụng đất cũ. Đối với

những trường hợp bắt buộc phải chuyển đổi mục đích sử dụng đất (*phục vụ an ninh, quốc phòng, lợi ích quốc gia...*) cần phải có những chính sách đền bù, giải toả thoả đáng và hợp lý. Quá trình chuyển đổi mục đích sử dụng đất phải tuân theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được duyệt.

Đối với những vùng đất trong quá trình sử dụng xuất hiện những bất hợp lý, không phù hợp với xu thế phát triển kinh tế - xã hội trong thời kỳ mới hoặc bị ảnh hưởng của thiên tai thì cần phải thực hiện điều chỉnh quy hoạch để làm cơ sở chuyển đổi mục đích sử dụng hợp lý và hiệu quả hơn.

### ***1.2.3. Sử dụng hợp lý và bền vững quỹ đất sản xuất nông nghiệp trên cơ sở bảo vệ đất sản xuất nông nghiệp có năng suất cao, đặc biệt đất chuyên trồng lúa nước để đảm bảo an ninh lương thực lâu dài***

- Đất sản xuất nông nghiệp: phải sử dụng cho phù hợp với khả năng thích nghi của từng loại cây trồng: cây hàng năm, cây lâu năm; cây có tuổi, cây chịu hạn... với từng loại đất và đặc điểm khí hậu của từng tiểu vùng. Vì vậy, trong quá trình sử dụng phải chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi cho phù hợp với thực tiễn sản xuất và đầu tư hệ thống cơ sở hạ tầng (giao thông, thủy lợi,...) để việc sử dụng đất nông nghiệp ngày càng hợp lý và bền vững, mang lại hiệu quả cao.

- Quá trình đẩy mạnh đô thị hoá; công nghiệp hoá cần phải phân tích, xem xét kỹ các tác động của việc chuyển mục đích sử dụng đất sản xuất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp và vấn đề đào tạo, chuyển đổi nghề cho nông dân để tránh những hậu quả tiêu cực. Vì vậy, cần phải duy trì và bảo vệ đất sản xuất nông nghiệp; nhất là các vùng đất tốt đang trồng lúa nước, cây hàng năm khác... Hạn chế mức thấp nhất việc sử dụng đất sản xuất nông nghiệp vào các mục đích phi nông nghiệp, đặc biệt đối với đất chuyên trồng lúa nước để đảm bảo an ninh lương thực.

### ***1.2.4. Đảm bảo bảo vệ môi trường và cải tạo môi trường đất để sử dụng ổn định lâu dài***

Đẩy mạnh công tác khoanh nuôi rừng, trồng rừng trên đất chưa sử dụng; triển khai các mô hình rừng bằng các loại cây như: măng le, lồ ô, trồng rừng nguyên liệu... vừa đảm bảo độ che phủ rừng và đảm bảo người dân có thu nhập từ trồng rừng; tăng tỷ lệ cây xanh đô thị tại thị trấn Tô Hạp.

## **1.3. Định hướng sử dụng đất theo khu chức năng**

### ***1.3.1. Khu vực chuyên trồng lúa nước***

Khánh Sơn không có khu vực chuyên trồng lúa nước tập trung, diện tích trồng lúa nước của huyện chủ yếu phân tán ven suối và dưới các đập thủy lợi nhỏ, nằm xen trong khu dân cư hoặc sen các khu vực trồng cây hàng năm, cây lâu năm.

### ***1.3.2. Khu vực chuyên trồng cây lâu năm***

Sử dụng diện tích đất có độ dốc từ 8-25<sup>0</sup> và có tầng dày từ 50cm trở lên, nằm ngoài quy hoạch 3 loại rừng, đảm bảo về giao thông phân bố ở 8 xã, thị trấn để bố trí trồng cây lâu năm với các loại cây trồng chủ lực là: sầu riêng, chuối, bưởi da xanh, măng cụt, chôm chôm, cà phê và các loại cây ăn trái khác.

### ***1.3.3. Khu vực rừng phòng hộ***

Bố trí diện tích rừng phòng hộ theo quy hoạch phát triển rừng của tỉnh Khánh Hòa đến năm 2020 đã được UBND tỉnh phê duyệt để bảo vệ khu vực đầu nguồn, phòng hộ cảnh quan và phòng hộ môi trường. Khu vực rừng phòng hộ đến năm 2020 được bố trí tại các xã: Thành Sơn, Sơn Lâm, Sơn Bình, Ba Cùm Nam, Sơn Trung, Sơn Hiệp, Ba Cùm Bắc và TT Tô Hạp.

### ***1.3.4. Khu vực rừng đặc dụng***

Khu vực rừng đặc dụng trên địa bàn huyện chủ yếu nằm trong phạm vi ranh giới của khu bảo tồn thiên nhiên Hòn Bà tại 3 xã Sơn Trung, Sơn Hiệp và Sơn Bình.

### ***1.3.5. Khu vực rừng sản xuất***

Khu vực rừng sản xuất là diện tích đất rừng sản xuất nằm trong quy hoạch phát triển rừng của tỉnh đến năm 2020 được bố trí ở 8 xã, thị trấn, gồm diện tích rừng tự nhiên sản xuất và rừng trồng sản xuất (trồng cây nguyên liệu).

### ***1.3.6. Khu vực cụm công nghiệp***

Bố trí tại xã Sơn Bình (thôn Xóm Cỏ); khu vực cụm công nghiệp của huyện được bố trí để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực chế biến nông lâm sản, khai thác vật liệu xây dựng...sử dụng nguồn nguyên liệu sẵn có của huyện.

### ***1.3.7. Khu đô thị, thương mại, dịch vụ***

Tập trung tại thị trấn Tô Hạp; đây là khu vực tập trung đất ở đô thị, đất xây dựng trụ sở cơ quan công trình sự nghiệp, đất cơ sở sản xuất kinh doanh, thương mại dịch vụ tại thị trấn Tô Hạp. Khu đô thị thương mại dịch vụ đang được đầu tư nâng cấp để đạt chuẩn đô thị loại IV.

### ***1.3.8. Khu du lịch***

Bố trí tại khu vực thôn Tà Gụ xã Sơn Hiệp (gồm diện tích của thác Tà Gụ và hạ tầng khu du lịch thác Tà Gụ); đây là khu vực có cảnh quan thiên nhiên đẹp (thác nước, rừng nguyên sinh...) có khả năng khai thác phát triển du lịch.

### ***1.3.9. Khu ở, làng nghề, SXPNN nông thôn***

Khu ở, làng nghề, sản xuất phi nông nghiệp nông thôn được bố trí ở 7 xã; trong khu ở làng nghề bao gồm đất ở, đất nông nghiệp xen kẽ trong khu dân cư và đất bố trí xây dựng các công trình hạ tầng kinh tế, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội phục vụ cho sản xuất và đời sống của dân cư 7 xã của huyện.

## II/ PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2020

### 2.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội

#### a. Chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế

##### \* Về kinh tế:

- Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất giai đoạn 2016-2020 đạt 11,13%/năm; trong đó: nông nghiệp tăng bình quân hàng năm đạt 10,21%/năm, công nghiệp – xây dựng tăng 12,1%/năm, thương mại – dịch vụ tăng 13,01%/năm.

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế (VA): đến năm 2020 giảm tỷ trọng ngành Nông nghiệp xuống còn 59,10%, nâng tỷ trọng ngành Công nghiệp - xây dựng lên 19,61%, ngành Thương mại – dịch vụ lên 21,29%.

- Thu nhập bình quân đầu người đến năm 2020 đạt 19,0 triệu đồng (*tăng gấp 2,3 lần so với năm 2015*).

- Thu ngân sách hàng năm tăng tăng bình quân 15-17%/năm; đến năm 2020 thu ngân sách trên địa bàn đạt khoảng 22.988 triệu đồng.

- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2016-2020 vào khoảng 1.160 tỷ đồng.

- Đến năm 2020 có 01 xã đạt tiêu chí nông thôn mới (đạt 19/19 tiêu chí), các xã còn lại đạt từ 12 tiêu chí trở lên.

##### \* Về văn hóa-xã hội

- Giảm tỷ suất sinh hàng năm là 0,35‰, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên xuống 1,20% vào năm 2020; đến năm 2020 dân số trung bình của huyện có 26.786 người.

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân hàng năm từ 6,5%/năm; đến năm 2020 tỷ lệ hộ nghèo giảm xuống còn dưới 24%.

##### - Lĩnh vực Giáo dục - Đào tạo:

+ Đến năm 2020 huy động ít nhất 50% và 90% trẻ trong độ tuổi nhà trẻ, mẫu giáo đến trường; 100% trẻ 5 tuổi, 90% học sinh tiểu học được học 2 buổi/ngày; 40% học sinh THCS được học 6 buổi/tuần; 100% các trường tiểu học tổ chức bán trú cho học sinh người dân tộc thiểu số.

+ Đến năm 2020 tỷ lệ học sinh tiểu học trong độ tuổi đến trường 99%, bậc trung học cơ sở đạt 99%;

+ Đến năm 2020 có thêm 3 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ I (nâng tổng số trường đạt chuẩn quốc gia về cơ sở vật chất lên 7 trường).

+ Tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2020 đạt 40% (lao động qua đào tạo nghề đạt 26%);

##### - Lĩnh vực Y tế:

+ Đến năm 2020 có 35 giường bệnh/10.000 dân (*bao gồm cả giường của trạm y tế xã thị trấn*); 1 bác sỹ/1000 dân.

+ Đến năm 2020 có 08/08 xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế, duy trì 8/8 xã đạt



chuẩn quốc gia về y tế sau năm 2020.

+ Thực hiện chương trình tiêm chủng mở rộng cho trẻ em dưới 1 tuổi đến năm 2020 đạt từ 95 – 98%, tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng ở mức dưới 25%; đến năm 2025 tiêm chủng mở rộng cho trẻ dưới 1 tuổi đạt 100%, tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng ở mức dưới 20%.

+ Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đến năm 2020 đạt 100%;

+ Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 95% trở lên vào năm 2020;

- Văn hoá: Đến năm 2020 hàng năm có 80% gia đình được công nhận và giữ vững danh hiệu “Gia đình văn hoá”; 80% thôn, tổ dân phố được công nhận giữ vững danh hiệu “Thôn văn hoá”, “Tổ dân phố văn hoá”; 90% cơ quan đơn vị trở lên đạt chuẩn văn hoá; 50% xã đạt chuẩn văn hoá nông thôn mới; thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị;

- Thể thao: tỷ lệ người tham gia tập luyện TDTT thường xuyên đến năm 2020 đạt trên 28%; đến năm 2020 có 38 câu lạc bộ thể thao.

*\* Về môi trường*

- Độ che phủ rừng đến năm 2020 đạt 65%;

- Thu gom và xử lý trên 90% chất thải rắn sinh hoạt và công nghiệp, trên 80% chất thải nguy hại và 100% chất thải y tế được xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi thải ra môi trường.

- Trên 50% nghĩa trang trên địa bàn Huyện được xây dựng đạt chuẩn nông thôn mới.

- 100% cơ sở sản xuất đảm bảo vệ sinh môi trường, 100% cơ sở sản xuất xây dựng mới có công nghệ sạch.

*\* Về Quốc phòng -An ninh*

Quốc phòng an ninh được giữ vững; gắn quốc phòng an ninh với phát triển kinh tế - xã hội; xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh từ cơ sở.

## **2.1.2. Chỉ tiêu quy hoạch phát triển các ngành kinh tế**

### **a. Khu vực kinh tế nông nghiệp:**

Khai thác hợp lý các lợi thế về khí hậu, đất đai, các nguồn lực để tiếp tục phát triển khu vực kinh tế nông nghiệp với tốc độ cao và ổn định, có những bước chuyển biến tích cực về cơ cấu trong nội bộ các ngành. Đẩy mạnh ứng dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công nghệ mới nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm trong nông nghiệp.

Đẩy mạnh việc chuyển dịch cơ cấu trong nội bộ nhóm ngành, xây dựng cơ cấu hợp lý giữa sản xuất nông nghiệp - lâm nghiệp, trồng trọt - chăn nuôi - dịch vụ nông nghiệp, gắn phát triển nông nghiệp với công nghiệp chế biến và phát triển ngành nghề nông thôn, xây dựng các mô hình canh tác tối ưu để gia tăng giá trị sản lượng và lợi nhuận trên một đơn vị diện tích.

Phát triển nông nghiệp đi đôi với xây dựng nông thôn mới trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Đào tạo và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực ở nông thôn, tạo ra sự phân công lao động mới, giải quyết

việc làm và thu hẹp mức sống giữa nông thôn và thành thị.

Tốc độ tăng trưởng ngành nông - lâm nghiệp - thủy sản giai đoạn 2016-2020 đạt 10,21%. Đến năm 2020 tỷ trọng ngành nông lâm nghiệp (tính theo VA) chiếm 59,10% tổng giá trị tăng thêm của toàn ngành kinh tế.

- Về trồng trọt: Đến năm 2020, xác định các cây trồng chủ lực bao gồm: cây ăn quả (*sầu riêng, măng cụt, chôm chôm, bưởi da xanh, chuối...*) cây công nghiệp lâu năm (*cà phê, tiêu*) cây công nghiệp ngắn ngày (cây mía tím); ngoài ra duy trì diện tích lúa ở những khu vực chủ động về nguồn tưới tiêu, nhưng khu vực trồng lúa khó khăn về nguồn nước tưới cần chuyển đổi sang các loại cây trồng khác có giá trị kinh tế cao, giảm dần diện tích trồng ngô, sẵn để chuyển sang trồng cây ăn quả...phát triển một số loại cây trồng mới cây bơ buoot, tiếp tục nghiên cứu mô hình trồng thử nghiệm cây macca... đẩy mạnh vào thâm canh, xây dựng các quy trình sản xuất tiên tiến để sản xuất ra những sản phẩm có chất lượng đáp ứng nhu cầu của thị trường và nâng hiệu quả kinh tế. Diện tích gieo trồng các loại cây trồng chủ yếu như sau: lúa 480 ha (sản lượng 1.840 tấn), ngô 900 ha (sản lượng 3.780 tấn), sắn 200 ha (sản lượng 2.600 tấn), mía 700 ha (sản lượng 52.500 tấn), cà phê 550 ha (sản lượng 1.375 tấn), tiêu 50 ha (sản lượng 60 tấn), sầu riêng 470 ha (sản lượng 3.290 tấn), mít nghệ 394 ha, chuối 800 ha (sản lượng 16.000 tấn), măng cụt 325 ha (sản lượng 900 tấn), chôm chôm 150 ha (sản lượng 1.500 tấn), bobooth 50 ha

- Chăn nuôi: Từng bước chuyển đổi phương thức sản xuất nhỏ lẻ sang sản xuất theo mô hình trang trại nhỏ, gia trại tập trung, đáp ứng nhu cầu thực phẩm đảm bảo chất lượng cho tiêu dùng trong và ngoài huyện, đồng thời tạo sản phẩm cung cấp cho phát triển du lịch. Đảm bảo an toàn dịch bệnh và vệ sinh an toàn thực phẩm, không chế có hiệu quả các bệnh nguy hiểm trong chăn nuôi; khuyến khích phát triển chăn nuôi tại các xã và hạn chế phát triển chăn nuôi tại thị trấn Tô Hạp. Phần đầu mức tăng trưởng GTSX bình quân hàng năm giai đoạn 2016 – 2020 bình quân đạt 10,96%/năm. Đến năm 2020 tổng đàn gia súc có 13.750 con (trâu 250 con, bò 6.500 con, heo 7.500 con), sản lượng đạt 667,8 tấn; tổng đàn gia cầm có 59.300 con, sản lượng đạt 68 tấn.

- Thủy sản: Tập trung khai thác diện tích mặt nước, ao hồ và diện tích mặt nước các hồ thủy lợi để phát triển nuôi cá, tập trung vào các giống như: rô phi, diêu hồng, cá truyen thống; hỗ trợ xây dựng thí điểm một số mô hình nuôi lươn, nuôi cá lóc, cá trê, nuôi ếch trong bể xi măng, nuôi cá chép giòn...Diện tích nuôi thủy sản phát triển đơn lẻ, phân tán trong các hộ gia đình; quy mô diện tích nuôi đến năm 2020 ở mức 20 ha, sản lượng đạt 58 tấn.

- Lâm nghiệp: Bảo vệ và phát triển tài nguyên rừng để nâng cao năng lực cung cấp của rừng, nâng độ che phủ rừng. Hình thành diện tích rừng sản xuất kinh doanh rõ nét chủ yếu là rừng trồng. Chú trọng phát triển sản xuất lâm nghiệp từ gỗ, ngoài gỗ, từ sản xuất nông lâm kết hợp và đặc sản rừng cũng như phát triển kinh doanh du lịch sinh thái thông qua giá trị cảnh quan của rừng. Hoàn thành nhiệm vụ phủ xanh đất trống đồi trọc, đảm bảo độ che phủ của rừng đạt từ 65% vào năm 2020, phần đầu nâng cao chất lượng quản lý, nâng cao năng suất, chất lượng rừng tự nhiên, rừng trồng; đẩy mạnh công tác giao rừng cho hộ gia đình

quản lý bảo vệ đồng thời có chính sách, cơ chế hỗ trợ phù hợp để người dân khoanh nuôi tái sinh và trồng rừng (*trong đó xây dựng hỗ trợ một số mô hình khoanh nuôi tái sinh rừng lồ ô, trồng rừng lồ ô đây là mô hình vừa bảo vệ rừng, tăng độ che phủ rừng, giúp người dân có thu nhập ổn định từ rừng từ việc thu măng và bán cây lồ ô*

#### *b. Khu vực công nghiệp – xây dựng*

Huy động mọi nguồn lực để đầu tư phát triển ngành công nghiệp – xây dựng với tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016 – 2020 ở mức 12,1%/năm; đến năm 2020 tỷ trọng ngành công nghiệp – xây dựng trong tổng cơ cấu kinh tế của huyện (theo VA) chiếm 19,61%.

Huy động các nguồn lực xây dựng cơ sở hạ tầng cụm công nghiệp Sơn Bình (quy mô 20 ha), kêu gọi và thu hút doanh nghiệp vào đầu tư sản xuất, trong đó ưu tiên các lĩnh vực sản xuất như: mộc dân dụng, chế biến các sản phẩm từ chuối, mít, nhựa thông, sản xuất thức ăn gia súc...; cấp phép cho doanh nghiệp khai thác đá xây dựng tại các mỏ đá tại xã Sơn Trung, Ba Cùm Bắc, Tô Hạp, khai thác cát xây dựng trên sông Tô Hạp (*đoạn từ Sơn Lâm đến thị trấn Tô Hạp*)...

Khuyến khích phát triển các nghề như: sửa chữa ô tô, xe máy, máy nông nghiệp, điện tử, điện gia dụng, sản xuất nông cụ cầm tay, may mặc, dệt thổ cẩm, xây dựng...

#### *c. Khu vực thương mại dịch vụ*

Đẩy mạnh phát triển thương mại, dịch vụ và du lịch theo hướng văn minh, hiện đại với sự tham gia của các thành phần kinh tế và sự đa dạng của các loại hình tổ chức phân phối, các hoạt động dịch vụ và phương thức kinh doanh. Đáp ứng kịp thời nhu cầu sản xuất, tiêu thụ sản phẩm và phục vụ đời sống; góp phần thúc đẩy sản xuất công nghiệp, nông nghiệp phát triển, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, xoá đói giảm nghèo, hội nhập kinh tế – thương mại của tỉnh và vùng Duyên hải Nam Trung bộ.

Đầu tư xây dựng các cơ sở kinh doanh dịch vụ thương mại 2 bên bờ sông Tô Hạp (*đoạn thuộc thị trấn Tô Hạp, Ba Cùm Bắc, Sơn Trung*) sau khi dự án xây dựng kè sông Tô Hạp được hoàn thành, đầu tư xây dựng điểm dừng chân đỉnh đèo, thác nước cây Đa...để tạo điểm nhấn và động lực thu hút đầu tư, thúc đẩy phát triển ngành du lịch, dịch vụ thương mại của huyện.

Khuyến khích mọi thành phần kinh tế tự do kinh doanh, tự do hành nghề, tự do cạnh tranh theo cơ chế thị trường và đúng quy định của pháp luật; đẩy mạnh phát triển hệ thống trung tâm thương mại, chợ đầu mối nông sản, hoàn thiện hệ thống chợ xã và các cửa hàng chính sách; đẩy mạnh phát triển các nhà hàng khách sạn, hệ thống dịch vụ đáp ứng nhu cầu cho phát triển du lịch...Phân đầu tốc độ tăng trưởng GTSX ngành thương mại - dịch vụ đạt 13,01% giai đoạn 2016-2020; tăng tỷ trọng của ngành thương mại - dịch vụ trong cơ cấu kinh tế của huyện (theo VA) từ 19,87% năm 2015, lên 21,29% vào năm 2020.

## 2.2. Cân đối, phân bổ diện tích các loại đất cho các mục đích sử dụng

### 2.2.1. Chỉ tiêu sử dụng đất cấp tỉnh phân bổ cho huyện Khánh Sơn

Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và Kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối 2016 – 2020 của tỉnh Khánh Hòa đã được Chính phủ phê duyệt tại Nghị quyết số 48/NQ-CP ngày 9/5/2018. Căn cứ vào Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất của tỉnh Khánh Hòa được phê duyệt, UBND tỉnh phân bổ chỉ tiêu điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cho các huyện tại Công văn số 5260/UBND-XDND ngày 19/5/2018. Huyện Khánh Sơn được phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2020 như sau:

**Bảng 07:** Phân khai Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất tỉnh Khánh Hòa cho huyện Khánh Sơn tại Văn bản số 5260/UBND-XDND ngày 19/5/2018

STT	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích cấp tỉnh phân bổ theo văn bản số 5260/UBND-XD ngày 19/5/2018	Ghi chú
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>26.465</b>	
1.1	Đất trồng lúa	LUA	73	
	<i>Trong đó: đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>70</i>	
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	1.184	
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	2.629	
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	12.892	
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	1.882	
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	7.790	
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	16	
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>2.062</b>	
2.1	Đất quốc phòng	CQP	708	
2.2	Đất an ninh	CAN	8	
2.3	Đất cụm công nghiệp	SKN	10	
2.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	18	
2.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	3	
2.6	Đất cho hoạt động khoáng sản	SKS	20	
2.7	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	342	
	<i>Trong đó:</i>		<i>-</i>	
-	Đất cơ sở văn hóa	DVH	5	
-	Đất cơ sở y tế	DYT	2	
-	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	DGD	24	
-	Đất cơ sở thể dục - thể thao	DTT	25	
2.8	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	162	
2.9	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	8	
2.10	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	11	
2.11	Đất ở tại nông thôn	ONT	198	
2.12	Đất ở tại đô thị	ODT	24	
2.13	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	10	

STT	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích cấp	Ghi
2.14	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	5	
2.15	Đất cơ sở tôn giáo	TON	5	
2.16	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ	NTD	22	
<b>3</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>	<b>CSD</b>	<b>5.325</b>	
<b>4</b>	<b>Đất đô thị*</b>	<b>KDT</b>	<b>1.677</b>	

(Chi tiết diện tích phân bổ đến các xã, thị trấn xem phụ biểu 01)

### 2.2.2. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực

Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực trong kỳ điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 của huyện Khánh Sơn được xác định trên cơ sở:

- Nghị quyết Đại hội Đảng tỉnh Khánh Hòa nhiệm kỳ 2015 -2020;
- Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Khánh Sơn nhiệm kỳ 2015 -2020;
- Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội tỉnh Khánh Sơn đến năm 2025 được UBND tỉnh Khánh Hòa phê duyệt tại Quyết định số 3994/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2016.

- Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Khánh Hòa;

- Căn cứ nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực của tỉnh, của huyện trong kỳ điều chỉnh quy hoạch (2016-2020).

Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất các ngành, lĩnh vực trong kỳ điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 **xem các phụ biểu 03,04,05 kèm theo báo cáo.**

### 2.2.3. Tổng hợp, cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất

Các loại đất do Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh đến năm 2020 phân bổ cho huyện và huyện xác định thêm như sau:

**Bảng 08:** Điều chỉnh quy hoạch đất đến năm 2020 của huyện Khánh Sơn

STT	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích hiện trạng 2015	Tình phân bổ theo Công văn số 5206/UBND-XDND ngày 29/5/2018	Diện tích huyện xác định	Diện tích điều chỉnh đến năm 2020	Tăng (+), giảm (-) so với 2015
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	8=(7)-(4)
	<b>TỔNG DT TN (1+2+3)</b>		<b>33.852,76</b>	<b>-</b>		<b>33.852,76</b>	<b>-</b>
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>25.954,29</b>	<b>26.465</b>	<b>852</b>	<b>27.317,37</b>	<b>1.363,09</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUA	175,33	73	-23	50,00	-125,33
	<i>T đó: đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>171,94</i>	<i>70</i>	<i>-20</i>	<i>50,00</i>	<i>-121,94</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	1.310,73	1.184	-60	1.123,90	-186,83
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	3.113,12	2.629	934	3.563,12	450,00
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	11.863,07	12.892	-	12.892,00	1.028,93
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	1.881,65	1.882	-	1.881,65	-
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	7.593,89	7.790	-	7.790,32	196,43
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	16,51	16	-	16,39	-0,12
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>1.587,92</b>	<b>2.062</b>	<b>13</b>	<b>2.074,80</b>	<b>486,88</b>
2.1	Đất quốc phòng	CQP	689,12	708	-	707,85	18,73
2.2	Đất an ninh	CAN	0,78	8	-1	6,55	5,77

STT	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích hiện trạng 2015	Tính phân bổ theo Công văn số 5206/UBND-XDND ngày 29/5/2018	Diện tích huyện xác định	Diện tích điều chỉnh đến năm 2020	Tăng (+), giảm (-) so với 2015
2.3	Đất cụm công nghiệp	SKN	-	10	-	10,00	10,00
2.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	0,25	18	0	18,21	17,96
2.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	0,46	3	10	12,85	12,39
2.6	Đất cho hoạt động khoáng sản	SKS	-	20	-	20,00	20,00
2.7	Đất phát triển hạ tầng	DHT	230,26	342	26	368,08	137,82
	<i>Trong đó:</i>						
-	Đất giao thông	DGT	174,96			224,65	49,69
-	Đất thủy lợi	DTL	23,06			86,72	63,66
-	Đất công trình năng lượng	DNL	0,50			0,35	-0,15
-	Đất bưu chính viễn thông	DBV	0,75			1,08	0,33
-	Đất cơ sở văn hóa	DVH	-	5	-1	4,05	4,05
-	Đất cơ sở y tế	DYT	2,41	2	0	2,26	-0,15
-	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	DGD	21,83	24	4	28,43	6,60
-	Đất cơ sở thể dục - thể thao	DTT	3,55	25	-14	10,96	7,41
-	Đất cơ sở nghiên cứu khoa học	DKH	-			3,61	3,61
-	Đất cơ sở dịch vụ về xã hội	DXH	2,04			2,04	-
-	Đất chợ	DCH	1,15			3,92	2,77
2.8	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	-	162	0	162,06	162,06
2.9	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	4,80	8	0	8,30	3,50
2.10	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	3,27	11	0	10,70	7,43
2.11	Đất ở tại nông thôn	ONT	127,57	198	0	198,41	70,84
2.12	Đất ở tại đô thị	ODT	15,99	24	3	26,71	10,72
2.13	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	10,14	10	0	10,07	-0,07
2.14	Đất XDTS của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,26	5	-4	1,24	0,98
2.15	Đất cơ sở tôn giáo	TON	3,99	5	1	5,98	1,99
2.16	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	14,32	22	0	22,29	7,97
2.17	Đất sản xuất VLXD, làm đồ gốm	SKX	-			3,89	3,89
2.18	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	4,52			5,79	1,27
2.19	Đất khu vui chơi, GTCC	DKV	-			3,26	3,26
2.20	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	481,62			465,48	-16,14
2.21	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	0,56			0,56	-
2.22	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	-			6,52	6,52
<b>3</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>	<b>CSD</b>	<b>6.310,55</b>	<b>5.325</b>	<b>-864</b>	<b>4.460,59</b>	<b>-1.849,96</b>
<b>4</b>	<b>Đất đô thị*</b>	<b>KDT</b>	<b>1.677,46</b>	<b>1.677</b>	<b>-</b>	<b>1.677,46</b>	<b>-</b>

*Tổng diện tích tự nhiên:*

- Diện tích hiện trạng năm 2015: 33.852,76 ha;
- Diện tích quy hoạch đến năm 2020 được duyệt: 33.802,2 ha;
- Diện tích điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020: 33.852,76 ha, ổn định so với hiện trạng năm 2015 và tăng 50,74 ha so với điều chỉnh quy hoạch được duyệt (tăng do cập nhật kết quả kiểm kê đất đai năm 2015).

*2.2.3.1. Đất nông nghiệp*

- Diện tích hiện trạng năm 2015: 25.954,29 ha.
- Diện tích quy hoạch được duyệt đến năm 2020: 29.325,10 ha;
- Diện tích điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020: 27.317,27 ha, tăng 1.363,09 ha so với hiện trạng 2015, trong đó:  
+ Diện tích cấp tỉnh phân bổ: 26.465 ha.

+ Diện tích huyện xác định thêm: 852 ha, do xác định thêm diện tích đất chưa sử dụng khai thác sử dụng mục đích đất rừng sản xuất và chuyển đổi đất rừng sản xuất nằm ngoài quy hoạch 3 loại rừng sang đất trồng cây lâu năm (trồng cây ăn quả theo đề án chuyển đổi cơ cấu cây trồng của tỉnh).

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 25.515,26 ha; trong đó diện tích giảm trong kỳ điều chỉnh 439,02 ha, giảm do chuyển sang đất phi nông nghiệp.

- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang đất nông nghiệp 1.802,11 ha, chuyển từ đất chưa sử dụng.

- Điều chỉnh đến năm 2020, diện tích đất nông nghiệp thấp hơn 2.007,73 ha so với quy hoạch được duyệt; nguyên nhân do điều chỉnh lại kế hoạch trồng khoanh nuôi rừng theo quy hoạch phát triển rừng được duyệt;

*Trong đó:*

*a. Đất trồng lúa.*

- Diện tích hiện trạng năm 2015: 175,33 ha.

- Diện tích quy hoạch được duyệt đến năm 2020: 172,01 ha.

- Diện tích điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020: 50 ha, giảm 125,33 ha so với năm 2015, trong đó:

+ Diện tích cấp tỉnh phân bổ: 73 ha.

+ Diện tích huyện xác định: thấp hơn chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ 23 ha; thấp hơn do huyện xác định thêm diện tích đất trồng lúa chuyển sang trồng cây lâu năm (trồng chôm chôm, bưởi da xanh) ở các xã theo đề án chuyển đổi cơ cấu cây trồng đến năm 2020.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 50 ha; diện tích giảm trong kỳ điều chỉnh quy hoạch 125,33 ha do chuyển sang sử dụng mục đích: đất trồng cây hàng năm 45,8 ha, đất trồng cây lâu năm 67,87 ha, đất cơ sở sản xuất kinh doanh 1,43 ha, đất phát triển hạ tầng 4,14 ha, đất ở nông thôn 5,22 ha, đất ở đô thị 0,84 ha. (*chi tiết xem biểu 12*).

- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang đất trồng lúa: 0 ha.

- Điều chỉnh đến năm 2020 đất trồng lúa giảm 122,01 ha so với quy hoạch được duyệt; nguyên nhân do chuyển đất trồng lúa kém hiệu quả ở các xã sang trồng cây hàng năm, cây lâu năm theo đề án chuyển đổi cơ cấu cây trồng của huyện.

*Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước (02 vụ trở lên)*

- Diện tích hiện trạng năm 2015: 171,94 ha.

- Diện tích quy hoạch được duyệt đến năm 2020: 161,28 ha.

- Diện tích điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020: 50,0 ha, giảm 121,94 ha so với năm 2015 trong đó:

+ Diện tích cấp tỉnh phân bổ: 70 ha.

+ Diện tích huyện xác định bổ sung: thấp hơn chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ 20 ha (do xác định thêm đất trồng lúa chuyển sang trồng cây lâu năm theo đề án chuyển đổi cơ cấu cây trồng).

- Điều chỉnh đến năm 2020, diện tích đất chuyên trồng lúa nước giảm 111,28 ha so với quy hoạch được duyệt (giảm do chuyển diện tích đất trồng lúa kém hiệu quả ở các xã, thị trấn sang trồng cây hàng năm (mía tím, bắp), cây lâu năm (bưởi da xanh...) theo đề án chuyển đổi cơ cấu cây trồng của huyện;

*(Chi tiết đất trồng lúa giảm sang các mục đích khác xem biểu 12)*

#### *b. Đất trồng cây hàng năm khác*

- Diện tích hiện trạng năm 2015: 1.310,73 ha.

- Diện tích điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020: 1.123,90 ha; trong đó:

+ Diện tích cấp tỉnh phân bổ: 1.184 ha;

+ Diện tích huyện xác định: thấp hơn chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ 60 ha; thấp hơn do cấp huyện xác định thêm diện tích đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất trồng cây lâu năm (thực hiện đề án chuyển đổi cơ cấu cây trồng của huyện).

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 1.078,06 ha; trong đó diện tích giảm trong kỳ điều chỉnh quy hoạch 232,67 ha, giảm do chuyển sang sử dụng mục đích: đất trồng cây lâu năm 145,05 ha, đất an ninh 0,02 ha, đất cụm công nghiệp 5,13 ha, đất thương mại dịch vụ 2,05 ha, đất cơ sở sản xuất kinh doanh 1,44 ha, đất phát triển hạ tầng 31,81 ha, đất di tích danh thắng 0,11 ha, đất bãi thải xử lý chất thải 1,11 ha, đất ở nông thôn 33,49 ha, đất ở đô thị 4,88 ha, đất trụ sở cơ quan 0,90 ha, đất nghĩa địa 1,32 ha, đất vật liệu xây dựng 1,75 ha, đất sinh hoạt cộng đồng 0,16 ha, đất khu vui chơi giải trí công cộng 0,93 ha, đất phi nông nghiệp khác 2,52 ha.

- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang đất trồng cây hàng năm khác: 45,84 ha, chuyển từ các mục đích: đất trồng lúa 45,80 ha, đất nuôi trồng thủy sản 0,04 ha. Diện tích đất trồng cây hàng năm khác tăng do trong kỳ điều chỉnh quy hoạch chuyển diện tích lúa kém hiệu quả ở các xã, thị trấn sang trồng cây hàng năm (chủ yếu mía tím, bắp *(chi tiết xem phụ biểu 03)*).

#### *c. Đất trồng cây lâu năm*

- Diện tích hiện trạng năm 2015: 3.113,12 ha.

- Diện tích quy hoạch đến năm 2020 được duyệt: 3.186,23 ha.

- Diện tích điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020: 3.563,12 ha, tăng 450,0 ha so với năm 2015; trong đó:

+ Diện tích cấp tỉnh phân bổ: 2.629 ha.

+ Diện tích huyện xác định bổ sung: bổ sung thêm 934 ha; bổ sung thêm do chuyển đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng rừng sản xuất sang trồng cây lâu năm theo đề án chuyển đổi cơ cấu cây trồng của huyện.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 2.964,34 ha; trong đó diện tích giảm trong kỳ điều chỉnh quy hoạch 148,78 ha, giảm do chuyển sang sử dụng mục đích: đất rừng phòng hộ 27,68 ha, đất quốc



phòng 0,50 ha, đất an ninh 5,36 ha, đất cụm công nghiệp 4,82 ha, đất thương mại dịch vụ 1,20 ha, đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp 7,46 ha, đất phát triển hạ tầng 41,40 ha, đất di tích danh thắng 1,53 ha, đất di tích lịch sử 3,53 ha, đất bãi thải xử lý rác thải 1,19 ha, đất ở nông thôn 39,87 ha, đất ở đô thị 4,77 ha, đất trụ sở 0,28 ha, đất trụ sở của tổ chức sự nghiệp 0,12 ha, đất cơ sở tôn giáo 0,50 ha, đất nghĩa địa 4,73 ha, đất sinh hoạt cộng đồng 0,61 ha, đất khu vui chơi giải trí 1,89 ha, đất phi nông nghiệp khác 1,34 ha.

- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang đất trồng cây lâu năm: 598,78 ha, chuyển từ các mục đích: đất trồng lúa 67,87 ha, đất trồng cây hàng năm khác 145,05 ha, đất rừng sản xuất 385,86 ha.

Diện tích đất trồng cây lâu năm tăng do chuyển diện tích đất lúa sản xuất kém hiệu quả, đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng rừng sản xuất nằm ngoài quy hoạch 3 loại rừng ở thị trấn Tô Hạp, xã Sơn Trung, Sơn Bình, Thành Sơn, Ba Cùm Bắc sang trồng cây lâu năm (chủ yếu trồng cây ăn quả).

- Điều chỉnh đến năm 2020, đất trồng cây lâu năm tăng 376,89 ha so với quy hoạch đến năm 2020 được duyệt (tăng do xác định thêm diện tích đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm khác, đất rừng sản xuất ở xã Ba Cùm Bắc, Sơn Hiệp và TT Tô Hạp chuyển sang trồng cây lâu năm).

#### *d. Đất rừng phòng hộ*

- Diện tích hiện trạng năm 2015: 11,863,07 ha.

- Diện tích quy hoạch đến năm 2020 được duyệt: 11.792,38 ha;

- Diện tích điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020: 12.892 ha, tăng 1.028,93 ha so với năm 2015 trong đó:

+ Diện tích cấp tỉnh phân bổ: 12.892 ha.

+ Diện tích huyện xác định bổ sung: huyện không xác định bổ sung.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 10.600,47 ha; trong đó diện tích giảm trong kỳ điều chỉnh quy hoạch 1.262,6 ha, giảm do chuyển sang đất rừng sản xuất 1.262,60 ha (theo quy hoạch phát triển lâm nghiệp của tỉnh).

- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang đất rừng phòng hộ: 2.291,53 ha; tăng từ các mục đích: đất trồng cây lâu năm 27,68 ha, đất rừng sản xuất 1.140,01 ha, đất chưa sử dụng 1.122,84 ha.

- Điều chỉnh đến năm 2020, đất rừng phòng hộ tăng 1.099,62 ha so với quy hoạch đến năm 2020 được duyệt (tăng do cập nhật quy hoạch phát triển rừng đến năm 2020 của tỉnh Khánh Hòa bố trí trên địa bàn huyện Khánh Sơn).

#### *e. Đất rừng đặc dụng*

- Diện tích hiện trạng năm 2015: 1.181,65 ha.

- Diện tích quy hoạch được duyệt đến năm 2020: 2.693,74 ha;

- Diện tích điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020: 1.881,65 ha, ổn định so với năm 2015; trong đó:

+ Diện tích cấp tỉnh phân bổ: 1.182 ha.

- + Diện tích huyện xác định bổ sung: huyện không xác định bổ sung.
- Diện tích đất không thay đổi mục đích so với hiện trạng: 1.181,65 ha;
- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang đất đặc dụng: 0 ha.
- Điều chỉnh đến năm 2020, đất rừng đặc dụng giảm 812,09 ha so với quy hoạch đến năm 2020 được duyệt (giảm do điều chỉnh lại kế hoạch trồng, khoanh nuôi tái sinh rừng trên đất chưa sử dụng được quy hoạch là rừng đặc dụng theo quy hoạch phát triển rừng đến năm 2020 được phê duyệt).

*g. Đất rừng sản xuất*

- Diện tích hiện trạng năm 2015: 7.593,89 ha.
- Diện tích quy hoạch đến năm 2020 được duyệt: 9.857,14 ha.
- Diện tích điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020: 7790,32 ha, tăng 196,43 ha so với năm 2015; trong đó:

+ Diện tích cấp tỉnh phân bổ: 7.790 ha.

+ Diện tích huyện xác định bổ sung: huyện không xác định bổ sung thêm.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 5.848,85 ha; trong đó diện tích giảm trong kỳ điều chỉnh quy hoạch 1.745,44 ha, do chuyển sang sử dụng các mục đích: đất trồng cây lâu năm 385,86 ha, đất rừng phòng hộ 1.141,01 ha (theo quy hoạch phát triển rừng), đất quốc phòng 18,19 ha, đất thương mại dịch vụ 13,14 ha, đất cơ sở sản xuất kinh doanh 0,07 ha, đất khai thác khoáng sản 20,0 ha, đất phát triển hạ tầng 18,12 ha, đất di tích danh thắng 130,21 ha, đất bãi thải xử lý chất thải 5,69 ha, đất ở nông thôn 6,69 ha, đất ở đô thị 1,47 ha, đất trụ sở tổ chức sự nghiệp 0,01 ha, đất cơ sở tôn giáo 1,49 ha, đất nghĩa trang nghĩa địa 3,49 ha.

- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang đất rừng sản xuất: 1.941,47 ha, chuyển từ các mục đích: đất rừng phòng hộ 1.262,60 ha, đất chưa sử dụng 679,27 ha.

- Điều chỉnh đến năm 2020, đất rừng sản xuất giảm 2.066,82 ha so với quy hoạch được duyệt; giảm do điều chỉnh lại việc trồng, khoanh nuôi tái sinh rừng trên đất chưa sử dụng tại 8 xã thị trấn và chuyển đất rừng trồng sản xuất nằm ngoài quy hoạch 3 loại rừng sang trồng cây ăn quả.

*h. Đất nuôi trồng thủy sản*

- Diện tích hiện trạng năm 2015: 16,51 ha.
- Diện tích quy hoạch đến năm 2020 được duyệt: 14,15 ha.
- Diện tích điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020: 16,39 ha, giảm 012 ha so với năm 2015; trong đó:

+ Diện tích cấp tỉnh phân bổ: 16 ha.

+ Diện tích huyện xác định: huyện không xác định thêm.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 16,39 ha; trong đó diện tích giảm trong kỳ điều chỉnh 0,12 ha, do chuyển sang đất ở nông thôn và ở đô thị.

- Các mục đích khác chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản: 0 ha.

- Điều chỉnh đến năm 2020, đất nuôi trồng thủy sản tăng 2,24 ha so với quy hoạch đến năm 2020 được duyệt.

#### 2.2.3.2. Đất phi nông nghiệp

- Diện tích năm 2015: 1.587,92 ha.

- Diện tích quy hoạch đến năm 2020 được duyệt: 2.241,43 ha;

- Diện tích điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020: 2.074,80 ha, tăng 486,88 ha so với năm 2015, trong đó:

+ Diện tích cấp tỉnh phân bổ: 2.062 ha;

+ Diện tích huyện xác định bổ sung: 13 ha; xác định thêm diện tích xây dựng cụm tiêu thụ công nghiệp làng nghề xã Sơn Trung, mở rộng đường giao thông nông thôn, đất cơ sở giáo dục đào tạo và đất ở đô thị.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 1.587,92 ha.

- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang 486,88 ha, chuyển từ mục đích nông nghiệp và phi nông nghiệp.

- Điều chỉnh đến năm 2020, đất phi nông nghiệp giảm 166,63 ha so với quy hoạch được duyệt; giảm so xác định lại diện tích đất khai thác khoáng sản, đất xây dựng cụm công nghiệp Sơn Bình...

*Trong đó:*

##### a. Đất quốc phòng

- Diện tích năm 2015: 689,12 ha.

- Diện tích quy hoạch đến năm 2020 được duyệt: 697,91 ha.

- Diện tích điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020: 707,85 ha, tăng 18,73 ha so với năm 2015 (tăng do điều chỉnh lại diện tích khu phòng thủ quốc phòng tại xã Sơn Trung theo quyết định giao đất), trong đó:

+ Diện tích cấp tỉnh phân bổ: 708 ha.

+ Diện tích huyện xác định bổ sung: huyện không xác định bổ sung.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 689,12 ha.

- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang: 18,73 ha, chuyển từ các mục đích: đất trồng cây lâu năm 0,50 ha, đất rừng sản xuất 18,19 ha, đất chưa sử dụng 0,04 ha.

Đất quốc phòng tăng do trong kỳ điều chỉnh quy hoạch bố trí các công trình: mở rộng huyện đội Khánh Sơn (1,79ha), mở rộng khu phòng thủ quốc phòng tại xã Sơn Trung (16,94 ha).

- Điều chỉnh đến năm 2020, đất quốc phòng tăng 9,94 ha so với quy hoạch đến năm 2020 được duyệt; nguyên nhân do xác định lại diện tích khu phòng thủ quốc phòng tại xã Sơn Trung theo quyết định giao đất.

##### b. Đất an ninh

- Diện tích năm 2015: 0,78 ha.

- Diện tích quy hoạch đến năm 2020 được duyệt: 5,0 ha
- Diện tích điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020: 6,55 ha, tăng 5,77 ha so với năm 2015, trong đó:

- + Diện tích cấp tỉnh phân bổ: 8 ha.

- + Diện tích huyện xác định bổ sung: thấp hơn chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ 1ha; thấp hơn do xác định lại diện tích bố trí xây dựng công an phòng cháy chữa cháy CNCH của công an huyện và không bố trí nhà truyền thống công an tỉnh Khánh Hòa tại xã Ba Cùm Bắc.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 0,78 ha.

- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang: 5,77 ha, chuyển từ các loại đất: đất trồng cây hàng năm 0,02 ha, đất trồng cây lâu năm 5,36 ha, đất phát triển hạ tầng 0,31 ha, đất ở nông thôn 0,08 ha.

- Điều chỉnh đến năm 2020, đất an ninh tăng 1,55 ha so với quy hoạch đến năm 2020 được duyệt; tăng do xác định thêm diện tích xây dựng trụ sở của CSPCCC- CNCH tại xã Ba Cùm Bắc, xác định thêm diện tích cơ sở 2 công an huyện .

Diện tích đất an ninh tăng do trong kỳ điều chỉnh quy hoạch bố trí quỹ đất xây dựng các công trình:

- + Mở rộng trụ sở công an huyện theo quyết định giao đất: 1,76 ha (đã mở rộng nhưng chưa thống kê vào hiện trạng).

- + Đất xây dựng trụ sở của CSPCCC-CNCH công an huyện: 0,28 ha (mầm non Sao Mai cũ xã Ba Cùm Bắc);

- + Đất xây dựng cơ sở 2 công an huyện: 3,73 ha (xã Sơn Trung).

#### *c. Đất cụm công nghiệp*

- Diện tích năm 2015: 0 ha.

- Diện tích quy hoạch đến năm 2020 được duyệt: 35,0 ha.

- Diện tích điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020: 10,0 ha, tăng 10,0 ha so với năm 2015, trong đó:

- + Diện tích cấp tỉnh phân bổ: 10 ha.

- + Diện tích cấp huyện xác định bổ sung: huyện không xác định bổ sung.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 0 ha.

- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang: 10,0 ha; chuyển từ mục đích: đất trồng cây hàng năm 5,13 ha, đất trồng cây lâu năm 4,82 ha, đất phát triển hạ tầng 0,05 ha.

- Điều chỉnh đến năm 2020, đất cụm công nghiệp giảm 25,0 ha so với quy hoạch được duyệt (giảm do xác định diện tích thực hiện cụm công nghiệp Sơn Bình và không đưa vào điều chỉnh quy hoạch cụm công nghiệp Sơn Trung).

Đất cụm công nghiệp tăng do trong kỳ điều chỉnh quy hoạch bố trí cụm công nghiệp Sơn Bình (giai đoạn I) quy mô 10,0 ha.

#### *d. Đất thương mại, dịch vụ*

- Diện tích năm 2015: 0,25 ha.

- Diện tích điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020: 18,21 ha, tăng 17,96 ha so với năm 2015, trong đó:

+ Diện tích cấp tỉnh phân bổ: 18 ha;

+ Diện tích huyện xác định bổ sung: huyện không xác định bổ sung.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 0,25 ha.

- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang: 17,96 ha, chuyển từ các mục đích: đất trồng cây hàng năm 2,05 ha, đất trồng cây lâu năm 1,20 ha, đất rừng sản xuất 13,14 ha, đất nuôi trồng thủy sản 0,02 ha, đất phát triển hạ tầng 0,18 ha, đất ở tại nông thôn 1,20 ha, đất ở tại đô thị 0,07 ha, đất trụ sở cơ quan 0,03 ha, đất sông suối 0,07 ha.

Đất thương mại dịch vụ tăng trong kỳ điều chỉnh quy hoạch bố trí quỹ đất thực hiện các hạng mục: đất thương mại dịch vụ nhà hàng Ánh Tuyết, công ty Phương Đài (TT Tô Hạp); hạ tầng khu du lịch đỉnh đèo, cửa hàng TM (xã Ba Cùm Bắc); hạ tầng thác Tà Gụ, cây xăng (xã Sơn Hiệp); cây xăng xã Thành Sơn...

**(Chi tiết xem phụ biểu 05 kèm báo cáo thuyết minh)**

*e. Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp*

- Diện tích năm 2015: 0,46 ha.

- Diện tích quy hoạch đến năm 2020 được duyệt: 21,87 ha.

- Diện tích điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020: 12,85 ha, tăng 12,39 ha so với năm 2015, trong đó:

+ Diện tích cấp tỉnh phân bổ: 3 ha;

+ Huyện xác định bổ sung: bổ sung thêm 10 ha, do huyện xác định trong kỳ điều chỉnh thực hiện cụm tiểu thủ công nghiệp và làng nghề tại xã Sơn Trung theo quy hoạch xây dựng thị trấn Tô Hạp được duyệt.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 0,32 ha; trong đó diện tích giảm trong kỳ điều chỉnh 0,14 ha, giảm do chuyển sang đất phát triển hạ tầng và đất ở.

- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang: 12,53 ha; chuyển từ các mục đích: đất trồng lúa 1,43 ha, đất trồng cây hàng năm khác 1,44 ha, đất trồng cây lâu năm 7,46 ha, đất rừng sản xuất 0,07 ha, đất phát triển hạ tầng 0,51 ha, đất ở nông thôn 1,58 ha, đất sông suối 0,04 ha.

- Điều chỉnh đến năm 2020, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp giảm 9,02 ha so với quy hoạch được duyệt (giảm do trong kỳ điều chỉnh quy hoạch không đưa vào thực hiện trong kỳ điều chỉnh cụm tiểu thủ công nghiệp làng nghề của xã Sơn Lâm, Ba Cùm Bắc).

Đất cơ sở sản xuất kinh doanh tăng so với hiện trạng 2015 do trong kỳ điều chỉnh quy hoạch bố trí quỹ đất để thực hiện hạng mục: Cụm tiểu thủ công nghiệp và làng nghề xã Sơn Trung: 12,92 ha (theo quy hoạch xây dựng thị trấn Tô Hạp được duyệt);

**(Diện tích chiếm đất của từng hạng mục xem phụ biểu 05)**

*f. Đất cho hoạt động khoáng sản*

- Diện tích năm 2015: 0 ha.
- Diện tích quy hoạch đến năm 2020 được duyệt: 106,0 ha.
- Diện tích điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020: 20,0 ha, tăng 20,0 ha so với năm 2015; trong đó:
  - + Diện tích cấp tỉnh phân bổ: 20 ha.
  - + Diện tích huyện xác định bổ sung: huyện không xác định bổ sung.
- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 0 ha.
- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang: 20,0 ha, chuyển từ mục đích đất rừng sản xuất.
- Điều chỉnh đến năm 2020, đất hoạt động khoáng sản giảm 86,0 ha so với quy hoạch đến năm 2020 được duyệt (giảm do trong kỳ điều chỉnh quy hoạch không đưa vào thực hiện khu khai thác đá tại xã Sơn Trung, Ba Cạm Bắc theo quy hoạch khai thác khoáng sản của tỉnh vào thực hiện)

Đất khai thác khoáng sản tăng trong kỳ điều chỉnh do thực hiện khai thác đá Ryolit tại thị trấn Tô Hạp, diện tích 20 ha.

**(Chi tiết xem phụ biểu 05)**

*g. Đất phát triển hạ tầng*

- Diện tích năm 2015: 230,26 ha.
- Diện tích quy hoạch đến năm 2020 được duyệt: 433,38 ha.
- Điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020: 368,08 ha, tăng 137,82 ha so với năm 2015, trong đó:
  - + Diện tích cấp tỉnh phân bổ: 342 ha.
  - + Diện tích huyện xác định thêm: 26 ha (huyện xác định thêm diện tích kè sông Tô Hạp, hệ thống cấp nước sinh hoạt xã Sơn Lâm, mở rộng đất giáo dục).
- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 225,25 ha; trong đó diện tích giảm trong kỳ điều chỉnh 5,01 ha.
- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang: 142,83 ha, chuyển từ mục đích nông nghiệp, phi nông nghiệp và đất chưa sử dụng.
- Điều chỉnh đến năm 2020, đất phát triển hạ tầng giảm 65,30 ha so với quy hoạch được duyệt; giảm do không đưa vào một số công trình không có nguồn lực đầu tư đến năm 2020: hồ Tà Lương, thủy điện Cô Róa (hủy bỏ)...

*g.1. Đất giao thông*

- Diện tích năm 2015: 194,76 ha.
- Diện tích điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020: 224,65 ha, tăng 49,69 ha so với năm 2015, trong đó:
  - Diện tích cấp tỉnh phân bổ: cấp tỉnh không phân bổ chỉ tiêu đất giao thông.
- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 170,53 ha.

- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang: 54,12 ha, chuyển từ các mục đích: đất trồng lúa 1,17 ha, đất trồng cây hàng năm 10,01 ha, đất trồng cây lâu năm 12,68 ha, đất rừng sản xuất 13,04 ha, đất nuôi trồng thủy sản 0,02 ha, đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp 0,06 ha, đất phát triển hạ tầng 0,81 ha, đất danh lam thắng cảnh 0,03 ha, đất xử lý chất thải 0,02 ha, đất ở nông thôn 8,56 ha, đất ở đô thị 0,75 ha, đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,32 ha, đất nghĩa trang, nghĩa địa 0,11 ha, đất sinh hoạt cộng đồng 0,14 ha, đất sông suối 2,03 ha, đất chưa sử dụng 4,37 ha.

Đất giao thông tăng do trong kỳ điều chỉnh bố trí quỹ đất để mở rộng đường tỉnh lộ 9, đường liên xã Sơn Trung – Sơn Hiệp – Sơn Bình, đường đi Ba Cùm Nam, đường vào trường Trung cấp nghề, các tuyến đường theo quy hoạch xây dựng thị trấn Tô Hạp, quy hoạch xây dựng trung tâm các xã và đường theo quy hoạch nông thôn mới. *(Chi tiết quy hoạch và mở rộng đường giao thông xem phụ biểu 05)*

### *g.2. Đất thủy lợi*

- Diện tích năm 2015: 23,06 ha.

- Diện tích điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020: 86,72 ha, tăng 63,66 ha so với năm 2015, trong đó:

- Diện tích cấp tỉnh phân bổ: cấp tỉnh không phân bổ chỉ tiêu đất thủy lợi.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 21,77 ha; trong đó diện tích giảm trong kỳ điều chỉnh 1,29 ha; giảm do chuyển sang các mục đích: đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp 0,14 ha, đất giao thông 0,43 ha, đất ở nông thôn 0,69 ha, đất khu vui chơi giải trí 0,03 ha.

- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang đất thủy lợi: 64,95 ha, chuyển từ mục đích: đất trồng lúa 0,24 ha, đất trồng cây hàng năm khác 15,93 ha, đất trồng cây lâu năm 18,48 ha, đất rừng sản xuất 3,82 ha, đất giao thông 0,95 ha, đất ở nông thôn 1,75 ha, đất sông suối 11,78 ha, đất chưa sử dụng 12,0 ha.

Đất thủy lợi tăng do trong kỳ điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 bố trí quỹ đất thực hiện các hạng mục: kè Tà Lương, hồ Sơn Trung, hồ Sơn Lâm, hồ Sơn Bình, đập dâng suối Mả, đập dâng suối Ngựa, kè bảo vệ thôn Tà Gụ, hệ thống nước tưới kết hợp nước sinh hoạt xã Sơn Lâm...

*(Chi tiết xây dựng các công trình thủy lợi xem phụ biểu 06)*

### *g.3. Đất công trình năng lượng*

- Diện tích năm 2015: 0,50 ha.

- Diện tích điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020: 0,35 ha, giảm 0,15 ha so với năm 2015, trong đó:

- Diện tích cấp tỉnh phân bổ: cấp tỉnh không phân bổ chỉ tiêu đất công trình năng lượng.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 0,35 ha; trong đó diện tích giảm trong kỳ điều chỉnh 0,15 ha, giảm do chuyển sang đất ở nông thôn 0,15 ha.

- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang đất năng lượng: 0 ha.

Đất năng lượng giảm do điều chỉnh diện tích của trạm điện Sơn Trung theo quy hoạch xây dựng TT Tô Hạp được duyệt.

*g.4. Đất công trình bưu chính viễn thông*

- Diện tích năm 2015: 0,75 ha.

- Diện tích điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020: 1,08 ha, tăng 0,33 ha so với năm 2015, trong đó:

- Diện tích cấp tỉnh phân bổ: cấp tỉnh không phân bổ chỉ tiêu đất bưu chính viễn thông.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 0,75 ha.

- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang: 0,33 ha, chuyển từ các mục đích: đất trồng cây hàng năm 0,12 ha, đất trồng cây lâu năm 0,01 ha, đất cơ sở giáo dục 0,06 ha, đất cơ sở thể thao 0,03 ha, đất ở nông thôn 0,11 ha.

Đất công trình bưu chính viễn thông tăng do trong kỳ điều chỉnh bố trí quỹ đất để thực hiện các hạng mục:

+ Mở rộng bưu điện xã Ba Cùm Bắc (mở rộng theo quy hoạch xây dựng trung tâm xã) diện tích 0,03 ha;

+ Trạm phát sóng Viettel xã Ba Cùm Bắc, diện tích 0,12 ha;

+ Bưu điện văn hóa xã Thành Sơn, diện tích 0,18 ha.

**(Chi tiết xem phụ biểu 06)**

*g.5. Đất cơ sở văn hoá*

- Diện tích năm 2015: 0 ha.

- Diện tích quy hoạch đến năm 2020 được duyệt: 52,06 ha

- Diện tích điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020: 4,08 ha, tăng 4,05 ha so với năm 2015, trong đó:

+ Diện tích cấp tỉnh phân bổ: 5,0 ha.

+ Diện tích huyện xác định bổ sung: thấp hơn chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ 1 ha; thấp hơn do huyện xác định diện tích thực tế của nhà thiếu nhi huyện Khánh Sơn, khu quảng trường đài tượng niệm tại thị trấn Tô Hạp.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 0 ha;

- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang: 4,05 ha, chuyển từ mục đích: đất trồng cây hàng năm khác 0,11 ha, đất trồng cây lâu năm 2,28 ha, đất rừng sản xuất 0,18 ha, đất nuôi trồng thủy sản 0,03 ha, đất giao thông 0,34 ha, đất cơ sở giáo dục 0,35 ha, đất ở nông thôn 0,71 ha, đất đô thị 0,02 ha, đất sinh hoạt cộng đồng 0,01 ha, đất chưa sử dụng 0,05 ha.

- Điều chỉnh đến năm 2020, đất cơ sở văn hóa giảm 47,98 ha so với quy hoạch đến năm 2020 được duyệt; giảm do tách đất công viên cây xanh quy hoạch thị trấn Tô Hạp và đất sinh hoạt cộng đồng ra khỏi đất văn hóa.

Đất cơ sở văn hóa tăng do điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 bố trí quỹ đất thực hiện các hạng mục:

+ Mở rộng khu tượng niệm liệt sỹ huyện; diện tích 2,08 ha;



- + Quảng trường-Công viên TT Tô Hạp: 0,60 ha (đổi diện công an huyện);
- + Nhà văn hóa thiếu nhi huyện: diện tích 0,35 ha (sân thể thao thị trấn cũ);
- + Đài tưởng niệm liệt sỹ xã Ba Cùm Bắc: 0,24 ha;
- + Đài tưởng niệm liệt sỹ xã Ba Cùm Nam: 0,07 ha;
- + Đài tưởng niệm liệt sỹ xã Sơn Hiệp: 0,05 ha;
- + Đài tưởng niệm liệt sỹ xã Sơn Bình: 0,58 ha;
- + Đài tưởng niệm liệt sỹ xã Thành Sơn: 0,11 ha.

**(Chi tiết xem phụ biểu 06)**

#### *g.6. Đất cơ sở y tế*

- Diện tích năm 2015: 2,41 ha.
- Diện tích quy hoạch đến năm 2020 được duyệt: 5,15 ha.
- Diện tích điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020: 2,26 ha, giảm 0,15 ha so với năm 2015, trong đó:

- + Diện tích cấp tỉnh phân bổ: 2,41 ha
- + Diện tích huyện xác định bổ sung: thấp hơn chỉ tiêu phân bổ 0,15 ha; thấp hơn do xác định lại vị trí và diện tích xây dựng Trung tâm y tế dự phòng kết hợp với Đội chăm sóc sức khỏe bà mẹ trẻ em tại xã Sơn Trung (trạm y tế xã Sơn Trung cũ).

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 2,12 ha; trong đó diện tích giảm trong kỳ điều chỉnh 0,29 ha, giảm do chuyển sang sử dụng các mục đích: đất cơ sở sản xuất kinh doanh 0,05 ha, đất giao thông 0,01 ha, đất ở nông thôn 0,17 ha, đất trụ sở 0,06 ha.

- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang: 0,14 ha, chuyển từ đất trồng cây lâu năm 0,14 ha.

- Điều chỉnh đến năm 2020, đất cơ sở y tế giảm 2,57 ha so với quy hoạch được duyệt; nguyên nhân do kỳ điều chỉnh không xác định mở rộng Trung tâm y tế huyện tại xã Sơn Trung.

Đất cơ sở y tế tăng do kỳ điều chỉnh quy hoạch bố trí quỹ đất thực hiện các hạng mục:

- + Đội y tế dự phòng kết hợp TT chăm sóc sức khỏe BMTE: 0,05 ha (Trạm y tế xã Sơn Trung cũ);
- + Mở rộng trạm y tế Sơn Bình (quy hoạch TT xã): 0,08 ha;
- + Mở rộng phòng khám đa khoa khu vực xã Sơn Lâm (QH TT xã): 0,06 ha.

**(Chi tiết xem phụ biểu 06)**

#### *g.7. Đất cơ sở giáo dục-đào tạo*

- Diện tích năm 2015: 21,83 ha.
- Diện tích quy hoạch đến năm 2020 được duyệt: 29,75 ha
- Diện tích điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020: 28,43 ha, tăng 6,60 ha so với năm 2015, trong đó:
- + Diện tích cấp tỉnh phân bổ: 24 ha.

+ Diện tích huyện xác định bổ sung thêm: 4 ha do mở rộng các trường tiểu học, trường mầm non các xã cho đủ diện tích đạt chuẩn nông thôn mới.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 21,05 ha; trong đó diện tích giảm trong kỳ điều chỉnh 0,78 ha, giảm do chuyển sang sử dụng các mục đích: đất an ninh 0,18 ha, đất thương mại dịch vụ 0,03 ha, đất giao thông 0,35 ha, đất bưu chính viễn thông 0,06 ha, đất ở nông thôn 0,13 ha, đất trụ sở 0,03 ha.

- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang: 7,38 ha, chuyển từ các mục đích: đất trồng lúa 0,34 ha, đất trồng cây hàng năm khác 1,55 ha, đất trồng cây lâu năm 2,81 ha, đất rừng sản xuất 0,01 ha, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 0,01 ha, đất phát triển hạ tầng 0,67 ha, đất ở nông thôn 1,24 ha, đất trụ sở 0,39 ha, đất nghĩa địa 0,29 ha, đất sông suối 0,03 ha, đất chưa sử dụng 0,04 ha.

- Điều chỉnh đến năm 2020, đất cơ sở giáo dục và đào tạo giảm 1,32 ha so với quy hoạch đến năm 2020 được duyệt; giảm do điều chỉnh không bố trí quỹ đất xây dựng trường Trung học cơ sở xã Ba Cùm Nam.

Đất cơ sở giáo dục tăng do trong kỳ điều chỉnh bố trí quỹ đất thực hiện các hạng mục:

**Bảng 09: Quỹ đất xây dựng cơ sở giáo dục huyện Khánh Sơn đến năm 2020**

<b>T</b>	<b>Tên công trình, dự án</b>	<b>Địa điểm</b>	<b>Diện tích (ha)</b>	<b>Ghi chú</b>
	<b>Tổng cộng</b>	-	<b>7,38</b>	
<b>1</b>	<b>Thị trấn Tô Hạp</b>		<b>2,28</b>	
-	Điểm Tiểu học thôn Dốc Gạo	Thôn Dốc Gạo	0,53	HM Chuyển tiếp
-	Điểm mầm non TDP Hạp Cường		0,53	HM Chuyển tiếp
-	Trường tiểu học TDP Hạp Cường	QHXD TT	0,92	HM Chuyển tiếp
-	KTX, khu nội trú học sinh	Giáp Hội trừ thấp đò	0,19	HM Chuyển tiếp
-	Mở rộng Tiểu học Tô Hạp	Sân thể thao TT	0,11	HM Chuyển tiếp
<b>2</b>	<b>Xã Ba Cùm Bắc</b>		<b>1,65</b>	
-	Mở rộng Tiểu học Ba Cùm Bắc	Mở rộng ra sát tỉnh lộ 9	0,14	HM Chuyển tiếp
-	Trường nghề phía Đông huyện	Phía sau trường THCS	0,66	HM Chuyển tiếp
-	Trường mầm non TT xã		0,58	HM Chuyển tiếp
-	Mầm non Sao Mai	Kế hoạch 2018	0,27	HM Điều chỉnh
<b>3</b>	<b>Xã Ba Cùm Nam</b>		<b>0,19</b>	
-	Mở rộng tiểu học Ba Cùm Nam	Theo QHTT xã	0,19	HM Chuyển tiếp
<b>4</b>	<b>Xã Sơn Hiệp</b>		<b>0,34</b>	
-	Mở rộng tiểu học Sơn Hiệp	Thôn Xà Bói	0,34	HM Chuyển tiếp
<b>5</b>	<b>Xã Sơn Bình</b>		<b>0,59</b>	
-	Mở rộng mẫu giáo trung tâm xã	Quy hoạch trung tâm xã	0,15	HM Chuyển tiếp
-	Mở rộng trường THCS	QH TT xã	0,04	HM Chuyển tiếp
-	Điểm tiểu học Xóm Cỏ	Thôn Xóm Cỏ	0,40	HM Chuyển tiếp
<b>6</b>	<b>Xã Sơn Lâm</b>		<b>1,95</b>	
-	Mẫu giáo Phong Lan	Sân thể thao cũ	0,45	HM Chuyển tiếp
-	Trường PT TH Tây Khánh Sơn	Thôn Du Oai	1,50	HM Chuyển tiếp
<b>7</b>	<b>Xã Thành Sơn</b>		<b>0,71</b>	
-	Mở rộng điểm mầm non Anh Đào	Thôn A Pa 2	0,14	HM Chuyển tiếp

T	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện	Ghi chú
-	Mở rộng trường tiểu học Thành Sơn	Giáp tường hiện có	0,24	HM Chuyển tiếp
-	Mầm non trung tâm xã	QH TT xã	0,33	HM Chuyển tiếp
-	Điểm mầm non Anh Đào	Thôn Tà Giang II	0,10	HM Điều chỉnh

**(Chi tiết xem phụ biểu 06)**

#### g.8. Đất cơ sở thể dục-thể thao

- Diện tích năm 2015: 3,55 ha.
- Diện tích quy hoạch đến năm 2020 được duyệt: 13,78 ha.
- Diện tích điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020: 10,96 ha, tăng 7,41 ha so với năm 2015, trong đó:
  - + Diện tích cấp tỉnh phân bổ: 25 ha.
  - + Diện tích huyện xác định bổ sung: thấp hơn chỉ tiêu phân bổ 14 ha; thấp hơn do xác định cụ thể diện tích đất xây dựng sân thể thao thôn của các xã.
  - Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 2,37 ha; trong đó diện tích giảm trong kỳ điều chỉnh: 1,18 ha, giảm do chuyển sang sử dụng các mục đích: đất giao thông 0,24 ha, đất bưu chính viễn thông 0,03 ha, đất cơ sở văn hóa 0,35 ha, đất giáo dục 0,61ha, đất ở nông thôn 0,03 ha, đất trụ sở 0,07 ha, đất sinh hoạt cộng đồng 0,09 ha.
  - Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang: 8,59 ha, chuyển từ các mục đích: đất trồng lúa 2,39 ha, đất trồng cây hàng năm khác 1,38 ha, đất trồng cây lâu năm 3,17 ha, đất giao thông 0,05 ha, đất ở nông thôn 1,51 ha, đất sinh hoạt cộng đồng 0,09 ha.
  - Điều chỉnh đến năm 2020, đất cơ sở thể dục thể thao giảm 2,82 ha so với quy hoạch đến năm 2020 được duyệt; giảm do điều chỉnh và thay đổi diện tích của khu liên hợp thể thao của huyện.

**Bảng 10: Quỹ đất XD cơ sở thể dục thể thao huyện Khánh Sơn đến năm 2020**

TT	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Ghi chú
	<b>Tổng cộng</b>		<b>8,59</b>	
1	MR sân thể thao trung tâm xã Ba Cùm Bắc	Thôn Dốc Trầu	0,73	HM Chuyển tiếp
2	Sân thể thao Hòn Gâm	Xã Ba Cùm Nam	0,08	HM Chuyển tiếp
3	Sân thể thao Sơn Trung	Khu trung tâm xã	1,75	HM Chuyển tiếp
4	Sân thể thao thôn Chi Chay	Xã Sơn Trung	0,13	HM Chuyển tiếp
5	Sân thể thao huyện Khánh Sơn	Khu vực đông Ông Bà xã Sơn Trung(KH 2018)	3,00	HM Điều chỉnh
6	Sân thể thao Liên Hiệp	Xã Sơn Hiệp	0,15	HM Chuyển tiếp
7	Sân thể thao TT xã Sơn Hiệp	Giáp chợ quy hoạch	1,16	HM Chuyển tiếp
8	MR sân thể thao xã Sơn Bình	Thôn Liên Hòa	0,07	HM Chuyển tiếp
9	Sân thể thao thôn Ha Nít	Xã Sơn Lâm	0,12	HM Chuyển tiếp
10	Sân thể thao Tà Giang 2	Xã Thành Sơn	0,18	HM Chuyển tiếp
11	Sân thể thao trung tâm xã	Xã Thành Sơn	1,22	HM Chuyển tiếp

### *g.9. Đất cơ sở nghiên cứu khoa học*

- Diện tích năm 2015: 0 ha.
- Diện tích điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020: 3,61 ha, tăng 3,61 ha so với năm 2015, trong đó:

+ Diện tích cấp tỉnh phân bổ: cấp tỉnh không phân bổ chỉ tiêu đất cơ sở nghiên cứu khoa học.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 0 ha.
- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang: 3,61 ha; chuyển từ các mục đích: đất trồng cây hàng năm khác 1,02 ha, đất trồng cây lâu năm 1,29 ha, đất rừng sản xuất 1,07 ha, đất giao thông 0,23 ha.

Đất cơ sở nghiên cứu khoa học tăng do trong kỳ điều chỉnh bố trí quỹ đất để xây dựng Trạm thực nghiệm Khoa học – Công nghệ Khánh Sơn tại xã Sơn Trung, diện tích 3,61 ha.

### *g.10. Đất dịch vụ xã hội*

- Diện tích năm 2015: 2,04 ha.
- Diện tích điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020: 2,04 ha, ổn định so với hiện trạng năm 2015:

+ Diện tích cấp tỉnh phân bổ: cấp tỉnh không phân bổ chỉ tiêu đất dịch vụ xã hội;

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 0 ha.
- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang: 0 ha.

### *g.11. Đất chợ*

- Diện tích năm 2015: 1,15 ha.
- Diện tích điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020: 3,92 ha, tăng 2,77 ha so với năm 2015, trong đó:

+ Diện tích cấp tỉnh phân bổ: cấp tỉnh không phân bổ chỉ tiêu đất chợ.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 0,77 ha; trong đó diện tích giảm trong kỳ điều chỉnh: 0,38 ha, do chuyển sang các mục đích: đất giao thông 0,02 ha, đất ở 0,25 ha, đất sinh hoạt cộng đồng 0,11 ha.

- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang: 3,15 ha, tăng từ các mục đích: đất trồng cây hàng năm khác 1,69 ha, đất trồng cây lâu năm 0,54 ha, đất ở nông thôn 0,92 ha.

Đất chợ tăng do trong kỳ điều chỉnh bố trí quỹ đất xây dựng chợ đầu mối nông sản của huyện, chợ Ba Cùm Bắc, chợ Ba Cùm Nam, chợ Sơn Trung, chợ Sơn Hiệp, mở rộng chợ Sơn Bình, chợ Thành Sơn.

### *h. Đất di tích lịch sử văn hóa*

- Diện tích năm 2015: 0 ha.
- Diện tích quy hoạch đến năm 2020 được duyệt: 0 ha.
- Diện tích điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020: 162,06 ha, tăng 152,06 ha so với năm 2015, trong đó:

- + Diện tích cấp tỉnh phân bổ: 162 ha
- + Diện tích huyện xác định: huyện không xác định.
- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 0 ha.
- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang: 152,06 ha; chuyển từ các mục đích: đất trồng cây hàng năm 0,11 ha, đất trồng cây lâu năm 1,53 ha, đất rừng sản xuất 130,21 ha, đất ở nông thôn 0,01 ha, đất ở đô thị 0,20 ha, đất chưa sử dụng 30,0 ha.

Đất di tích lịch sử văn hóa tăng do trong kỳ điều chỉnh quy hoạch bố trí quỹ đất để thực hiện các hạng mục: di tích lịch sử đàn đá Khánh Sơn (TT Tô Hạp), khu căn cứ cách mạng thị trấn Tô Hạp và Sơn Bình (Quyết định số 2855/QĐ-UBND ngày 18/11/2008 của UBND tỉnh Khánh Hòa), khu sinh hoạt chính trị truyền thống công an tỉnh Khánh Hòa.

**(Chi tiết xem phụ biểu 04 kèm báo cáo)**

*i. Đất danh lam thắng cảnh*

- Diện tích năm 2015: 4,80 ha.
- Diện tích điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020: 8,30 ha, tăng 3,5 ha so với năm 2015 và, trong đó:
  - + Diện tích cấp tỉnh phân bổ: 8 ha.
  - + Diện tích huyện xác định bổ sung: huyện không xác định bổ sung.
  - Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 4,80 ha;
  - Diện tích từ các mục đích khác chuyển sang 3,53 ha, chuyển từ mục đích đất trồng cây lâu năm.

Đất danh lam thắng cảnh tăng do xây dựng thác nước cảnh quan Cây Đa xã Ba Cùm Bắc.

*j. Đất bãi thải, xử lý chất thải*

- Diện tích năm 2015: 3,27 ha.
- Diện tích quy hoạch đến năm 2020 được duyệt: 14,29 ha.
- Diện tích điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020: 10,7 ha, tăng 7,43 ha so với năm 2015 và, trong đó:
  - + Diện tích cấp tỉnh phân bổ: 11 ha.
  - + Diện tích huyện xác định bổ sung: huyện không xác định bổ sung.
  - Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 2,54 ha; trong đó diện tích giảm trong kỳ điều chỉnh 0,73 ha, chuyển sang đất giao thông 0,02 ha, đất nghĩa địa 0,71 ha.
  - Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang: 8,16 ha; chuyển từ các mục đích: đất trồng cây hàng năm 1,11 ha, đất trồng cây lâu năm 1,32 ha, đất rừng sản xuất 5,56 ha, đất bằng chưa sử dụng 0,17 ha.

Điều chỉnh đến năm 2020, đất bãi thải xử lý rác thải giảm 3,59 ha so với quy hoạch đến năm 2020 được duyệt; giảm do điều chỉnh lại diện tích bãi tập kết xử lý rác thải của xã Sơn Lâm, Ba Cùm Nam, Thành Sơn so với diện tích bố trí trong phương án quy hoạch được duyệt)

Đất bãi thải xử lý chất thải trong kỳ điều chỉnh quy hoạch bố trí quỹ đất để thực hiện các hạng mục: bãi rác của huyện tại xã Sơn Trung, bãi rác Thành Sơn, bãi rác Sơn Bình, mở rộng bãi rác Sơn Lâm, bãi rác Ba Cùm Nam.

**(Chi tiết xem phụ biểu 10 kèm báo cáo thuyết minh)**

*k. Đất ở tại nông thôn*

- Diện tích năm 2015: 127,57 ha.  
- Diện tích quy hoạch đến năm 2020 được duyệt: 205,78 ha.  
- Diện tích điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020: 198,41 ha, tăng 70,84 ha so với năm 2015, trong đó:

+ Diện tích cấp tỉnh phân bổ: 198 ha.

+ Diện tích huyện xác định bổ sung: huyện không xác định bổ sung.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 109,12 ha; trong đó diện tích giảm trong kỳ điều chỉnh 18,45 ha; giảm do chuyển sang sử dụng các mục đích: đất an ninh 0,08 ha, đất thương mại dịch vụ 1,20 ha, đất cơ sở sản xuất kinh doanh 1,58 ha, đất phát triển hạ tầng 14,80 ha, đất danh thắng 0,01 ha, đất trụ sở 0,02 ha, đất trụ sở tổ chức sự nghiệp 0,35 ha, đất sinh hoạt cộng đồng 0,41 ha.

- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang đất ở nông thôn: 89,29 ha, chuyển từ các mục đích: đất trồng lúa 5,25 ha, đất trồng cây hàng năm khác 33,49 ha, đất trồng cây lâu năm 39,87 ha, đất rừng sản xuất 6,69 ha, đất nuôi trồng thủy sản 0,01 ha, đất phát triển hạ tầng 2,98 ha, đất trụ sở cơ quan 0,15 ha, đất sinh hoạt cộng đồng 0,02 ha, đất sông suối 0,52 ha, đất chưa sử dụng 0,31 ha.

- Điều chỉnh đến năm 2020, đất ở nông thôn giảm 7,37 ha so với quy hoạch đến năm 2020 được duyệt; do giảm diện tích đất để mở rộng một số điểm dân cư ở xã Sơn Lâm, Sơn Hiệp, Sơn Bình, Ba Cùm Nam so với quy hoạch được duyệt.

**(Chi tiết mở rộng các điểm dân cư nông thôn xem phụ biểu 09):**

*l. Đất ở tại đô thị*

- Diện tích năm 2015: 15,99 ha.

- Diện tích quy hoạch đến năm 2020 được duyệt: 35,06 ha.

- Diện tích điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020: 26,71 ha, tăng 10,72 ha so với năm 2015; trong đó:

+ Diện tích cấp tỉnh phân bổ: 24 ha.

+ Diện tích huyện xác định bổ sung: 3 ha do xác định thêm diện tích đất nông nghiệp chuyển sang đất ở đô thị tại tổ dân phố Hạp Cường và thôn Tà Lương.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 14,43 ha; trong đó diện tích giảm trong kỳ điều chỉnh 1,56 ha, chuyển sang sử dụng mục đích: đất thương mại dịch vụ 0,07 ha, đất phát triển hạ tầng 0,77 ha, đất di tích danh thắng 0,20 ha.

- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang: 12,28 ha, chuyển từ các mục đích: đất trồng lúa 0,84 ha, đất trồng cây hàng năm khác 4,88 ha, đất trồng

cây lâu năm 4,77 ha, đất rừng sản xuất 1,47 ha, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 0,07 ha, đất chưa sử dụng 0,25 ha.

- Điều chỉnh đến năm 2020, đất ở đô thị giảm 8,35 ha so với quy hoạch được duyệt; giảm do điều chỉnh xác định lại diện tích mở rộng đất ở tại thị trấn Tô Hạp đến năm 2020.

Đất ở đô thị tăng do trong kỳ điều chỉnh quy hoạch mở rộng các điểm dân cư đô thị theo Đồ án Quy hoạch xây dựng thị trấn Tô Hạp.

***m. Đất xây dựng trụ sở cơ quan***

- Diện tích năm 2015: 10,14 ha.

- Diện tích quy hoạch đến năm 2020 được duyệt: 10,30 ha

- Diện tích điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020: 10,07 ha, giảm 0,07 ha so với hiện trạng 2015, trong đó:

+ Diện tích cấp tỉnh phân bổ: 10 ha

+ Diện tích huyện xác định bổ sung: huyện không xác định.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 8,73 ha; trong đó diện tích giảm trong kỳ điều chỉnh 1,41 ha, giảm do chuyển sang sử dụng mục đích: đất cơ sở giáo dục 0,39 ha, đất ở nông thôn 0,15 ha, đất trụ sở của tổ chức sự nghiệp 0,40 ha, đất sinh hoạt cộng đồng 0,12 ha.

- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang: 0,98 ha, chuyển từ đất trồng cây hàng năm khác 0,90 ha, đất trồng cây lâu năm 0,28 ha, đất phát triển hạ tầng 0,14 ha, đất ở nông thôn 0,02 ha.

- Điều chỉnh đến năm 2020, đất trụ sở cơ quan giảm 0,23 ha so với quy hoạch đến năm 2020 được duyệt; giảm do điều chỉnh quy hoạch xác định thêm diện tích đất của Trung tâm bảo trợ xã hội chuyển sang xây dựng Mầm non Sao Mai tại xã Ba Cùm Bắc.

Đất xây dựng trụ sở cơ quan tăng do trong kỳ điều chỉnh bố trí quỹ đất thực hiện các hạng mục:

+ Đất trụ sở theo quy hoạch xây dựng thị trấn Tô Hạp: 0,90 ha;

+ Mở rộng trụ sở UBND xã Ba Cùm Bắc: 0,08 ha;

+ Trạm quản lý và bảo vệ rừng khu bảo tồn thiên nhiên Hòn Bà (trạm y tế xã Sơn Hiệp cũ), diện tích 0,06 ha.

+ Xây dựng trụ sở UBND xã Thành Sơn: 0,30 ha.

***n. Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp***

- Diện tích năm 2015: 0,26 ha.

- Diện tích điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020: 1,24 ha, tăng 0,98 ha so với năm 2015, trong đó:

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 0,26 ha.

- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang: 0,97 ha; chuyển từ mục đích: đất ở nông thôn 0,35 ha, đất ở đô thị 0,07 ha, đất trụ sở cơ quan 0,40 ha.

Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp tăng do điều chỉnh quy hoạch bố trí quỹ đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp tại TT Tô Hạp.

*o. Đất cơ sở tôn giáo*

- Diện tích năm 2015: 3,99 ha.
  - Diện tích quy hoạch đến năm 2020 được duyệt: 2,50 ha.
  - Diện tích điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020: 5,98 ha, tăng 1,99 ha so với năm 2015 và trong đó:
    - + Diện tích cấp tỉnh phân bổ: 5 ha.
    - + Diện tích huyện xác định bổ sung: 1 ha do xác định thêm quỹ đất xây dựng cơ sở tôn giáo tại xã Sơn Trung và mở rộng chùa Long Sơn.
  - Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 3,99 ha.
  - Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang: 1,99 ha; chuyển từ các mục đích: đất trồng cây hàng năm 0,50 ha, đất rừng sản xuất 1,49 ha.
  - Điều chỉnh đến năm 2020, đất cơ sở tôn giáo tăng 3,28 ha so với quy hoạch đến năm 2020 được duyệt, tăng do xác định thêm diện tích mở rộng chùa Long Sơn và Giáo xứ Khánh Sơn (xã Sơn Trung).
- Đất cơ sở tôn giáo tăng do bố trí quỹ đất thực hiện các hạng mục:
- + Mở rộng chùa Long Sơn: 1,49 ha;
  - + Giáo xứ Khánh Sơn xã Sơn Trung: 0,50 ha.

*p. Đất nghĩa trang, nghĩa địa*

- Diện tích năm 2015: 14,32 ha.
  - Diện tích quy hoạch đến năm 2020 được duyệt: 16,77 ha
  - Diện tích điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020: 22,29 ha, tăng 7,97 ha so với năm 2015, trong đó:
    - + Diện tích cấp tỉnh phân bổ: 22 ha
    - + Diện tích huyện xác định bổ sung: huyện không xác định bổ sung.
  - Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 11,92 ha; trong đó diện tích giảm trong kỳ điều chỉnh 2,40 ha, giảm do chuyển sang sử dụng các mục đích: đất phát triển hạ tầng 0,40 ha, đất phi nông nghiệp khác 2,0 ha.
  - Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang: 10,37 ha; chuyển từ các mục đích: đất trồng cây hàng năm 1,32 ha, đất trồng cây lâu năm 4,73 ha, đất rừng sản xuất 3,49 ha, đất bãi thải xử lý chất thải 0,71 ha, đất chưa sử dụng 0,12 ha.
  - Điều chỉnh đến năm 2020, đất nghĩa địa tăng 5,52 ha so với quy hoạch đến năm 2020 được duyệt; tăng do điều chỉnh quy hoạch xác định thêm quỹ đất để bố trí nghĩa địa Ba Cùm Nam, Thành Sơn, Sơn Lâm, Sơn Hiệp.
- Đất nghĩa địa tăng do bố trí quỹ đất thực hiện các hạng mục: quy hoạch nghĩa địa xã Ba Cùm Bắc, nghĩa địa xã Sơn Trung, nghĩa địa xã Sơn Bình, nghĩa địa xã Sơn Lâm, nghĩa địa xã Thành Sơn.



*r. Đất sản xuất vật liệu xây dựng*

- Diện tích năm 2015: 0 ha.

- Diện tích quy hoạch đến năm 2020 được duyệt: 19,0 ha.

- Diện tích điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020: 3,89 ha, tăng 3,89 ha so với năm 2015, trong đó:

+ Diện tích cấp tỉnh phân bổ: cấp tỉnh không phân bổ chỉ tiêu đất vật liệu xây dựng.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 0 ha.

- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang: 3,89 ha; chuyển từ các mục đích: đất trồng cây hàng năm khác 1,75 ha, đất sông suối 1,63 ha, đất chưa sử dụng 0,51 ha.

- Điều chỉnh đến năm 2020, đất vật liệu xây dựng giảm 15,11 ha so với quy hoạch được duyệt, giảm do không đưa diện tích đất sản lập công trình tại xã Sơn Trung và Ba Cạm Bắc vào trong kỳ điều chỉnh đến năm 2020.

Đất vật liệu xây dựng tăng trong kỳ điều chỉnh, do bố trí quỹ đất thực hiện khu khai thác cát tại xã Sơn Bình và xã Sơn Lâm.

*s. Đất sinh hoạt cộng đồng*

- Diện tích năm 2015: 4,52 ha.

- Diện tích điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020: 5,79 ha, tăng 1,27 ha so với năm 2015, trong đó:

+ Diện tích cấp tỉnh phân bổ: cấp tỉnh không phân bổ chỉ tiêu đất sinh hoạt cộng đồng.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 4,26 ha; trong đó diện tích giảm trong kỳ điều chỉnh 0,26 ha.

- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang: 1,53 ha; chuyển từ các mục đích: đất trồng cây hàng năm khác 0,16 ha, đất trồng cây lâu năm 0,61 ha, đất nuôi trồng thủy sản 0,02 ha, đất phát triển hạ tầng 0,21 ha, đất ở nông thôn 0,41 ha, đất trụ sở 0,12 ha.

Đất sinh hoạt cộng đồng tăng do điều chỉnh quy hoạch bố trí quỹ đất thực hiện các hạng nhà sinh hoạt cộng đồng còn thiếu của các xã, thị trấn.

**(Chi tiết xem phụ biểu 04 kèm báo cáo chính).**

*t. Đất khu vui chơi, giải trí công cộng*

- Diện tích năm 2015: 0 ha.

- Diện tích điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020: 3,26 ha, tăng 3,26 ha so với năm 2015, trong đó:

- Diện tích từ các mục đích khác chuyển sang: 3,26 chuyển từ mục đích: đất trồng cây hàng năm khác 0,83 ha, đất trồng cây lâu năm 1,89 ha, đất phát triển hạ tầng 0,43 ha.

Đất khu vui chơi giải trí tăng do trong kỳ điều chỉnh bố trí quỹ đất thực hiện các khu công viên cây xanh theo quy hoạch xây dựng thị trấn Tô Hạp và quy hoạch trung tâm các xã.

*u. Đất sông, ngòi, suối*

- Diện tích năm 2015: 481,62 ha.
- Diện tích điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020: 465,48 ha, giảm 16,14 ha so với năm 2015, trong đó:
  - Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 465,48 ha.

*v. Đất có mặt nước chuyên dùng*

- Diện tích năm 2015: 0,56 ha.
- Diện tích điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020: 0,56 ha, ổn định so với hiện trạng 2015.

*đ. Đất phi nông nghiệp khác.*

- Diện tích năm 2015: 0 ha.
- Diện tích điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020: 6,52 ha, tăng 6,52 ha so với năm 2015, trong đó:
  - Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 0 ha.
  - Diện tích từ các mục đích khác chuyển sang: 6,52 ha; tăng từ các mục đích: đất trồng cây hàng năm khác 2,52 ha, đất trồng cây lâu năm 1,34 ha, đất giao thông 0,17 ha, đất ở đô thị 0,45 ha, đất nghĩa địa 2,0 ha, đất sông suối 0,04 ha.

Đất phi nông nghiệp khác đến năm 2020 tăng do bố trí quỹ đất dự phòng cho xây dựng công trình công cộng theo quy hoạch xây dựng thị trấn Tô Hạp.

*2.2.3.3. Đất chưa sử dụng*

- Diện tích năm 2015: 6.310,35 ha.
- Diện tích quy hoạch đến năm 2020 được duyệt: 2.235,49 ha
- Diện tích điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020: 4.460,59 ha, giảm 1.849.96 ha so với năm 2015, trong đó:
  - Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 4.460,59 ha.
  - Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang: 0 ha.
  - Điều chỉnh đến năm 2020, đất chưa sử dụng tăng 2.25,10 ha so với quy hoạch đến năm 2020 được duyệt; tăng do thay đổi kế hoạch trồng, khoanh nuôi tái sinh rừng trên đất chưa sử dụng ở các xã.

*2.2.3.4. Đất đô thị*

- Diện tích năm 2015: 1.677,46 ha.
- Diện tích quy hoạch đến năm 2020 được duyệt: 1.677,46 ha
- Diện tích điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020: 1.677,46 ha, ổn định so với hiện trạng 2015, trong đó:
  - + Diện tích cấp tỉnh phân bổ: 1667 ha.
  - + Diện tích huyện xác định: huyện không xác định thêm.

#### 2.2.4. Điều chỉnh diện tích đất chuyển mục đích sử dụng phải xin phép trong kỳ quy hoạch

- Đất nông nghiệp chuyển sang sử dụng mục đích phi nông nghiệp: Tổng diện tích đất nông nghiệp chuyển sang sử dụng mục đích phi nông nghiệp trong kỳ điều 439,03 ha, trong đó:

- + Đất trồng lúa chuyển sang phi nông nghiệp: 11,66 ha;
- + Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang phi nông nghiệp: 87,62 ha;
- + Đất trồng cây lâu năm: 121,10 ha;
- + Đất rừng sản xuất: 218,57 ha;
- + Đất nuôi trồng thủy sản: 0,08 ha.

- Chuyển đổi trong nội bộ cơ cấu đất nông nghiệp:

- + Đất trồng lúa chuyển sang trồng cây lâu năm 67,87 ha;
- + Đất rừng sản xuất chuyển sang đất trồng cây lâu năm 385,86 ha;
- Đất phi nông nghiệp không phải đất ở chuyển sang đất ở: 3,67 ha.

(Ghi chú: Chi tiết chia theo các đơn vị cấp xã, thị trấn xem biểu 04/CH).

#### 2.2.5. Điều chỉnh diện tích đất chưa sử dụng đưa vào khai thác sử dụng

Trong kỳ điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 sẽ khai thác 1.849,97 ha đất chưa sử dụng để sử dụng mục đích nông nghiệp và phi nông nghiệp, trong đó:

- Khai thác sử dụng mục đích nông nghiệp: 1.802,11 ha;
- Khai thác sử dụng mục đích phi nông nghiệp: 47,86 ha.

Cụ thể như sau:

*Bảng 11: Diện tích đất chưa sử dụng khai thác vào mục đích NN và phi NN*

STT	Mục đích sử dụng	Mã	Diện tích khai thác sử dụng cho các mục đích
	<b>Tổng cộng (1+2)</b>		<b>1.849,97</b>
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>1.802,11</b>
1.1	Đất rừng phòng hộ	RPH	1.122,84
1.2	Đất rừng sản xuất	RSX	679,27
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>47,86</b>
2.1	Đất quốc phòng	CQP	0,04
2.2	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	16,46
-	Đất giao thông	DGT	4,37
-	Đất thủy lợi	DTL	12,00
-	Đất cơ sở văn hóa	DVH	0,05
-	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	DGD	0,04
2.3	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	30,00
2.4	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	0,17
2.5	Đất ở tại nông thôn	ONT	0,31
2.6	Đất ở tại đô thị	ODT	0,25
2.7	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ	NTD	0,12
2.8	Đất sản xuất VLXD, làm đồ gốm	SKX	0,51

(Ghi chú: Chi tiết chia theo các đơn vị cấp xã, thị trấn xem biểu 05/CH)

### **2.3. Chỉ tiêu các khu chức năng**

Theo phân định chức năng, trên địa bàn huyện có 8 khu vực chức năng chính, cụ thể như sau:

#### **2.3.1. Khu vực chuyên trồng cây lâu năm**

Khu vực chuyên trồng cây lâu năm có diện tích 3.796,47 ha; trong đó đất chuyên trồng cây lâu năm có 2.962,70 ha, chiếm 78,04% diện tích đất trồng cây lâu năm của toàn huyện. Khu vực trồng cây lâu năm chủ yếu bố trí trên đất có địa hình cao, có độ dốc từ 10- 25<sup>0</sup>. Khu vực chuyên trồng cây lâu năm phân bố ở tất cả các xã, thị trấn nhưng tập trung nhiều ở xã Ba Cạm Bắc, xã Sơn Bình, Sơn Lâm, Sơn Hiệp. Khu vực trồng cây lâu năm được trồng chuối, sầu riêng, cà phê, chôm chôm, bưởi da xanh và các loại cây ăn quả khác.

#### **2.3.2. Khu vực rừng phòng hộ**

Khu vực rừng phòng hộ của huyện có diện tích 13.722,85 ha, chiếm 40,54% diện tích tự nhiên; trong đó diện tích đất rừng phòng hộ có 12.891,76 ha, chiếm 93,94%. Khu vực rừng phòng hộ phân bố ở tất cả các xã, thị trấn được bố trí theo quy hoạch phát triển lâm nghiệp của tỉnh, trong đó khu vực có diện tích lớn thuộc các xã: Thành Sơn (4.009,85 ha), Sơn Lâm (3.078,65 ha), Sơn Bình (2.379,02 ha), Ba Cạm Nam (1.961,86 ha)...

#### **2.3.3. Khu vực rừng đặc dụng**

Khu vực rừng đặc dụng của huyện là diện tích rừng đặc dụng thuộc khu bảo tồn thiên nhiên Hòn Bà, phân bố khu vực phía Đông Bắc của huyện. Khu vực rừng đặc dụng có diện tích 1.909,82 ha (đất rừng đặc dụng có 1.881,65 ha, chiếm 98,52% diện tích của khu vực), được phân bố ở 3 xã: Sơn Trung, Sơn Hiệp và Sơn Bình.

#### **2.3.4. Khu vực rừng sản xuất**

Khu vực rừng sản xuất có diện tích 9.885,44 ha, chiếm 29,2% diện tích tự nhiên của toàn huyện; trong đó diện tích rừng sản xuất có 7.319,68 ha, chiếm 74,05% diện tích của khu vực. Khu vực rừng sản xuất được phân bố ở tất cả các xã, thị trấn nhưng tập trung nhiều ở xã Ba Cạm Nam (1.895,56ha), Ba Cạm Bắc (1.751,56 ha), Sơn Hiệp (1.177,17 ha), Sơn Lâm (1.436,44 ha), Sơn Bình (974,26 ha)... Đất rừng sản chủ yếu được bố trí ở độ dốc trên 25<sup>0</sup>, tầng đất mỏng, hiện là rừng tự nhiên sản xuất hoặc rừng trồng nguyên liệu (trồng keo).

#### **2.3.5. Khu vực cụm công nghiệp**

Bố trí tại xã Sơn Bình, khu vực cụm công nghiệp có diện tích 10,0 ha, chiếm 0,03% diện tích tự nhiên, khu vực cụm công nghiệp của huyện được bố trí để thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực chế biến nông lâm sản, khai thác vật liệu xây dựng...sử dụng nguồn nguyên liệu sẵn có của huyện.

### **2.3.6. Khu đô thị, thương mại, dịch vụ**

Tập trung tại thị trấn Tô Hạp, khu đô thị thương mại dịch vụ có diện tích 289,63 ha, chiếm 0,86% diện tích tự nhiên của toàn huyện (tập trung đất ở đô thị, đất xây dựng trụ sở cơ quan công trình sự nghiệp, đất cơ sở sản xuất kinh doanh, thương mại dịch vụ tại thị trấn Tô Hạp); khu đô thị thương mại dịch vụ đang được đầu tư nâng cấp để đạt chuẩn đô thị loại IV.

### **2.3.7. Khu du lịch**

Bố trí tại khu vực thôn Tà Gụ xã Sơn Hiệp (gồm diện tích của thác Tà Gụ và hạ tầng khu du lịch thác Tà Gụ), diện tích khu du lịch của huyện có quy mô 18,02 ha, chiếm 0,05% diện tích tự nhiên của toàn huyện.

### **2.3.8. Khu ở, làng nghề, SXPN nông thôn**

Khu ở, làng nghề, sản xuất phi nông nghiệp nông thôn được bố trí ở 7 xã, tổng diện tích khu ở làng nghề có quy mô 1.400,87 ha, chiếm 4,14% diện tích tự nhiên của toàn huyện; trong khu ở làng nghề bao gồm đất ở, đất nông nghiệp xen kẽ trong khu dân cư và đất bố trí xây dựng các công trình hạ tầng kinh tế, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội phục vụ cho sản xuất và đời sống của dân cư 7 xã của huyện.

*(Chi tiết diện tích các khu vực chức năng xem biểu 11/CH)*

## **III/ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG**

### **3.1. Đánh giá tác động của phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến nguồn thu từ việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và chi phí cho việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư**

- Tổng nguồn thu từ việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất trong kỳ điều chỉnh quy hoạch đạt 207,66 tỷ đồng.
- Tổng chi phí cho việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: 165,96 tỷ đồng.
- Cân đối: dư 41,69 tỷ đồng/05 năm *(Chi tiết xem phụ biểu 02)*.

### **3.2. Đánh giá tác động của phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến khả năng bảo đảm an ninh lương thực**

Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của huyện Khánh Sơn bố trí quỹ đất trồng lúa 50,0 ha; với diện tích như trên sản lượng lúa bình quân hàng năm khoảng 500 tấn lúa.

Với tổng sản lượng lúa như trên thì huyện chỉ có thể đảm bảo được 10% nhu cầu lương thực; sản lượng lương thực còn lại phải đi mua từ nơi khác. Tuy nhiên do giá trị kinh tế thu được từ 1,0 ha trồng cây ăn quả trên địa bàn huyện là rất cao (trung bình khoảng 200 triệu đồng/ha/năm) nên kinh phí để mua lương thực của các hộ dân là hoàn toàn chủ động.

### **3.3. Đánh giá tác động của phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đối với việc giải quyết quỹ đất ở, mức độ ảnh hưởng đến đời sống các hộ dân**

## **phải di dời chỗ ở, số lao động phải chuyển đổi nghề nghiệp do chuyển mục đích sử dụng đất**

- Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 đã bố trí mở rộng thêm 75,19 ha đất ở nông thôn và 10,20 ha đất ở đô thị tại thị trấn Tô Hạp để bố trí cho các hộ có nhu cầu đất ở phát sinh trong kỳ điều chỉnh quy hoạch và đất ở cho các hộ dân bị giải tỏa khi thực hiện các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kinh tế, hạ tầng kỹ thuật như: xây dựng kè Tô Hạp, xây dựng đường D9, khu liên hợp thể thao, tái định cư khu dân cư đĩnh đèo và các hộ dân phát sinh trong kỳ điều chỉnh quy hoạch...

- Theo phương án điều chỉnh quy hoạch, diện tích đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp 439,03 ha (trong đó: đất trồng lúa chuyển sang đất phi nông nghiệp 11,66 ha, đất trồng cây hàng năm khác sang phi nông nghiệp 87,62 ha, đất trồng cây lâu năm 121,10 ha, đất rừng sản xuất 218,57 ha, đất nuôi trồng thủy sản 0,08 ha). Tuy nhiên, diện tích thu hồi của từng hộ dân là không lớn nên áp lực về chuyển đổi nghề của huyện so với các huyện đồng bằng sẽ thấp hơn.

### **3.4. Đánh giá tác động của phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến quá trình đô thị hóa và phát triển hạ tầng**

Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất của huyện Khánh Sơn đến năm 2020 đã xác định việc đầu tư xây dựng nâng cấp mở rộng thị trấn Tô Hạp, quỹ đất bố trí dân cư, xây dựng cơ sở hạ tầng để đầu tư xây dựng thị trấn Tô Hạp đạt tiêu chuẩn đô thị loại 4 theo quy hoạch đô thị của tỉnh Khánh Hòa đã đề ra; đồng thời điều chỉnh cũng xác định quỹ đất để xây dựng các công trình hạ tầng chính như: mở rộng tỉnh lộ 9, xây dựng hồ Sơn Trung, xây dựng cụm công nghiệp Sơn Bình, khu tái định cư Dốc Trầu, đường D9....

### **3.5. Đánh giá tác động của phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất việc tôn tạo di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, bảo tồn văn hoá các dân tộc**

Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đã bố trí quỹ đất xây dựng và bảo vệ các khu di tích lịch sử căn cứ cách mạng theo Quyết định số 2855/QĐ-UBND ngày 18/11/2008 của UBND tỉnh Khánh Hòa, khu di tích lịch sử đàn đá Khánh Sơn, khu nhà Truyền thống công an tỉnh, đất xây dựng thắng cảnh thác Tà Gụ...việc bố trí đủ quỹ đất sử dụng mục đích di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh đã góp phần phát huy giá trị các di tích lịch sử -văn hóa, danh lam thắng cảnh trên địa bàn huyện phục vụ bảo tồn, bảo vệ các di tích lịch sử văn hóa trên địa bàn huyện.

### **3.6. Đánh giá tác động của phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến khả năng khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên; yêu cầu bảo tồn, phát triển diện tích rừng và tỷ lệ che phủ**

- Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất của huyện Khánh Sơn đến năm 2020 đã tính toán quỹ đất bố trí đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất theo quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng của tỉnh, của huyện để đảm bảo độ che phủ rừng ở mức 65% trở lên; ngoài ra đã chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo khả năng thích nghi với từng loại cây trồng theo hướng sản xuất hàng hóa và bảo vệ

môi trường như: chuyển các vùng đất canh tác nương rẫy trên đất dốc sang trồng rừng, trồng cây lâu năm... để nâng cao hiệu quả sử dụng đất và giải quyết nhu cầu đất sản xuất cho các vùng thiếu đất sản xuất nông nghiệp.

- Theo phương án điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất, đến năm 2020 diện tích đất lâm nghiệp trên địa bàn huyện có 22.563,97 ha, chiếm 66,65% diện tích tự nhiên (rừng phòng hộ có 12.891,76 ha, rừng đặc dụng có 1.181,65 ha, rừng sản xuất có 7.790,32 ha) từ đó góp bảo vệ đất và môi trường, giảm thiểu tác hại của biến đổi khí hậu đến đời sống của người dân.

### Phần III

## KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2016

Kế hoạch sử dụng đất năm 2016 huyện Khánh Sơn được lập cùng với Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất kỳ cuối 2016 - 2020 huyện Khánh Sơn.

Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất kỳ cuối huyện Khánh Sơn được lập căn cứ vào chỉ tiêu phân bổ Điều chỉnh quy hoạch kỳ cuối (2016-2020) của tỉnh Khánh Hòa phân bổ cho huyện Khánh Sơn. Tuy nhiên, Điều chỉnh quy hoạch kỳ cuối tỉnh Khánh Hòa mới được Chính phủ phê duyệt tại Nghị quyết số 48/NQ-CP ngày 9 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ; tỉnh Khánh Hòa có Công văn số 5260/UBND-XDND ngày 19/5/2018 của UBND tỉnh về phân bổ chính thức chỉ tiêu điều chỉnh quy hoạch kỳ cuối 2016 - 2020 cấp huyện.

Để có căn cứ pháp lý trong việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất năm 2016, năm 2017, năm 2018 Bộ Tài nguyên và Môi trường đã có Văn bản số 3321/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 05/8/2016 về việc lập Kế hoạch sử dụng đất cấp huyện. Theo văn bản trên, khi chưa phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thì cấp huyện vẫn tiến hành lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm để trình UBND tỉnh phê duyệt vào trước ngày 31/12 của năm trước; các công trình phát sinh trong kế hoạch được cập nhật vào Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất kỳ cuối trước khi trình phê duyệt.

Kế hoạch sử dụng đất năm 2016 của huyện Khánh Sơn được UBND tỉnh Khánh Hòa phê duyệt tại Quyết định số 3938/QĐ-UBND ngày 31/12/2015; các chỉ tiêu chính của Kế hoạch sử dụng đất năm 2016 như sau:

### 1. Chỉ tiêu sử dụng đất năm 2016

Bảng 12: Chỉ tiêu Kế hoạch sử dụng đất năm 2016 huyện Khánh Sơn

STT	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích hiện trạng 2015 (ha)	Diện tích kế hoạch 2016 (ha)	Tăng (+), giảm (-)
	<b>TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN</b>		<b>33.852,78</b>	<b>33.852,78</b>	
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>25.956,04</b>	<b>26.129,44</b>	<b>173,40</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUA	175,38	174,31	-1,07
	<i>Trong đó: đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>161,64</i>	<i>160,73</i>	<i>-0,91</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	1.306,29	1.279,25	-27,04
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	3.114,94	3.093,69	-21,25
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	11.862,99	11.890,53	27,54

1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	2.329,62	2.329,62	
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	7.150,31	7.345,26	194,95
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	16,51	16,78	0,27
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>1.585,49</b>	<b>1.663,87</b>	<b>78,38</b>
2.1	Đất quốc phòng	CQP	689,12	690,83	1,71
2.2	Đất an ninh	CAN	1,70	1,70	
2.3	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	0,40	13,55	13,15
2.4	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	0,61	0,61	
2.5	Đất cho hoạt động khoáng sản	SKS		-	
2.6	Đất phát triển HT	DHT	227,87	283,87	56,00
	Trong đó				
-	Đất cơ sở văn hóa	DVH	1,49	1,89	0,40
-	Đất cơ sở y tế	DYT	2,41	2,54	0,13
-	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	DGD	22,33	22,66	0,33
-	Đất cơ sở thể dục - thể thao	DTT	3,55	5,10	1,55
2.7	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDL		1,67	1,67
2.8	Đất danh lam thắng cảnh	DDT	4,80	4,80	
2.9	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	3,27	3,94	0,67
2.10	Đất ở tại nông thôn	ONT	127,43	132,15	4,72
2.11	Đất ở tại đô thị	ODT	15,98	16,93	0,95
2.12	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	8,97	9,08	0,11
2.13	Đất XD trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,63	0,63	
2.14	Đất cơ sở tôn giáo	TON	2,50	2,50	
2.15	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa,	NTD	14,42	15,50	1,08
2.16	Đất sản xuất VLXD, làm đồ gốm	SKX	2,30	2,03	-0,27
2.17	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	3,29	3,65	0,36
2.18	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	481,64	479,87	-1,77
<b>3</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>	<b>CSD</b>	<b>6.311,25</b>	<b>6.059,47</b>	<b>-251,78</b>
<b>4</b>	<b>Đất đô thị*</b>	<b>KDT</b>	<b>1.677,46</b>	<b>1.677,46</b>	

(Chi tiết phân bố đến các xã xem biểu 07 KH)

## 2. Diện tích phải thu hồi đất năm 2016

Bảng 13: Diện tích phải thu hồi đất năm 2016 của huyện Khánh Sơn

STT	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích (ha)
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>51,21</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUA	0,64
-	Trong đó: đất chuyên trồng lúa nước	LUC	0,62
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	17,28
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	15,18
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	2,46
1.5	Đất rừng sản xuất	RSX	15,55
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	0,10
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>3,41</b>
2.1	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	0,67
	Trong đó:		
-	Đất giao thông	DGT	0,44
-	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	DGD	0,11
-	Đất cơ sở thể dục - thể thao	DTT	0,12



STT	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích (ha)
2.2	Đất ở tại nông thôn	ONT	0,51
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0,13
2.4	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1,62

(Chi tiết diện tích thu hồi đất đến các xã xem biểu 08/KH)

### 3. Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất năm 2016

Bảng 14: Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất năm 2016 huyện Khánh Sơn

TT	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích (ha)
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp</b>	<b>NNP/PNN</b>	<b>67,99</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	1,07
	<i>Tr. đó: đất chuyên lúa nước</i>	<i>LUC/PNN</i>	<i>0,91</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	27,53
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	21,25
1.4	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	15,55
1.5	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	0,13
<b>2</b>	<b>Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp, PNN</b>		<b>0,51</b>
2.1	Đất trồng cây HN chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	HNK/NTS	0,40
2.2	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	0,11

(Chi tiết diện tích chuyển mục đích sử dụng đất đến các xã xem biểu 08/KH)

### 4. Khai thác đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng các mục đích năm 2016

Bảng 15: Khai thác đất chưa sử dụng đưa vào khai thác sử dụng năm 2016

STT	Mục đích sử dụng	Mã	Diện tích (ha)
	<b>Tổng cộng</b>		<b>251,78</b>
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>240,50</b>
1.1	Đất rừng phòng hộ	RPH	30,00
1.2	Đất rừng sản xuất	RSX	210,50
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>11,28</b>
2.1	Đất quốc phòng	CQP	0,02
2.2	Đất phát triển hạ tầng	DHT	8,89
-	<i>Đất giao thông</i>	<i>DGT</i>	<i>8,58</i>
-	<i>Đất thủy lợi</i>	<i>DTL</i>	<i>0,31</i>
2.3	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	0,67
2.4	Đất ở tại đô thị	ODT	0,02
2.5	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	1,21
2.6	Đất sản xuất VLXD, làm đồ gốm	SKX	0,47

(Chi tiết khai thác đất chưa sử dụng, đưa vào sử dụng các xã xem biểu 08/KH)

## Phần IV

### GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

#### 1. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường

- Thực hiện tốt các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường như: Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 và các Nghị định của Chính phủ, Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá

tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường khi thực hiện các dự án đầu tư (đánh giá chất lượng môi trường trước khi thực hiện dự án và sau khi thực hiện dự án hàng năm để có giải pháp xử lý kịp thời).

- Đẩy mạnh trồng rừng phủ xanh đất trống đồi núi trọc và trồng lại rừng trên đất rừng đã khai thác để tăng độ che phủ đất, bảo vệ đất và môi trường sinh thái; giảm thiểu thoái hóa, ô nhiễm đất.

- Trong sản xuất nông nghiệp cần áp dụng các biện pháp canh tác luân canh, canh tác trên đất dốc... đầu tư cân đối các loại phân bón, trong đó chú trọng bón các loại phân hữu cơ, phân vi sinh để cải tạo độ phì nhiêu đất và nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

- Cụm công nghiệp Sơn Bình, khu tiểu thủ công nghiệp Sơn Trung; các cơ sở sản xuất kinh doanh phải có phương án xử lý chất thải để tránh gây ô nhiễm môi trường; cần phải thường xuyên thanh tra, kiểm tra và xử phạt các cơ sở gây ô nhiễm môi trường.

- Khi đầu tư xây dựng mở rộng dân cư thị trấn, xây dựng cụm công nghiệp Sơn Bình, khu tiểu thủ công nghiệp Sơn Trung cần xây dựng phương án xử lý chất thải rắn, nước thải đúng theo quy định trước khi thải ra môi trường.

## **2. Giải pháp về tổ chức thực hiện điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất**

- Thực hiện công bố công khai điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất của huyện sau khi được UBND tỉnh phê duyệt và tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được UBND tỉnh phê duyệt.

- Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo đúng quy hoạch, KHSD đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt; kiên quyết không cho thực hiện các dự án ngoài điều chỉnh QH, KHSD đất được duyệt.

- Tổ chức thực hiện điều chỉnh quy hoạch, KHSD đất phải thống nhất chặt chẽ từ cấp quốc gia đến cấp tỉnh, huyện để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế-xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh; quy hoạch, kế hoạch của các ngành, địa phương có sử dụng đất phải dựa trên cơ sở điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất của huyện được phê duyệt.

- Xác định ranh giới và công khai diện tích đất trồng lúa nước, đất rừng phòng hộ cần phải bảo vệ nghiêm ngặt cho các xã, thị trấn.

- Kiểm soát chặt chẽ tình trạng tự phát chuyển đất trồng lúa nước sang đất trồng cây lâu năm (ngoài quy hoạch) hoặc chuyển sang sử dụng vào các mục đích khác không theo quy hoạch; tiết kiệm cao nhất diện tích đất trồng lúa nước phải chuyển sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp.

- Tổ chức quản lý, giám sát chặt chẽ khâu xử lý chất thải trước khi xả ra môi trường của các cơ sở sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp và các nhà máy xí nghiệp; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp. Việc sử dụng đất cho mục đích phi nông nghiệp phải theo kế hoạch, tiết kiệm và hiệu quả. Có cơ chế, chính

sách phù hợp để thu hút các nhà đầu tư vào xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển các khu, cụm công nghiệp; phát triển du lịch, dịch vụ tại các địa phương trong tỉnh.

- Đẩy mạnh tiến độ thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới để khai thác tài nguyên đất đai vào phát triển sản xuất, nâng cao đời sống nhân dân.

- Thực hiện tốt việc đào tạo nghề, chuyển đổi cơ cấu ngành nghề đối với lao động có đất bị thu hồi.

- Những khu dân cư quy hoạch bố trí xen ghép hoặc cải tạo chỉnh trang thì cho phép nhân dân được phép tự chuyển mục đích sử dụng đất và nộp tiền sử dụng đất mà không tiến hành thu hồi đất để nâng cao tính khả thi của phương án quy hoạch và đảm bảo tiến độ thực hiện và đáp ứng được nguyện vọng của nhân dân.

- Tập huấn nghiệp vụ chuyên môn, pháp luật đất đai cho cán bộ địa chính để làm tốt công tác quản lý, sử dụng đất của địa phương.

- Tăng cường lực lượng cán bộ kể cả về số lượng và chất lượng cho ngành Tài nguyên và Môi trường; đẩy mạnh công tác tuyên truyền những chính sách, luật pháp, quy định, chế tài liên quan đến sử dụng đất đai cho mọi tầng lớp nhân dân; nâng cao nhận thức và trách nhiệm của nhân dân trong công tác quản lý và sử dụng, bảo vệ tài nguyên đất đai.

- Thực hiện điều tra, đánh giá chất lượng đất sản xuất nông nghiệp để có cơ sở khoa học và thực tiễn trong việc xây dựng phương án chuyển đổi cơ cấu cây trồng hợp lý; có cơ sở đầu tư phân bón cải tạo đất sản xuất nông nghiệp để nâng cao năng suất cây trồng, chất lượng nông sản và bảo vệ, cải tạo đất.

### **3. Giải pháp về chính sách**

- Vận dụng linh hoạt chính sách thu hút và ưu đãi đầu tư của tỉnh để thu hút các nhà đầu tư, đầu tư vào các lĩnh vực ưu tiên của huyện như: phát triển du lịch thái kết hợp với tham quan những vườn cây ăn trái đặc trưng của huyện (sầu riêng, măng cụt, bưởi da xanh, chôm chôm...) tại các xã Sơn Bình, Sơn Lâm, Sơn Hiệp, Ba Cùm Bắc; sản xuất nông nghiệp theo hướng công nghệ cao; chế biến nông lâm sản...;

- Đẩy mạnh xã hội hóa nguồn vốn đầu tư vào các lĩnh vực y tế, giáo dục, thể dục thể thao, khai thác và phát triển du lịch trên cơ sở khai thác tiềm năng lợi thế của địa phương.

- Đối với các dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu lựa chọn phương án thu hút đầu tư theo hình thức BT, BOT, ODA với các công trình trọng điểm...

- Kêu gọi và lựa chọn các nhà đầu tư có đủ năng lực và tài chính đầu tư vào dự án phát triển đô thị (mở rộng thị trấn Tô Hạp, đường D9, kè sông Tô Hạp...), các điểm dân cư nông thôn để có nguồn thu từ đất, tái đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng.

### **4. Giải pháp về nguồn lực và vốn đầu tư**

- Tập trung nguồn vốn để đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng các công trình trọng điểm trên địa bàn huyện như: mở rộng đường tỉnh lộ 9, đường D 9,

đường Hai Bà Trưng, đường Sơn Trung – Sơn Hiệp – Sơn Bình; cụm tiểu thủ công nghiệp Sơn Bình, khu du lịch thác Tà Gụ, hồ Sơn Trung, hồ Sơn Lâm, Trung tâm nghiên cứu khoa học và công nghệ thuộc Sở Khoa học và Công nghệ tại xã Sơn Trung...các công trình khác; đẩy mạnh công tác kêu gọi thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào cụm công nghiệp Sơn Bình để tạo bước đột phá về phát triển kinh tế-xã hội trên địa bàn huyện.

- Lựa chọn các khu đất có vị trí thuận lợi, có giá trị thương mại cao tại thị trấn Tô Hạp, khu dân cư dọc theo đường D9, đường Hai Bà Trưng, đường tỉnh lộ 9...để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và tổ chức bán đấu giá quyền sử dụng đất, tăng nguồn thu cho ngân sách địa phương để thực hiện các khu quy hoạch khác; phát triển hạ tầng phải gắn với khai thác quỹ đất liền kề để điều tiết chênh lệch giá đất do nhà nước đầu tư.

- Huy động các nguồn lực, vốn đầu tư để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công trình, dự án. Vốn đầu tư là nhân tố quan trọng hàng đầu quyết định tính khả thi của phương án quy hoạch sử dụng đất.

- Để thực hiện các chương trình, dự án đúng kế hoạch đề ra, việc bồi thường thiệt hại tài sản và hoa màu cho người dân khi nhà nước thu hồi đất để giải phóng mặt bằng là rất quan trọng. Vấn đề bồi thường cần phải được thực hiện công khai, công bằng, hợp lý, nhanh chóng, đúng đối tượng theo quy định của pháp luật và sát với giá thị trường tại từng địa bàn cụ thể.

- Đầu tư bảo vệ và phát triển tài nguyên rừng để điều hoà khí hậu, hạn chế tác hại của biến đổi khí hậu, tăng dòng chảy trong mùa khô nhằm nâng cao công suất tưới các công trình thủy lợi.

- Khuyến khích nhân dân đầu tư chuyển mục đích sử dụng đất những vùng quy hoạch cho phép chuyển sang đất phi nông nghiệp; khai hoang các vùng đất chưa sử dụng vào sản xuất nông- lâm nghiệp; mở rộng đất trồng cây lâu năm (đặc biệt là các loại cây ăn trái có giá trị kinh tế cao như bưởi da xanh, chôm chôm, măng cụt, sầu riêng...), trồng rừng trên đất chưa sử dụng theo quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng. Đầu tư ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật; chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi và nhân rộng các mô hình sử dụng đất có hiệu quả trên địa bàn huyện để tăng hiệu quả sử dụng đất.

- Tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa cho các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh đến đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh trên địa bàn huyện.

## **5. Giải pháp về khoa học - công nghệ**

- Ứng dụng các biện pháp canh tác tiên tiến trên vùng đất dốc như canh tác theo đường đồng mức; trồng, khoanh nuôi rừng phòng hộ đầu nguồn...để hạn chế ảnh hưởng đến các vùng đất sản xuất nông nghiệp và khu dân cư xung quanh.

- Sử dụng đất theo khả năng thích hợp với từng mục đích sử dụng như: vùng đất dốc vừa (8-20 độ) thì trồng cây lâu năm, vùng dốc trên 25<sup>0</sup> độ thì sử dụng cho mục đích lâm nghiệp (trồng mới rừng và khoanh nuôi tái sinh rừng tự nhiên). Vùng đất có tưới chủ động, địa hình thấp thì trồng lúa nước và các cây trồng có nhu cầu sử dụng nước cao; vùng tưới bán chủ động trồng mía tím, bắp, rau màu các loại; một số khu vực có địa hình vùn, vùn cao có điều kiện tưới tiêu

chủ động chuyển đổi sang trồng bưởi da xanh.

- Đẩy mạnh và mở rộng diện tích đất sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao để cung cấp nông sản, thực phẩm sạch phục vụ phát triển du lịch, dịch vụ và cung cấp cho các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Trong sản xuất công nghiệp - TTCN; chế biến nông, lâm sản phải áp dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại để hạn chế tác hại của chất thải gây ô nhiễm đất canh tác, nguồn nước và môi trường xung quanh.

- Ưu tiên đầu tư công nghệ tiên tiến về xử lý nước thải, rác thải cho cụm công nghiệp Sơn Bình.

## **6. Giải pháp tăng cường công tác quản lý nhà nước về đất đai**

- Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp Luật Đất đai, Luật Khoáng sản và Luật Bảo vệ môi trường và các nghị định hướng dẫn thi hành của Chính phủ nhằm làm chuyển biến nhận thức của cấp Ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể, cán bộ và nhân dân trong huyện; tạo sự đồng thuận trong dư luận đối với quá trình xử lý hành vi vi phạm theo quy định của Pháp luật.

- Sử dụng đồng bộ các công cụ quản lý: pháp luật, quy hoạch, tài chính và hành chính trong quản lý đất đai đảm bảo các quan hệ đất đai vận động theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa có sự quản lý của Nhà nước. Tăng cường áp dụng các biện pháp kinh tế (thuế, phí và cơ chế tài chính khác...), hạn chế việc áp dụng các biện pháp hành chính để điều tiết vĩ mô các hành vi của con người; tăng cường việc đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu các dự án có sử dụng đất; áp dụng linh hoạt các cơ chế, chính sách hình thành các nguồn thu mới từ đất đai để đất đai thực sự trở thành nguồn lực cho mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

- Tổ chức thực hiện đúng quy định của pháp luật đảm bảo hài hòa các lợi ích của Nhà nước, người sử dụng đất và nhà đầu tư; nghiên cứu áp dụng các cơ chế tài chính điều tiết phân giá trị gia tăng của đất không phải do chủ đầu tư mà do nhà nước xây dựng cơ sở hạ tầng hoặc do quy hoạch tạo nên để phục vụ mục đích công; đề xuất cơ quan quản lý nhà nước cấp trên các giải pháp phù hợp với công tác quản lý nhà nước tại địa phương, kiểm soát được tất cả các hoạt động giao dịch đất đai nhằm tăng nguồn thu cho ngân sách Nhà nước, hạn chế tối đa, tiến đến xóa bỏ tình trạng giao dịch “ngầm” về đất đai; điều chỉnh các mức nghĩa vụ tài chính trong đăng ký đất đai cho phù hợp, tiến tới xóa bỏ các phí không chính thức trong đăng ký đất đai.

- Tiếp tục cải cách hành chính, xây dựng nền hành chính minh bạch, hiệu quả đảm bảo thực hiện tốt các hoạt động quản lý nhà nước và các dịch vụ công về đất đai vừa thuận tiện cho người dân và doanh nghiệp; quan tâm đến nhu cầu sử dụng đất của doanh nghiệp vừa và nhỏ, người nghèo và các đối tượng dễ bị tổn thương khác. Tổ chức tốt việc giải quyết khiếu nại, tố cáo và các vấn đề xã hội liên quan đến đất đai; hoàn thiện cơ chế giải quyết tranh chấp và khiếu nại về đất đai theo hướng tăng cường đối thoại và pháp luật thừa nhận hòa giải tại cộng đồng, giải quyết dứt điểm các khiếu nại và tranh chấp về đất đai ngay từ cơ sở, không để xảy ra các điểm “nóng” và tình trạng khiếu kiện vượt cấp, kéo dài.

- UBND các xã, thị trấn thực hiện đầy đủ trách nhiệm quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn theo đúng quy định của Luật Đất đai, Luật Khoáng sản, Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn thi hành; Có trách nhiệm kiểm tra, phát hiện, xử lý kịp thời những hành vi vi phạm sử dụng đất như: Lấn chiếm xây dựng công trình trái phép, chuyển mục đích sử dụng đất không theo quy hoạch, kế hoạch; Chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Chủ tịch UBND huyện khi để tình trạng vi phạm sử dụng đất xảy ra trên địa bàn mình quản lý mà không kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý dứt điểm; Khẩn trương rà soát, thống kê mọi trường hợp vi phạm sử dụng đất trên địa bàn mình quản lý trên cơ sở đó xây dựng kế hoạch triển khai việc xử lý vi phạm; Kiểm tra lại việc quản lý, sử dụng, cho thuê đất công ích theo quy hoạch, kế hoạch và đúng quy định của Pháp luật.

- Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan của huyện: Theo chức năng nhiệm vụ từng ngành tổ chức hướng dẫn, triển khai thực hiện các quy định Pháp luật về đất đai; đẩy mạnh thanh tra, kiểm tra công tác quản lý, sử dụng đất đai tại các xã, thị trấn. Đồng thời tăng cường sự phối hợp với Chủ tịch UBND các xã, thị trấn trong việc kiểm tra phát hiện ngăn chặn xử lý kịp thời các hành vi vi phạm Pháp luật đất đai trên địa bàn.

## **KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

### **I/ KẾT LUẬN**

Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của huyện Khánh Sơn được xây dựng trên cơ sở các chỉ tiêu điều chỉnh Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất của tỉnh Khánh Hòa phân bổ cho huyện Khánh Sơn. Trên cơ sở đó, cấp huyện đã tính toán, cân đối xác định bổ sung thêm nhu cầu sử dụng đất của các ngành, địa phương cho phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội của huyện, của các ngành đến năm 2020; phù hợp với Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ huyện nhiệm kỳ 2015 - 2020.

Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của huyện Khánh Sơn đã đánh giá được kết quả thực hiện các chỉ tiêu quy hoạch đến năm 2020 (thực hiện đến năm 2015) và chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất kỳ đầu (2011 – 2015), đánh giá được kết quả chuyển mục đích sử dụng đất, khai thác đất chưa sử dụng để đưa vào sử dụng đất kỳ đầu; đồng thời cũng nêu ra được những hạn chế, tồn tại của phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 được UBND tỉnh phê duyệt.

Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của huyện được xây dựng trên cơ sở rà soát đánh giá các công trình dự án trong phương án quy hoạch sử dụng đất được duyệt xác định được các công trình dự án đã được triển khai thực hiện, các công trình tiếp tục thực hiện trong kỳ điều chỉnh, các công trình cần phải điều chỉnh (điều chỉnh về vị trí, quy mô, mục đích sử dụng), các công trình hủy bỏ do không đáp ứng được yêu cầu phát triển trong thời kỳ mới. Điều chỉnh quy hoạch cũng đã cập nhật các công trình dự án mới phát sinh (công trình dự án

của quốc gia, của tỉnh) trên địa bàn huyện và các công trình dự án của huyện để bố trí và đưa vào tính toán trong Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất như: xây dựng đường D9, hồ Sơn Lâm, diêm dừng chân đỉnh đèo, thác nước cảnh quan cây Đa, đường lâm nghiệp phục vụ phòng cháy chữa cháy rừng....

Trong quá trình triển khai thực hiện, UBND huyện đã chỉ đạo cho Phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp với đơn vị tư vấn làm việc cụ thể với các phòng ban chuyên môn của huyện, làm việc cụ thể với 8 xã, thị trấn để rà soát xác định các công trình cần phải hủy bỏ, công trình cần phải điều chỉnh, công trình phát sinh mới của các xã, thị trấn. Căn cứ vào kết quả làm việc đơn vị tư vấn đã xây dựng Dự thảo Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 để niêm yết công khai lấy ý kiến của nhân dân các xã, tham vấn ý kiến của các phòng ban chuyên môn trước khi báo cáo thông qua UBND huyện. Do vậy, Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất của huyện đảm bảo tính chính xác và tính khả thi cao, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của huyện Khánh Sơn đến năm 2020.

Với phương án Điều chỉnh quy hoạch như trên, giai đoạn 2016 – 2020 huyện Khánh Sơn sẽ cơ bản đáp ứng được nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, các lĩnh vực từ đó góp phần đạt được mục tiêu tăng trưởng kinh tế- xã hội, quốc phòng an ninh theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Khánh Sơn nhiệm kỳ 2016 – 2020 đã đề ra.

## **II/ KIẾN NGHỊ**

UBND huyện Khánh Sơn đề nghị UBND tỉnh, các Sở, Ngành có liên quan ưu tiên nguồn vốn đầu tư và sớm triển khai đầu tư, thi công các công trình trọng điểm của tỉnh trên địa bàn huyện như: mở rộng nâng cấp đường tỉnh lộ 9, hồ Sơn Trung, Trung tâm nghiên cứu và sản xuất giống nông nghiệp theo hướng công nghệ cao, cụm công nghiệp Sơn Bình...

Đề nghị UBND tỉnh đưa danh mục khu du lịch thác Tà Gụ vào danh mục kêu gọi đầu tư của tỉnh để thu hút nhà đầu tư có năng lực (tài chính – kỹ thuật) đầu tư xây dựng và khai thác khu du lịch sinh thái Thác Tà Gụ...

Phân bổ nguồn kinh phí kịp thời theo Đề án chuyển đổi cơ cấu cây trồng cho huyện để huyện có kinh phí hỗ trợ chuyển đổi cơ cấu cây trồng cho tổ chức, cá nhân và hộ gia đình trên địa bàn huyện được hỗ trợ theo Quyết định số 661/QĐ-UBND ngày 13/03/2017 của UBND tỉnh Khánh Hòa về Ban hành quy định thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp và dịch vụ nông thôn trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2017-2020.

Đẩy nhanh tiến độ thực hiện đề án mở rộng thị trấn Tô Hạp để thị trấn có quy mô dân số và đất đai đảm bảo cho đầu tư xây dựng và phát triển đạt tiêu chuẩn đô thị loại IV theo quy hoạch mạng lưới đô thị được duyệt./.

## MUC LUC

I/ MỤC TIÊU ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2020.....	3
II/ PHƯƠNG PHÁP THỰC HIỆN .....	4
2.1. Nhóm phương pháp thu thập số liệu: gồm các phương pháp sau:.....	4
2.2. Phương pháp chọn điểm nghiên cứu: .....	4
2.3. Phương pháp xử lý số liệu, bản đồ:.....	4
2.4. Phương pháp thống kê, so sánh và phân tích.....	4
2.5. Phương pháp minh họa trên bản đồ .....	4
III/ TỔ CHỨC THỰC HIỆN .....	5
IV/ SẢN PHẨM CỦA DỰ ÁN .....	5
4.1. Sản phẩm điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất.....	5
4.2. Nội dung chính của báo cáo gồm.....	5

### **Phần I**

## **SỰ CẦN THIẾT PHẢI ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2020 CỦA HUYỆN KHÁNH SƠN**

I/ CĂN CỨ PHÁP LÝ ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT .....	6
1.1. Các căn cứ pháp lý .....	6
1.2. Các tài liệu chuyên môn.....	9
II/ PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ BỔ SUNG ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC SỬ DỤNG ĐẤT .....	10
2.1. Phân tích, đánh giá bổ sung điều kiện tự nhiên, các nguồn tài nguyên và thực trạng môi trường.....	10
2.1.1. Phân tích bổ sung điều kiện tự nhiên .....	10
2.1.2. Phân tích, bổ sung các nguồn tài nguyên.....	12
2.1.3. Thực trạng môi trường .....	16
2.2. Phân tích, đánh giá bổ sung thực trạng phát triển kinh tế-xã hội giai đoạn 2011-2015 .....	16
2.2.1. Thực trạng phát triển kinh tế-xã hội giai đoạn 2011-2015 và năm 2016 so với năm 2015.....	16
2.2.2. Phân tích thực trạng phát triển các ngành, lĩnh vực.....	17
2.2.3. Dân số, lao động, việc làm và thu nhập .....	19
2.2.4. Thực trạng phát triển đô thị và các khu dân cư nông thôn .....	20
2.2.5. Thực trạng phát triển cơ sở hạ tầng .....	21
2.2.6. An ninh, quốc phòng.....	25
2.3. Phân tích ảnh hưởng của biến đổi khí hậu tác động đến việc sử dụng đất .....	26
III/ PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ BỔ SUNG TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN THỜI ĐIỂM ĐIỀU CHỈNH.....	27
3.1. Phân tích, đánh giá bổ sung tình hình thực hiện một số nội dung quản lý Nhà nước về đất đai .....	27
3.1.1. Tổ chức triển khai thực hiện các văn bản pháp luật đất đai.....	27
3.1.2. Xác định địa giới hành chính, lập và quản lý hồ sơ địa giới hành chính, lập bản đồ hành chính .....	27



3.1.3. Khảo sát, đo đạc bản đồ địa chính, bản đồ hiện trạng sử dụng đất và bản đồ quy hoạch sử dụng đất; điều tra đánh giá tài nguyên đất.....	28
3.1.4. Quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất .....	29
3.1.5. Quản lý việc giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất.....	29
3.1.6. Quản lý việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất.....	30
3.1.7. Đăng ký đất đai, lập và quản lý hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. ....	30
3.1.8. Thống kê, kiểm kê đất đai.....	31
3.1.9. Xây dựng hệ thống thông tin đất đai, cơ sở dữ liệu đất đai.....	31
3.1.10. Quản lý tài chính về đất đai .....	31
3.1.11. Quản lý, giám sát việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất.....	32
3.1.12. Thanh tra, kiểm tra, giám sát, theo dõi, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật về đất đai và xử lý vi phạm pháp luật về đất đai. ....	33
3.1.13. Phổ biến, giáo dục pháp luật về đất đai. ....	33
3.1.14. Giải quyết tranh chấp về đất đai; giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quản lý và sử dụng đất đai. ....	33
3.1.15. Quản lý các hoạt động dịch vụ công về đất đai .....	33
3.2. Phân tích, đánh giá hiện trạng và biến động sử dụng đất .....	34
3.2.1. Phân tích hiện trạng sử dụng đất.....	34
3.2.1.1. Hiện trạng sử dụng đất năm 2015 .....	34
3.2.2. Phân tích, đánh giá biến động các loại đất từ 2011- 2015.....	37
<b>IV/ PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT .....</b>	<b>42</b>
4.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất.....	42
4.1.1. Đánh giá kết quả thực hiện các công trình dự án và kết quả thực hiện chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 đã thực hiện đến năm 2015 .....	42
4.1.2. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch kỳ đầu (2011 – 2015) .....	44
4.2.3. Kết quả thực hiện chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, thực hiện đến năm 2017 .....	50
4.2. Đánh giá những mặt được, những tồn tại và nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước .....	51
4.2.1. Những mặt đạt được.....	51
4.2.2. Những tồn tại và nguyên nhân .....	52
4.2.3. Bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử .....	52

## **Phần II**

### **PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2020 HUYỆN KHÁNH SƠN, TỈNH KHÁNH HÒA**

<b>I/ ĐIỀU CHỈNH ĐỊNH HƯỚNG SỬ DỤNG ĐẤT .....</b>	<b>53</b>
1.1. Khát quát phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.....	53
1.2. Quan điểm sử dụng đất .....	53
1.2.1. Khai thác triệt để và sử dụng tiết kiệm quỹ đất đai: .....	53

1.2.2. Đảm bảo đáp ứng đầy đủ diện tích đất sử dụng cho mục đích xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, phát triển khu dân cư với mức sống có chất lượng cao, kết hợp phát triển kinh tế-xã hội gắn với quốc phòng, an ninh trên cơ sở chuyển đổi mục đích và điều chỉnh những bất hợp lý trong sử dụng đất. ....	53
1.2.3. Sử dụng hợp lý và bền vững quỹ đất sản xuất nông nghiệp trên cơ sở bảo vệ đất sản xuất nông nghiệp có năng suất cao, đặc biệt đất chuyên trồng lúa nước để đảm bảo an ninh lương thực lâu dài .....	54
1.2.4. Đảm bảo bảo vệ môi trường và cải tạo môi trường đất để sử dụng ổn định lâu dài .....	54
1.3. Định hướng sử dụng đất theo khu chức năng .....	54
1.3.1. Khu vực chuyên trồng lúa nước .....	54
1.3.2. Khu vực chuyên trồng cây lâu năm .....	55
1.3.3. Khu vực rừng phòng hộ .....	55
1.3.4. Khu vực rừng đặc dụng .....	55
1.3.5. Khu vực rừng sản xuất .....	55
1.3.6. Khu vực cụm công nghiệp .....	55
1.3.7. Khu đô thị, thương mại, dịch vụ .....	55
1.3.8. Khu du lịch .....	55
1.3.9. Khu ở, làng nghề, SXPNN nông thôn .....	55
II/ PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH ĐẾN NĂM 2020 .....	56
2.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội .....	56
a. Chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế .....	56
2.1.2. Chỉ tiêu quy hoạch phát triển các ngành kinh tế .....	57
2.2. Cân đối, phân bổ diện tích các loại đất cho các mục đích sử dụng .....	60
2.2.1. Chỉ tiêu sử dụng đất cấp tỉnh phân bổ cho huyện Khánh Sơn .....	60
2.2.2. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực .....	61
2.2.3. Tổng hợp, cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất .....	61
2.2.4. Điều chỉnh diện tích đất chuyển mục đích sử dụng phải xin phép trong kỳ quy hoạch .....	83
2.2.5. Điều chỉnh diện tích đất chưa sử dụng đưa vào khai thác sử dụng .....	83
2.3. Chỉ tiêu các khu chức năng .....	84
2.3.1. Khu vực chuyên trồng cây lâu năm .....	84
2.3.2. Khu vực rừng phòng hộ .....	84
2.3.3. Khu vực rừng đặc dụng .....	84
2.3.4. Khu vực rừng sản xuất .....	84
2.3.5. Khu vực cụm công nghiệp .....	84
2.3.6. Khu đô thị, thương mại, dịch vụ .....	85
2.3.7. Khu du lịch .....	85
2.3.8. Khu ở, làng nghề, SXPNN nông thôn .....	85
III/ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG .....	85
3.1. Đánh giá tác động của phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến nguồn thu từ việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và chi phí cho việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư .....	85

3.2. Đánh giá tác động của phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến khả năng bảo đảm an ninh lương thực.....	85
3.3. Đánh giá tác động của phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đối với việc giải quyết quỹ đất ở, mức độ ảnh hưởng đến đời sống các hộ dân phải di dời chỗ ở, số lao động phải chuyển đổi nghề nghiệp do chuyển mục đích sử dụng đất .....	85
3.4. Đánh giá tác động của phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến quá trình đô thị hóa và phát triển hạ tầng .....	86
3.5. Đánh giá tác động của phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất việc tôn tạo di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, bảo tồn văn hoá các dân tộc .....	86
3.6. Đánh giá tác động của phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến khả năng khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên; yêu cầu bảo tồn, phát triển diện tích rừng và tỷ lệ che phủ.....	86

### **Phần III**

## **KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2016**

1. Chỉ tiêu sử dụng đất năm 2016 .....	87
2. Diện tích phải thu hồi đất năm 2016 .....	88
3. Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất năm 2016.....	89
4. Khai thác đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng các mục đích năm 2016.....	89

### **Phần IV**

## **GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

1. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường .....	89
2. Giải pháp về tổ chức thực hiện điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất .....	90
3. Giải pháp về chính sách .....	91
4. Giải pháp về nguồn lực và vốn đầu tư .....	91
5. Giải pháp về khoa học - công nghệ.....	92
6. Giải pháp tăng cường công tác quản lý nhà nước về đất đai .....	93

### **Phần V**

## **KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

I/ KẾT LUẬN .....	94
II/ KIẾN NGHỊ .....	95